

Số: 123/TB-TMDK

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Gói thầu số 03: Phi tư vấn – Thi công Sửa chữa cầu cảng Phước Khánh
thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh

Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Petimex) thông báo mời chào hàng cạnh tranh theo Quy chế Công ty như sau:

Bên mời thầu: Công ty cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (Petimex).

Địa chỉ: số 472 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02773.870010 – Kiến Tâm 0918715004

Tên gói thầu số 03: Phi tư vấn – Thi công Sửa chữa cầu cảng Phước Khánh
thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh

Địa điểm công trình: xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai

Giá gói thầu: 2.154.778.803đồng

Nội dung chính của gói thầu: Thi công Sửa chữa cầu cảng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 75 ngày

Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh không qua mạng

Thời gian phát hành hồ sơ **miễn phí từ ngày đăng website công ty**: Ngày 14/11/2025 đến trước khi đóng thầu (*trong giờ hành chính*).

Địa điểm phát hành hồ sơ: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Petimex - Địa chỉ: số 472 Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp hoặc trang website Petimex

Giá trị bảo đảm dự thầu: 32.000.000đồng

Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 90 ngày

Thời điểm đóng thầu: 14 giờ 15 phút ngày 24 tháng 11 năm 2025

Thời điểm mở thầu: 14 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 11 năm 2025 (thứ hai)

Công ty cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp, kính mời các nhà thầu quan tâm tham gia mua và nộp hồ sơ dự chào hàng cạnh tranh vào thời gian và địa điểm nêu trên.



Dinh Thiện Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

GÓI THẦU:	GÓI THẦU SỐ 03: PHI TƯ VẤN - THI CÔNG SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH
CÔNG TRÌNH:	TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH
CHỦ ĐẦU TƯ:	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
TƯ VẤN LẬP HSYC:	CÔNG TY CP TƯ VẤN TK & XD TỔNG HỢP

Năm 2025

Số: 500/QĐ-TMDK

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu
Gói thầu số 03: Phi tư vấn – Thi công Sửa chữa cầu cảng Phước Khánh
thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh

TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-HĐQT-TMDK ngày 31/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-TMDK ngày 16/09/2025 của Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc thành lập tổ mua sắm gói thầu Thi công Sửa chữa cầu cảng Phước Khánh thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh;

Theo Tờ trình của tổ chuyên gia Công ty cổ phần tư vấn Thiết kế và Xây dựng Tổng hợp số 77/TTr- TVTH ngày 12/11/2025 về việc đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu số 03 Phi tư vấn- Thi công Sửa chữa cầu cảng Phước Khánh thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu số 03 Phi tư vấn- Thi công Sửa chữa cầu cảng Phước Khánh thuộc công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh như hồ sơ yêu cầu đính kèm.

Điều 2. Giao Tổ mua sắm chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo hồ sơ yêu cầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phó Tổng Giám đốc phụ trách, Trưởng các Phòng Kế hoạch Đầu tư, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kiểm soát nội bộ, Tổ mua sắm và Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Tổng Hợp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHĐT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐINH THIÊN HIỀN

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Tên gói thầu:	Gói thầu số 03: Phi tư vấn - Thi công Sửa chữa cầu cảng Phước Khánh
Công trình:	Tổng kho xăng dầu Phước Khánh
Phát hành ngày:	14 /11/2025
Ban hành kèm theo Quyết định:	Số 500 /QĐ-TMDK ngày 14 /11/2025 của Công ty cổ phần thương mại dầu khí Đồng Tháp

TƯ VẤN LẬP HỒ SƠ YÊU CẦU
CÔNG TY CP TƯ VẤN TK & XD



Đặng Hoàng Minh

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG
MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Thiện Hiền

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

- A. Khái quát
- B. Chuẩn bị HSDX
- C. Nộp và mở HSDX
- D. Đánh giá và Xếp hạng nhà thầu
- E. Trao Hợp đồng

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

Chương III. Biểu mẫu

- Mẫu số 1. Đơn chào hàng
- Mẫu số 2. Giấy ủy quyền
- Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh
- Mẫu số 4. kê khai thông tin về nhà thầu
- Mẫu số 5. Thông tin các thành viên của nhà thầu Liên danh
- Mẫu số 6. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện
- Mẫu số 7. Hợp đồng đã và đang thực hiện của nhà thầu
- Mẫu số 8. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu
- Mẫu số 9. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu
- Mẫu số 10. Bảo lãnh dự thầu
- Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu và tiến độ thực hiện
- Mẫu số 12. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Chương IV. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương V. Dự thảo hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam

Chương I CHỈ DẪN NHÀ THẦU

A. KHÁI QUÁT

1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng

1.1 Chủ đầu tư phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu Gói thầu số 03: Phi tư vấn - Thi công Sửa chữa cầu cảng Phước Khánh được mô tả trong Chương IV - Phạm vi và tiến độ thực hiện.

1.2 Tên gói thầu, nội dung công việc của gói thầu cụ thể như sau: gói thầu Gói thầu số 03: Phi tư vấn - Thi công Sửa chữa cầu cảng Phước Khánh.

1.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: 75 ngày.

2. Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh

3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu đối với gói thầu này.

4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến Chủ đầu tư tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này, Chủ đầu tư thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC trước ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSDX. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cũng như rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khảo sát hiện trường. Nhà thầu cần liên hệ trước với Chủ đầu tư để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

B. CHUẨN BỊ HSDX

5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi mua HSYC cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi hợp đồng có hiệu lực.

6. Ngôn ngữ của HSDX

Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

7. Thành phần của HSDX

HSDX phải bao gồm các thành phần sau:

- Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8;
- Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo quy định tại Mẫu số 2;
- Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14;
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 12;
- Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 9;
- Thành phần đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 11;
- Các nội dung khác:.....

8. Đơn chào hàng và các bảng biểu

Đơn chào hàng và các bảng biểu phải thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại các mẫu tương ứng theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

9. Giá dự thầu và giảm giá

9.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ chi phí (không tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

9.2 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì phải được nộp trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục công việc.

9.3 Nhà thầu phải chào giá tương ứng theo biểu giá quy định tại Mẫu số 12.

10. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán:

Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND

11. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

12. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Nhà thầu phải điền thông tin cần thiết vào trong các mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

13. Thời hạn hiệu lực của HSDX

13.1 HSDX phải có hiệu lực trong **60 ngày**. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ bị loại.

13.2 Trong những trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp, bị loại và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX

14. Bảo đảm dự thầu

14.1 Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được thực hiện theo Mẫu số 10. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ bị loại.

b) Thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu.

14.2 Nội dung bảo đảm dự thầu:

- Giá trị bảo đảm dự thầu: **32.000.000 VND**
- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **≥ 90 ngày**
- Hình thức: Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được thực hiện theo **Mẫu số 10**

14.3 Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSYC.

14.4 Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

14.5 Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;

c) Nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Mục này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả

15. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX

15.1 Nhà thầu phải chuẩn bị **01 bộ HSDX gốc** và ghi rõ “**BẢN GỐC**”. Ngoài ra, nhà thầu còn phải nộp **03 bản chụp** của HSDX và phải ghi rõ “**BẢN CHỤP**”. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

15.2 Bản gốc của HSDX cần được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, thư giảm giá (nếu có), văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác tại Chương III – Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 và được nộp cùng với HSDX. Tên và chức vụ của người ký văn bản ủy quyền cần được đánh máy hoặc in bên dưới chữ ký.

15.3 Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Trong mọi trường hợp tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý với bằng chứng là văn bản thỏa thuận liên danh có chữ ký của các đại diện được ủy quyền hợp pháp của các thành viên trong liên danh.

15.4 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký đầy đủ hoặc chữ ký tắt của người ký HSDX hoặc người được ủy quyền đại diện.

C. NỘI DUNG VÀ MỞ HSDX

16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX

16.1 Nhà thầu đựng bản gốc và bản chụp của HSDX, bên ngoài ghi rõ “BẢN GỐC” hoặc “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI” (nếu có) và “BẢN CHỤP”. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

16.2 Trên các túi đựng hồ sơ phải:

a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu.....;

b) Ghi tên người nhận là Chủ đầu tư.....;

c) Ghi tên gói thầu.....;

d) Ghi dòng chữ cảnh báo không được mở trước ...giờ, ngày ...(thời gian đóng thầu)

16.3 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới Chủ đầu tư, không ghi đúng thông tin trên túi đựng HSDX, Chủ đầu tư cũng sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn quy định tại Mục 16.2 nêu trên.

17. Thời hạn nộp HSDX

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX đến địa chỉ của Chủ đầu tư nhưng phải đảm bảo Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: **14 giờ 15 phút, ngày 24 /11/2025**

18. HSDX nộp muộn

Chủ đầu tư sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDX theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Chủ đầu tư nhận được sau khi hết hạn nộp HSDX được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng

19. Mở HSDX

Sau thời điểm đóng thầu, Chủ đầu tư tiến hành mở các HSDX và lập biên bản mở thầu. Chủ đầu tư chỉ mở các HSDX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự buổi mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:

- Tham dự độc lập hay liên danh;
- Số lượng bản gốc, bản chụp;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự buổi mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

D. ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG NHÀ THẦU

20. Giải thích làm rõ HSDX

20.1 Sau khi mở HSDX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trường hợp HSDX của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.2 Trong khoảng thời gian 3 ngày, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDX của mình thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Chủ đầu tư để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX. Chủ đầu tư phải thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được tài liệu bổ sung làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.3 Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được Chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSDX.

21. Đánh giá các HSDX

Chủ đầu tư sẽ áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp được liệt kê trong Mục này để đánh giá các HSDX.

21.1 Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX theo quy định tại Bước 1, 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.2 Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

21.3 Đánh giá về kỹ thuật và giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét xác định giá thấp nhất theo quy định tại Bước 5 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.4 Sau khi đánh giá đề xuất tài chính, Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất là nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất vào thương thảo hợp đồng.

22. Sửa lỗi số học

22.1 Sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam;

- Khi Chủ đầu tư cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ sẽ có ý nghĩa quyết định, trừ trường hợp số tiền ghi bằng chữ có liên quan đến một lỗi sai chính tả thì khi đó, số tiền ghi bằng số sẽ có ý nghĩa quyết định.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

22.2 Sau khi sửa lỗi, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi đối với HSDX của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi theo thông báo của Chủ đầu tư thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

23. Hiệu chỉnh sai lệch

23.1 Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

- Trường hợp trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

- Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

23.2 Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí theo yêu cầu nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu.

23.3 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng; trường hợp sai lệch thiếu lớn hơn 10% thì HSDX sẽ bị loại.

23.4 Trường hợp nhà thầu có HSDX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu.

23.5 Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của nhà thầu; Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư về việc chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Chủ đầu tư thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

24. Thương thảo về hợp đồng

24.1 Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng, nếu nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

24.2 Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá HSDX;
- b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu;
- c) HSYC.

24.3 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC mà chỉ tiến hành thương thảo đối với các sai lệch,

b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Chủ đầu tư báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu đó. Trường hợp chỉ có duy nhất nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì việc thương thảo hợp đồng đối với sai lệch thiếu căn cứ vào mức đơn giá chào thầu trong HSDX của nhà thầu này (nếu đơn giá đó thấp hơn đơn giá trong dự toán); căn cứ vào mức đơn giá trong dự toán (nếu đơn giá đó cao hơn đơn giá trong dự toán).

24.4 Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong HSYC có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

24.5 Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, biểu giá, tiến độ cung cấp.

24.6 Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

25. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

25.1 Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Bước 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.2 Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.3 Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

25.5 Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;

25.6 Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

26. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư sẽ gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên nhà thầu trúng thầu;

b) Địa chỉ hiện tại của nhà thầu trúng thầu;

c) Giá trúng thầu;

d) Loại hợp đồng;

- d) Thời gian thực hiện hợp đồng;
- e) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;
- g) Thời điểm bắt đầu giải tỏa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu;
- h) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.

E. TRAO HỢP ĐỒNG

27. Điều kiện ký kết hợp đồng

Điều kiện ký kết hợp đồng:

27.1 Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực;

27.2 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu quy định ở Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng;

28. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

28.1 Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải sử dụng Mẫu số 17.

28.2 Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Bước 1: Kiểm tra HSDX, bao gồm:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền hoặc thỏa thuận về việc đại diện hợp pháp ký đơn chào hàng (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSDX;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư;
- đ) Thời hạn hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu của HSYC;
- e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu tại Mục 14 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu, với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSYC. Bảo đảm dự thầu phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phần công việc của gói thầu mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận;

i) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

k) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh. Tuy nhiên năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên liên danh chỉ xét theo phần công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (được thể hiện trong Thỏa thuận liên danh).

Bước 3: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính 2024.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh
3	Doanh thu bình hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 2.154.778.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu Trong đó:	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 06

Bước 4: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, sử dụng tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”.

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục đánh giá về tài chính khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “Đạt”.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Chủng loại quy cách vật tư sử dụng cho gói thầu này nêu tại - Chương IV – Yêu cầu về kỹ thuật	- Có liệt kê chi tiết chủng loại, quy cách, thương hiệu, xuất xứ,... vật tư sử dụng cho gói thầu này đáp ứng Chương IV – Yêu cầu về kỹ thuật	Đạt
	Không có liệt kê chủng loại quy cách vật tư sử dụng cho gói thầu này	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trình: thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, liên lạc,...	Có sơ đồ tổ chức mặt bằng công trình và thuyết minh chi tiết: thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, liên lạc,...	Đạt
	Không có sơ đồ tổ chức hiện trường và thuyết minh hoặc có nhưng không đầy đủ, không chi tiết	Không đạt
2.2. Có giải pháp Thi công gói thầu theo đúng yêu cầu kỹ thuật	Có thuyết minh đề xuất giải pháp thi công hợp lý, phù hợp với tiến độ thi công và hiện trạng công trình.	Đạt
	Không có đề xuất hoặc đề xuất biện pháp thi công không hợp lý.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị	Có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị	Đạt
	Không có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị	Không

	cấp vật tư, thiết bị, bố trí nhân sự đầy đủ chi tiết	Đạt
3.2 Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	Đạt
	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, hoặc có nhưng không đầy đủ và không rõ ràng	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công hợp lý	Có Bảng tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật, với thời gian ≤ 75 ngày.	Đạt
	Đề xuất thời gian thi công vượt quá 75 ngày kể từ ngày có lệnh khởi công	Không đạt
4.2. Tính phù hợp a. Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b. Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Có đề xuất đầy đủ, hợp lý và khả thi cho cả 2 nội dung	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

5. Bảo hành, bảo trì

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Cam kết Bảo hành	- Cam kết: thời gian bảo hành công trình ≥ 24 tháng	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết không đạt.	Không đạt

6. Biện pháp đảm bảo chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Biện pháp đảm bảo Chất lượng vật tư, thiết bị đầu vào và Chất lượng công trình thi công	Có Biện pháp đảm bảo Chất lượng vật tư, thiết bị đầu vào và chất lượng công trình thi công hợp lý và khả thi với biện pháp thi công	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt.	Không đạt

7. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Biện pháp an toàn	Có Biện pháp an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi, đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật trong quá trình thi công	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt.	Không đạt

8. Uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
8.1. Uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu của 3 năm gần đây:	- Nhà thầu có cam kết chưa từng vi phạm một trong các hành vi sau: a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; b) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng; c) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; d) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; e) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đầu thầu trong nước.	Đạt

	- Nhà thầu không có cam kết đầy đủ các nội dung hoặc Chủ đầu tư tìm thấy tài liệu nhà thầu vi phạm một trong các nội dung trên	Không đạt
8.2. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	- Nhà thầu có cam kết đối với các hợp đồng xây lắp đã thực hiện trong vòng 03 năm gần đây: a) Không có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu. b) Công trình không có các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. c) Không có trường hợp vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	Đạt
	- Nhà thầu không có cam kết đầy đủ các nội dung hoặc Chủ đầu tư tìm thấy tài liệu nhà thầu vi phạm các nội dung trên	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

9. Các yêu cầu khác:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Có các cam kết	- Cam kết đóng thuê văng lai tại địa bàn tỉnh thi công nếu trúng thầu. - Cam kết chịu tất cả các loại thuế phí của toàn bộ vật tư, thiết bị có liên quan đến công trình	Đạt
	- Không có các cam kết trên	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt.	Không đạt

Bước 5: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Chuyển đổi giá dự thầu (là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá) sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 6: So sánh giữa các HSDX để xác định giá thấp nhất.

Chương III. Biểu mẫu

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: [điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: [điền tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: [điền tên đầy đủ của Chủ đầu tư]

Sau khi nghiên cứu HSYC mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽¹⁾ cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽²⁾.

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một HSDX này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực;

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28, Chương I.

HSDX này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁴⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu⁽⁵⁾]

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất

các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Chủ đầu tư..

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp nêu trong HSDX.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 3 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

(5) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn chào hàng và các tài liệu khác trong HSDX là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] do ____ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*
(nếu có)]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, Tổng Giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp

được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: ____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ ____ [Luật Đấu thầu]⁽²⁾;- Căn cứ ____⁽²⁾;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh ____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc ____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [Ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỪNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E hoặc 04G) Chương III; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn phía dưới. Không được thay đổi định dạng trình bày và không được dùng các mẫu khác thay thế.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên nhà thầu <i>[điền tên hợp pháp, địa chỉ, số điện thoại, email... của Nhà thầu]</i>
2. Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, điền tên pháp lý của từng thành viên liên danh: <i>[điền tên hợp pháp của từng thành viên trong liên danh]</i>
3. Năm thành lập: <i>[điền năm nhà thầu thành lập công ty]</i>
4. Kèm theo là bản sao của các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào các ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i> ☐ Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết) và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. ☐ Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh. ☐ Các tài liệu chứng minh những điểm nêu dưới đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: • TỰ CHỦ VỀ PHÁP LÝ VÀ TÀI CHÍNH • HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP
5. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn dưới đây. Nhà thầu và từng thành viên của Liên danh đều phải điền thông tin vào bảng ở dưới.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên Nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của Nhà thầu]</i>
2. Tên thành viên của Liên danh nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của thành viên Liên danh]</i>
3. Năm thành lập công ty của thành viên Liên danh: <i>[điền năm thành lập công ty của thành viên Liên danh]</i>
Kèm theo là bản sao các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i> ☐ Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết), và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. ☐ Các tài liệu chứng minh những điểm sau đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: tự chủ về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại.
4. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bao đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Khoản 4 Bước 3 Chương II⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó để làm cơ sở đánh giá.

HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ *[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định Khoản 1 Bước 3 Chương II

- ☐ Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.
- ☐ Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và HSDX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU
(Bảo đảm của ngân hàng)

Bên thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: [điền số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo đảm: [điền tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [điền tên nhà thầu]⁽¹⁾ (sau đây sẽ gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày kể từ ngày ____ tháng năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương I;

c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng.

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng gửi cho

Bên yêu cầu bảo lãnh thông báo kết quả đấu thầu; trong vòng 20 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: "Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho Chủ đầu tư khoản tiền nêu trên khi Chủ đầu tư có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC."

(2) Ghi theo quy định tại Chương I.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Chương I

BẢNG GIÁ DỰ THẦU VÀ TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Công tác xây lắp								
I.A	SỬA CHỮA BẢN MẶT CẦU								$A = I.A + I.B + \dots$
1	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép, bằng máy khoan cầm tay	Theo quy định tại Chương IV	11,4000	m ³	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
2	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép đường kính $\Phi 14$	Theo quy định tại Chương IV	16,9661	100kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
4	Quét Sika Monotop 610 lên bề mặt đã đục tẩy	Theo quy định tại Chương IV	142,5300	m ²	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
5	Trát vữa Sika Monotop 615HB sau khi quét Sika Monotop 610	Theo quy định tại Chương IV	11,4000	m ³	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
I.B	SỬA CHỮA (DÀM NGANG, DÀM DỌC, DÀM MÓ RỘNG,	Theo quy định tại Chương IV			Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			

	DÀM CONSOLE)	Theo quy định tại Chương IV							
1	Đục bê tông phạm vi hư hỏng	Theo quy định tại Chương IV	0,6600	m ³	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
2	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép đường kính Φ14	Theo quy định tại Chương IV	1,1456	100kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
3	Quét Sika Monotop 610 lên bề mặt đã đục tẩy	Theo quy định tại Chương IV	8,2100	m ²	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
4	Trát vữa Sika Monotop 615HB sau khi quét Sika Monotop 610	Theo quy định tại Chương IV	0,6600	m ³	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
L.C	SỬA CHỮA CỌC	Theo quy định tại Chương IV			Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
1	Gia công, lắp đặt cốt thép GFRP, đường kính cốt thép Φ16	Theo quy định tại Chương IV	144,0000	m	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
2	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép đường kính Φ8	Theo quy định tại Chương IV	0,5663	100kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
3	Bơm rót vữa EstogROUT UW	Theo quy định tại Chương IV	2,6400	m ³	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
4	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép đường kính Φ16	Theo quy định tại Chương IV	0,7953	100kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
5	Thép tấm dày 2mm	Theo quy định tại Chương IV	473,5200	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
6	Thép tấm dày 2,8mm	Theo quy định tại Chương IV	465,8400	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			

		định tại Chương IV				Phước, tỉnh Đồng Nai			
7	Gia công ván khuôn	Theo quy định tại Chương IV	0,9394	tấn		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
8	Thép tấm dày 6mm	Theo quy định tại Chương IV	438,8400	kg		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
9	Ilàn đai kẹp cọc	Theo quy định tại Chương IV	8,2800	10m		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
10	Cáp Ø10	Theo quy định tại Chương IV	122,4000	m		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
11	Tăng dơ	Theo quy định tại Chương IV	48,0000	bộ		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
12	Thép Ø20	Theo quy định tại Chương IV	0,5328	100kg		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
13	Khoan cấy móc treo d24, L=300mm	Theo quy định tại Chương IV	24,0000	lỗ khoan		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
14	Cắt móc treo	Theo quy định tại Chương IV	24,0000	móc		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
I.D	SỬA CHỮA ĐÀI TRỤ VA, ĐÀI TRỤ NEO	Theo quy định tại Chương IV				Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
1	Dục bê tông phạm vi hư hỏng	Theo quy định tại Chương IV	0,1400	m ³		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		

2	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép đường kính Φ14	Theo quy định tại Chương IV	0,2308	100kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	
3	Quét Sika Monotop 610 lên bề mặt đã đục tẩy		1,6900	m ²	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	
4	Trát vữa Sika Monotop 615HB sau khi quét Sika Monotop 610		0,1400	m ³	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	
L.E	HỆ SÀN ĐẠO THI CÔNG				Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	
1	Hệ sàn đạo sửa chữa sàn công nghệ phân đoạn 1: Thép hình 1100x55x4,5		45,4305	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	
2	Thép hộp vuông 50x1,8		14,4180	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	
3	Đại ôm cọc		18,8680	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	
4	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo dưới nước (luân chuyển 4 lần)		1,5064	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	
5	Tháo dỡ kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo, dưới nước (luân chuyển 4 lần)		1,5064	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	
6	Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn làm sàn đạo (luân chuyển 4 lần)		0,0520	m ²	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	
7	Hệ sàn đạo sửa chữa		79,4865	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày	

	sản công nghệ phân đoạn 2: Thép hình I100x55x4,5				Phước, tỉnh Đồng Nai			
8	Thép hộp vuông 50x1,8	24,1380	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
9	Dai ôm cọc	31,5880	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
10	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn dáo (luân chuyển 7 lần)	2,6362	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
11	Tháo dỡ kết cấu thép hệ khung dàn, sàn dáo, dưới nước (luân chuyển 7 lần)	2,6362	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
12	Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn làm sàn dáo (luân chuyển 7 lần)	0,1120	m2	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
13	Hệ sàn dáo sửa chữa sản công nghệ phân đoạn 3: Thép hình I100x55x4,5	45,4305	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
14	Thép hộp vuông 50x1,8	14,4180	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
15	Dai ôm cọc	18,8680	kg	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
16	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn dáo (luân chuyển 4 lần)	1,5064	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày			
17	Tháo dỡ kết cấu thép hệ	1,5064	tấn	Xã Đại	75 ngày			

	khung dàn, sàn đạo, dưới nước (luân chuyển 4 lần)				Phước, tỉnh Đồng Nai			
18	Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn làm sàn đạo (luân chuyển 4 lần)	0,0640	m ²		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
19	Hệ sàn đạo sửa chữa cầu dẫn phân đoạn 1: Thép hình 1100x55x4,5	102,1905	kg		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
20	Thép hộp vuông 50x1,8	30,6180	kg		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
21	Dai ôm cọc	40,0680	kg		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
22	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo (luân chuyển 9 lần)	3,3894	tấn		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
23	Tháo dỡ kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo, dưới nước (luân chuyển 9 lần)	3,3894	tấn		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
24	Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn làm sàn đạo (luân chuyển 9 lần)	0,1440	m ²		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
25	Hệ sàn đạo sửa chữa cầu dẫn phân đoạn 2: Thép hình 1100x55x4,5	22,7265	kg		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
26	Thép hộp vuông 50x1,8	7,9380	kg		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
27	Dai ôm cọc	10,3880	kg		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		

28	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn dáo (luân chuyển 2 lần)		0,7532	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
29	Tháo dỡ kết cấu thép hệ khung dàn, sàn dáo, dưới nước (luân chuyển 2 lần)		0,7532	tấn	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
30	Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn làm sàn dáo (luân chuyển 2 lần)		0,0320	m2	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		
II	Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh*		5% (b1)		Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	75 ngày		$B = b1\% \times A$
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))								
A + B								

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(8): Nhà thầu diện.

(9), (10): Nhà thầu diện đơn giá, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

* Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Chương IV

YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Công trình: Tổng kho xăng dầu Phước Khánh
- Gói thầu: Gói thầu số 03: Phi tư vấn - Thi công Sửa chữa cầu cảng Phước Khánh
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thương mại dầu khí Đồng Tháp
- Địa điểm xây dựng: xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai
- Thời gian thực hiện gói thầu: 75 ngày
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn sản xuất kinh doanh

2. Mục tiêu công việc:

Quá trình thi công sửa chữa được thực hiện theo phương pháp cuốn chiếu, thi công dứt điểm từng cấu kiện đến khi đảm bảo chịu lực mới tiến hành sửa chữa cấu kiện tiếp theo. Thường xuyên kiểm tra theo dõi các cấu kiện lân cận cấu kiện đang được sửa chữa để kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường ảnh hưởng đến chịu lực, ổn định cầu tàu, từ đó tìm ra nguyên nhân và có biện pháp khắc phục trước khi triển khai tiếp.

2.1. Sửa chữa các hư hỏng loại 1 của sàn công nghệ, cầu dẫn, trụ neo, trụ va:

- Xác định vị trí các hư hỏng loại 1;
- Đục bỏ lớp bê tông bảo vệ cốt thép đã bị hư hỏng;
- Thu gom phần bê tông đã đục bỏ, đóng bao đưa lên bờ tập kết đúng nơi quy định;
- Vệ sinh sạch sẽ bề mặt bê tông, xử lý lớp cốt thép han gỉ;
- Gia công lắp đặt lưới cốt thép phi 14 gia cường: chiều dài thanh cốt thép gia cường bổ sung bằng chiều dài phạm vi đục mở rộng sửa chữa, đảm bảo chiều dài chi tiết nối theo điều kiện hiện trạng thực tế;
- Quét 1 lớp keo liên kết lên bê tông cũ: sử dụng Sika monotop 610 để tạo liên kết cho lớp bê tông cũ và lớp vữa mới sửa chữa;
- Trám lại bằng vữa phục hồi sika monotop 615 HB;
- Bảo dưỡng lớp vữa trám sửa chữa;
- Hoàn thiện bề mặt và nghiệm thu.

❖ Do bến cảng xăng dầu Phước Khánh đặc thù là vừa thi công sửa chữa vừa phải đảm bảo khai thác hoạt động, do đó chọn phương án sửa chữa các hư hỏng bằng trám sika monotop 615 HB là phù hợp (quá trình thi công không phát sinh tia lửa điện cũng như không có các công tác dễ gây cháy nổ), qua đó vừa hiệu quả sửa chữa vừa đảm bảo an toàn theo các quy định của cảng.

2.2. Sửa chữa cọc hư hỏng trụ neo TN1 (hư hỏng loại 2):

- Xác định vị trí các hư hỏng loại 2;

- Vệ sinh bề mặt cọc ống BTCT phạm vi sửa chữa;
- Gia công lồng thép FRP trên mặt cầu cảng hoặc bãi gia công cầu kiện, lồng thép được chia làm hai nửa để thuận tiện cho quá trình thi công lắp dựng;
- Khoan lỗ cấy thanh thép chờ trên đài và móc neo cáp định vị ván khuôn khi đổ vữa;
- Cấy các thanh thép chờ và móc neo cáp định vị ván khuôn bằng keo Hilti RE 100 . Quét sika bảo vệ phần đầu chờ các thanh thép đã neo cấy, sử dụng sika monotop 610 ;
- Lắp đặt đai kẹp cọc giữ ván khuôn thép;
- Lắp đặt lồng thép FRP vào vị trí, liên kết các thanh FRP và thanh thép chờ bằng các kẹp thép chữ U đã được mạ kẽm;
- Bơm/rót vữa EstogROUT UW vào khoảng hở giữa cọc hiện hữu và ván khuôn thép theo hướng từ dưới lên. Bơm/rót với tốc độ chậm để không tạo bọt khí, theo dõi và dùng bơm khi vữa đầy và tràn ra phía trên đỉnh ván khuôn;
- Hoàn thiện bề mặt sửa chữa và nghiệm thu.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

- Nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên bản vẽ thiết kế thi công được phê duyệt. Ngoài ra, nhà thầu còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác (nếu có).

QUY ĐỊNH CHÍNH VỀ VẬT LIỆU:

Tất cả các chủng loại vật liệu trước khi đưa vào thi công phải có chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất và kết quả thí nghiệm kiểm tra chất lượng của đơn vị kiểm tra có tư cách pháp nhân. Vật liệu phải đạt chất lượng theo các quy định của các tiêu chuẩn hiện hành và các quy định cụ thể sau:

3.1. Cốt thép sử dụng cho công trình:

- Cốt thép sử dụng cho công trình phải đạt các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 1651-2018: Thép cốt bê tông (phần 1: Thanh thép tròn trơn và phần 2: Thanh thép vằn).
- Thép thanh trong công trình phải thỏa mãn các chỉ tiêu cơ tính nêu trong bảng sau.

Các chỉ tiêu cơ tính của cốt thép trong bê tông

Loại thép	Giá trị đặc trưng của giới hạn chảy trên ReH (Mpa)	Giá trị đặc trưng của giới hạn bền kéo Rm (Mpa)	Giá trị đặc trưng quy định của độ giãn dài %	
			Độ giãn dài tương đối sau kéo đứt A5 (thép tròn trơn),	Độ giãn dài tổng ứng với lực lớn nhất Agt (%)

			A (thép vằn)	
	Nhỏ nhất	Nhỏ nhất	Nhỏ nhất	Nhỏ nhất
CB 240-T	240	380	20	2
CB 300-V	300	450	16	8
CB 400-V	400	570	14	8

Ghi chú: 1 Mpa = 10.2 kg/cm² ≈ 10 kg/cm²

Liên kết hàn: que hàn đảm bảo các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 3223 – 2000: Que hàn điện dùng cho thép cacbon thấp và thép hợp kim thấp - Ký hiệu, kích thước và yêu cầu kỹ thuật chung.

Que hàn dùng trong các liên kết hàn đảm bảo: độ bền kéo ≥ 430 N/mm².

Bulong đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 1916: 1995. Bulong, vít, vít cấy và đai ốc. Yêu cầu kỹ thuật. Cấp bền sử dụng là 4.6.

Liên kết hàn cần tuân thủ tiêu chuẩn TCVN 1961-1975. Mỗi hàn hồ quang điện bằng tay.

3.2. Thép gia cường:

Thép gia cường sử dụng cốt composite thủy tinh GFRP (Glass Fiber Reinforced Polymer) có các chỉ tiêu và đặc trưng cơ bản như sau:

- Giới hạn bền khi kéo : $\sigma_u \geq 800$ MPa
- Modul đàn hồi khi kéo : $E_f \geq 45$ GPa
- Giới hạn bền khi nén : $\sigma_c \geq 300$ MPa
- Giới hạn bền khi cắt : $\tau_{sh} \geq 150$ MPa
- Cường độ bám dính với bê tông: $\tau_r \geq 12$ Mpa
- Biến dạng tỷ đối cực hạn : $1 \div 3\%$

Giới hạn bền khi kéo và modul đàn hồi khi kéo của FRP không được nhỏ hơn giá trị ghi trong các tài liệu của nhà sản xuất. Nếu trong các tài liệu của nhà sản xuất ghi các giá trị lớn hơn của giới hạn bền và modul đàn hồi thì cần tuân thủ theo các yêu cầu trong tài liệu của nhà sản xuất.

Các yêu cầu về hình dạng bên ngoài:

- Các dấu hiệu nhận biết FRP đặc trưng cho nhãn hiệu, các chỉ tiêu hình học và các thông số của gờ phải được ghi trong tài liệu của nhà sản xuất.

- Theo các chỉ tiêu hình dạng bên ngoài (khuyết tật), FRP không có các dấu hiệu vỡ, nứt mẻ, phân lớp, rỗ, các vết lõm do tác động cơ học với hư hỏng sợi.

- Các yêu cầu đối với nguyên vật liệu, vật liệu:

- Các vật liệu sử dụng để chế tạo FRP phải phù hợp với các yêu cầu của các tài liệu tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật, phải có tài liệu đi kèm chứng minh sự phù

hợp với các yêu cầu của các tài liệu tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật đã nêu, bao gồm các báo cáo thử nghiệm.

Các phương pháp thử:

- Hình dạng bên ngoài và chất lượng bề mặt FRP được kiểm tra về sự phù hợp với các yêu cầu quy định hoặc với mẫu bằng trực quan, không sử dụng dụng cụ phóng đại.

- Đường kính ngoài, chiều cao gờ, bước gờ của FRP được kiểm tra bằng thước cặp, thước micro mét.

- Chiều dài của FRP được kiểm tra bằng thước thẳng, thước cuộn với độ chia danh định là 10m, 20m, cấp chính xác 3.

- Đường kính danh định và các chỉ tiêu, đặc trưng cơ bản được xác định theo các phụ lục của TCVN 11109:2015 - Cốt composite Polyme.

3.3. Vữa EstogROUT UW:

Sử dụng vữa không tan, đổ được trong nước EstogROUT UW. Đặc tính kỹ thuật của vật liệu như sau:

- Cường độ nén (BS 6319 : Part 2):

+ 01 ngày : 25 N/mm²

+ 07 ngày : 35 N/mm²

+ 28 ngày : 55 N/mm²

- Thời gian ninh kết:

+ Bắt đầu : 2,0 - 2,5 giờ.

+ Cuối cùng : 4,0 - 4,5 giờ

- Mật độ tiêu thụ : 1 bao 25kg cho 13 lít vữa.

Các điểm lưu ý trong quá trình thi công vữa:

- Chuẩn bị:

+ Bề mặt cọc hiện hữu phải được vệ sinh sạch, không có dầu, mỡ hoặc bất kỳ chất lỏng nào của vật liệu dính kết;

+ Ván khuôn phải được lắp đặt kín để tránh rò rỉ vữa, sử dụng các dải cao su xốp (foam rubber) hoặc mastic để bịt kín bên trong và giữa các mối nối của ván khuôn. Sơn phủ ván khuôn bằng vật liệu thích hợp (ví dụ Estoform) để cho phép dễ dàng tháo dỡ ván khuôn.

- Trộn và thi công bơm (rót) vữa:

+ Trộn bằng cần điện có tốc độ thấp (tối đa 500 vòng/phút) có gắn đĩa khuấy. Sau khi trộn phải liên tục khuấy nhẹ để duy trì tính lưu động của vữa;

+ Đong 4,5 đến 5,0 lít nước cho mỗi bao 25 kg vào máy trộn. Thêm từ từ bột vữa vào trong khi trộn liên tục. Khi tất cả bột được thêm vào trộn liên tục trong 2 phút để đảm bảo thu được vữa nhất quán, mịn;

+ Thi công vữa trong vòng 20 phút sau khi trộn để đạt được chất lượng tốt nhất. Vữa cần thiết phải được bơm (đổ) một cách liên tục từ phía dưới lên. Cần

cẩn thận ở bước bắt đầu thao tác bơm vữa để hạn chế dòng chảy của vữa để nước không bị cuốn thêm. Ống bơm có thể được nâng dần lên khi cần thiết để giảm áp lực bơm nhưng không được nâng lên trên bề mặt của vữa.

3.4. Keo Hilti:

Sử dụng keo Hilti RE 100. Hilti RE 100 là loại hóa chất cấy thép được hãng Hilti. Dạng Epoxy không mùi, gồm 2 thành phần riêng biệt đóng trong bao gói nhựa dẻo. Đặc tính kỹ thuật của vật liệu như sau:

Thời gian đông cứng trong vôi trộn khi ngừng bơm: 20+30 phút ;

Thời gian đông cứng mặt ngoài: sau 2 giờ ;

Thời gian khô hoàn toàn: 4÷5 giờ.

3.5. Vữa Sika monotop 610:

Sử dụng vữa Sika monotop 610. Sika monotop 610 là một loại vữa gốc xi măng polyme cải tiến, một thành phần có chứa silica fume và chất ức chế ăn mòn. Các thông số kỹ thuật như sau:

- Khối lượng thể tích:

+ ~ 1.15 kg/lít (khối lượng đồ đông của bột);

+ ~ 2.15 kg/lít (khối lượng thể tích của vữa tươi).

- Tỷ lệ trộn:

+ Nước: Bột Sika Monotop 610 = 1 : 4.55 – 5.00 (theo khối lượng);

+ Nước: Bột Sika Monotop 610 = 1 : 3.95 – 4.35 (theo thể tích);

+ Khoảng 5.0 – 5.5 lít nước sạch cho một bao 25 kg.

- Mật độ tiêu thụ :

+ 1.5 – 2.0 kg/m² (tùy thuộc vào kết cấu bề mặt của nền);

+ Khoảng 2.0 kg/m²/lớp với độ dày 1mm (cần thi công 2 lớp).

- Thời gian cho phép thi công: ~ 30 phút (ở 27°C và độ ẩm môi trường 65%).

3.6. Vữa Sika monotop 615 HB:

Sử dụng vữa Sika monotop 615. Sika MonoTop-615 HB là loại vữa xi măng polymer cải tiến, một thành phần, có tính xúc biến, bám dính tốt, cho phép thi công lớp dày, có chứa silica fume.

- Khối lượng thể tích: ~ 1.75 kg/lít.

- Tỷ lệ trộn:

+ Khoảng 3,8 đến 3,9 lít nước sạch cho một bao 25 kg.

+ Cần khoảng 60 bao cho một m³ vữa.

3.7. Liên kết kết cấu thép:

- Liên kết hàn: Que hàn đảm bảo các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 3223 – 2000: Que hàn điện dùng cho thép cacbon thấp và thép hợp kim thấp - Ký hiệu, kích thước và yêu cầu kỹ thuật chung. TCVN 3909 – 2000: Que hàn điện dùng cho thép cacbon thấp và thép hợp kim thấp – Phương pháp thử.

- Kiểm tra mối hàn theo các tiêu chuẩn:
- + TCVN 5401 - 2010: Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn.
- + TCVN 8310 - 2010: Thử phá hủy mối hàn trên VL kim loại - Thử kéo ngang.
- + TCVN 8311 - 2010: Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy.
- Que hàn dùng trong các liên kết hàn đảm bảo:
 - + Độ bền kéo đứt tiêu chuẩn : 410 N/mm².
 - + Cường độ tính toán : 180 N/mm².
- Bulong đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 1916: 1995. Bulong, vít, vít cấy và đai ốc. Yêu cầu kỹ thuật.

3.8. Các vật liệu khác:

Ngoài các vật liệu được qui định như trên, trong công trình có sử dụng các loại vật liệu khác... Bất kỳ loại vật liệu nào mà Nhà thầu thi công đưa vào sử dụng do thiết kế chưa quy định hoặc vật liệu không tuân thủ theo quy định đã nêu phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư và Tư vấn thiết kế.

- Tất cả vật tư được sử dụng trong Công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác đi trong hợp đồng.

Một số vật tư chính:

Stt	Tên vật tư	Đặt tính kỹ thuật	Yêu cầu
1	Thép tròn các loại	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Hòa phát
2	Thép tấm các loại	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Hòa phát
3	Thép hình các loại	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Hòa phát
4	Thép sợi thủy tinh	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	FRP Việt Nam
5	Vữa EstogROUT UW	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Denka Group Nhật Bản, xuất xứ : malaysia/indonesia
6	Vữa Sika monotop 610	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Sika Việt Nam
7	Vữa Sika monotop 615 HB	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Sika Việt Nam
8	Keo Hilti	Đáp ứng theo hồ sơ thiết kế	Hilti – Đức

4. Các bản vẽ

HSYC này gồm có các bản vẽ: Hồ sơ thiết kế được phê duyệt (Kèm theo)

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Cụ thể khi hoàn thiện hợp đồng.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Đối tượng thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ: [điền số Bảo lãnh]

Bên bảo lãnh: [điền tên và địa chỉ của nơi phát hành bảo lãnh, trừ khi đã được nêu trong tiêu đề thư]

Chúng tôi được thông báo rằng _ [điền tên Nhà thầu, nếu là Liên danh thì điền tên Liên danh] (sau đây gọi là “Người đề nghị bảo lãnh”) đã ký Hợp đồng số. [điền số trích yếu của Hợp đồng] ngày [điền ngày] với Người thụ hưởng để thực hiện _ [điền tên Hợp đồng và mô tả ngắn gọn Công trình] (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Chúng tôi cũng hiểu rằng theo Các Điều kiện của Hợp đồng, Bên Đề nghị phải nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Bên đề nghị, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [điền số tiền bằng số] () [điền số tiền bằng chữ]¹, theo loại tiền và tỷ lệ của đồng tiền thanh toán Hợp đồng, khi nhận được yêu cầu bồi thường từ phía Bên thụ hưởng, đi kèm với tuyên bố của Bên thụ hưởng (tuyên bố này có thể được ghi trong thư yêu cầu bồi thường hoặc trong một văn bản riêng rẽ có chữ ký gửi kèm thư yêu cầu bồi thường) trong đó nêu rõ Bên đề nghị vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc đưa ra cơ sở cho việc yêu cầu thanh toán khoản tiền quy định ở đây.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất là vào ... ngày tháng, 2...², và bất kỳ yêu cầu trả tiền nào theo bảo đảm này phải được chuyển tới văn phòng của chúng tôi trước hoặc trong ngày hôm đó..

[chữ ký]

¹ Bên bảo lãnh sẽ điền vào đây số tiền tương đương với tỷ lệ phần trăm của Giá trị Hợp đồng được Chấp nhận như xác định trong Thư chấp thuận, trừ đi các khoản tiền tạm tính, nếu có, và ghi bằng (các) loại tiền tệ của Hợp đồng hoặc loại tiền tệ để chuyển đổi được Bên thụ hưởng chấp thuận

² Điền vào ngày thứ 28 sau ngày hoàn thành được quy định trong Điều 53.1 GC. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cần yêu cầu Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu gia hạn đó phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được xác lập trong bảo lãnh. Trong quá trình lập soạn bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau vào mẫu, ở cuối đoạn trước đoạn cuối cùng: “Để đáp lại văn bản yêu cầu gia hạn của Bên thụ hưởng, Bên bảo lãnh đồng ý sẽ gia hạn hiệu lực của bảo đảm này một lần với thời hạn không quá [6 tháng][01 năm], với điều kiện Bên bảo đảm nhận được văn bản yêu cầu đó trước khi hết hạn hiệu lực của thư bảo đảm gốc.”

Chương V

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG ⁽³⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____

(trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

⁽³⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa/dịch vụ được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản...].
 - b) Thời hạn thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].

c) Số lần thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phân công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 3 Phần A, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ____ ngày trước khi ký hợp đồng]

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính].

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ % giá hợp đồng [Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 10% giá hợp đồng].

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ [Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa/dịch vụ được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại

cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: _____ [*Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu*].

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Bảo hành

1. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:

a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian **24 tháng**;

b) Trường hợp Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành.

2. Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công

việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ [Ghi cụ thể thời gian] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ [Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].

Điều 13. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

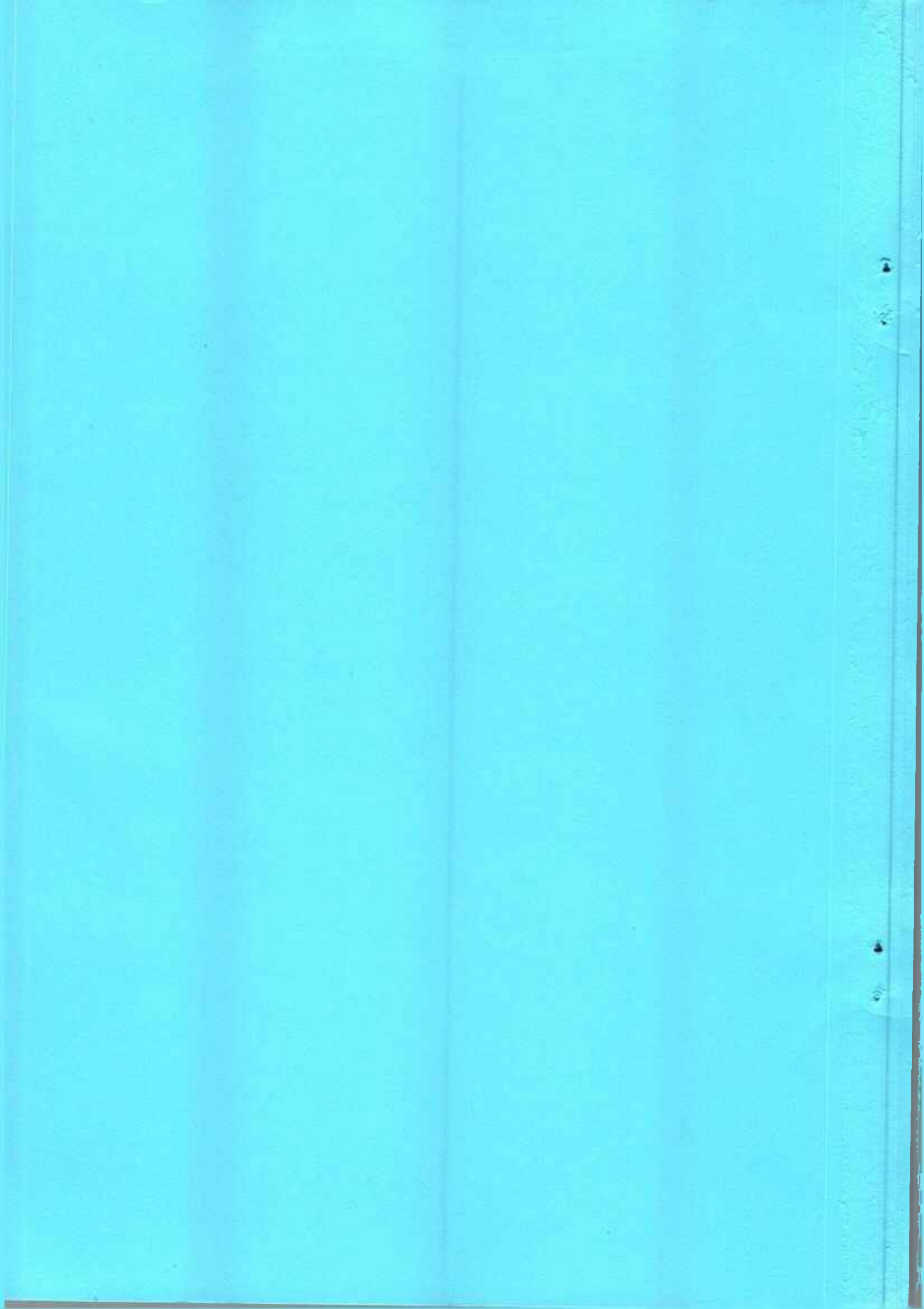
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại HSYC và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.





HỒ SƠ:
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH:
TỔNG KHO XÃNG DẦU PHƯỚC KHÁNH

TẬP 1 :
THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT



Chủ đầu tư:

**Đơn vị TV lập
BC KTKT:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM

Đ/c: 207/48 Trần Bình Trọng, phường Chợ Quán, Tp HCM

ĐT : 0908115525; Mail: thuybomiennam@gmail.com



HỒ SƠ:
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH:
TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH

TẬP 1:
THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG

THẨM TRA

Theo Văn bản số 108 / BCTT/2025

ngày 16 tháng 12 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên: HT

Tham gia thực hiện:
Chủ nhiệm TK: Phạm Thế Trường
Chủ trì DT: Phạm Văn Tình

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
ĐỒNG THÁP



Đinh Thiện Hiền

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
THỦY BỘ MIỀN NAM



Giám đốc
Nguyễn Đình Kiêm

Tp Hồ Chí Minh – Năm 2025

Nguyễn Công Chuẩn

THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Tập 1: THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT.

Tập 2: DỰ TOÁN (KÈM PHỤ LỤC CÁC BÁO GIÁ).

Tập 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG.

MỤC LỤC

Tập 1: THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG ĐỂ LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

- 2.1. Cơ sở pháp lý
- 2.2. Các Tiêu chuẩn, quy phạm dùng trong thiết kế
- 2.3. Điều kiện tự nhiên khu vực xây dựng công trình

III. HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH SAU BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH

IV. NỘI DUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

- 4.1. Phạm vi công việc
- 4.2. Giải pháp thiết kế sửa chữa

V. QUY ĐỊNH CHÍNH VỀ VẬT LIỆU

- 5.1. Cốt thép sử dụng cho công trình
- 5.2. Thép gia cường
- 5.3. Vữa EstogROUT UW
- 5.4. Keo Hilti
- 5.5. Vữa Sika monotop 610
- 5.6. Vữa Sika monotop 615 HB
- 5.7. Liên kết kết cấu thép
- 5.8. Các vật liệu khác

VI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG CHÁY, NỔ

- 6.1. Đánh giá tác động môi trường
- 6.2. Giải pháp phòng cháy chữa cháy (PCCC)
- 6.3. Giải pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

VII. TỔNG DỰ TOÁN

- 7.1. Tổng mức đầu tư của dự án
- 7.2. Nguồn vốn đầu tư của dự án
- 7.3. Các hiệu quả của dự án
- 7.4. Tiến độ thực hiện dự án

VIII. KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

- 8.1. Mục tiêu đầu tư của dự án
- 8.2. Tổng mức đầu tư của dự án
- 8.3. Kiến nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
THỦY BỘ MIỀN NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

Công trình:

TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH

TẬP 1: THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Tổng Kho xăng dầu Phước Khánh.
2. Địa điểm xây dựng: Tổ 17, Ấp 2, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Tháp
4. Nguồn vốn: Vốn sản xuất, kinh doanh của công ty.
5. Thời gia thực hiện dự án: Trong quý IV năm 2025.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG ĐỂ LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

2.1. Cơ sở pháp lý:

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Luật số 90/2025/QH15 ngày 01/07/2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của luật xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Căn cứ khối lượng công việc và đặc điểm hiện trường cũng như năng lực tài chính, năng lực tổ chức thi công của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Bộ Miền Nam;
- Căn cứ Báo cáo kết quả Kiểm định định kỳ chất lượng, đánh giá an toàn công trình Bến cảng xăng dầu Phước Khánh tại xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư công trình Hàng hải Việt Nam lập tháng 07/2025;
- Các tài liệu liên quan khác.

2.2. Các Tiêu chuẩn, quy phạm dùng trong thiết kế:

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng;
- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng;
- QCVN 07-4: 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông;
- Các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN); Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (QCXDVN) hiện hành liên quan;
- Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (11 tập);
- TCVN 9343: 2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì;
- TCVN 9398 – 2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;
- TCCS 04/2014 Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì công trình bến cảng;
- TCVN 4506-2012 Nước cho bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 9392:2012 Thép cốt bê tông. Hàn hồ quang;
- 22 TCN 289:2002 Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu công trình bến cảng;
- TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công;
- TCVN 9361:2012 Công tác thi công và nghiệm thu;
- TCXDVN 296:2004 Giàn giáo – các yêu cầu về an toàn;
- TCVN 9377:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – yêu cầu chung;
- 22TCN289-02: Qui trình kỹ thuật thi công Công trình bến cảng;
- TCVN 4055-2012: Công trình xây dựng. Tổ chức thi công;

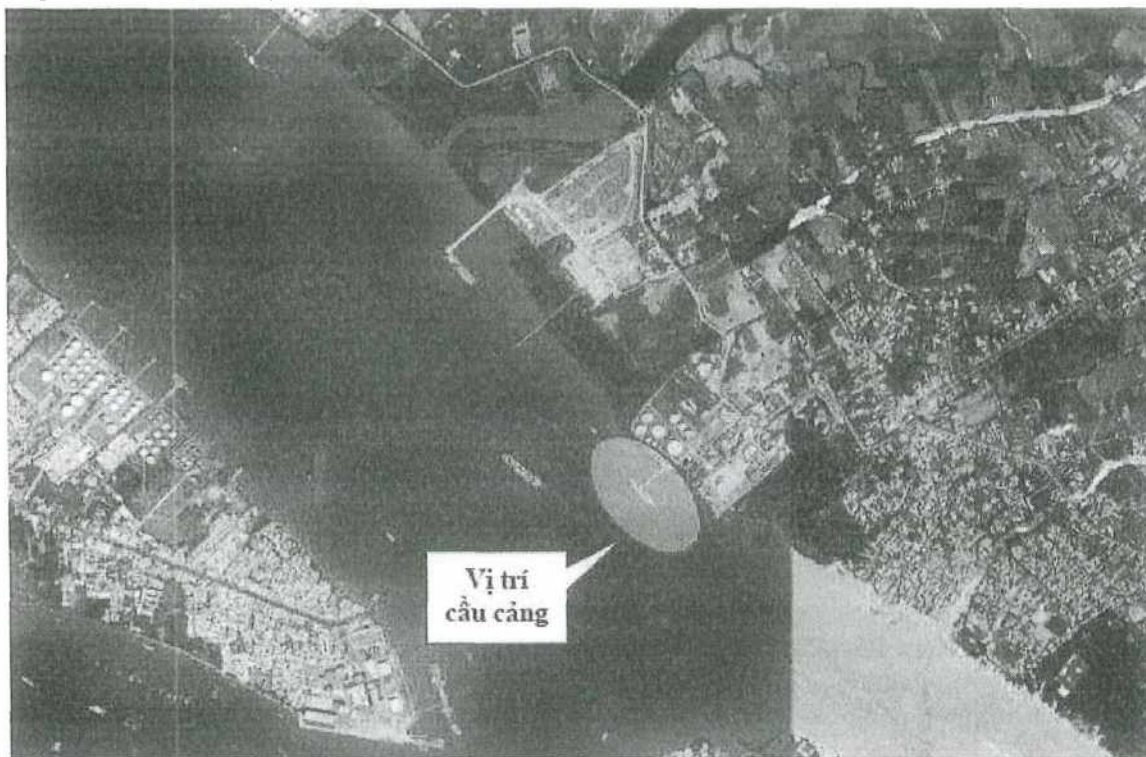
- TCXDVN 170-2007: Kết cấu thép. Gia công, lắp ráp và nghiệm thu. Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 3121-2003: Vữa xây dựng- Phương pháp thử;
- Và các quy tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan khác.

2.3. Điều kiện tự nhiên khu vực xây dựng công trình:

2.3.1. Vị trí xây dựng công trình:

- Bến cảng xăng dầu Phước Khánh nằm phía bờ trái sông Nhà Bè thuộc xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai. Phía thượng lưu tiếp giáp với khu đất của Công ty Cổ phần vận tải xây dựng và phía hạ lưu tiếp giáp với Công ty TNHH sản xuất vật liệu và xây dựng Phan Vũ.

- Cầu cảng được xây dựng và công bố đưa vào khai thác sử dụng tại Quyết định số 76/QĐ-CHHVN ngày 02/2/2016 của Cục Hàng hải Việt Nam với năng lực tiếp nhận tàu thuyền chở xăng dầu, khí hóa lỏng (LPG) có trọng tải đến 32.000DWT.



Mặt bằng tổng cảng xăng dầu Phước Khánh

2.3.2. Quy mô kết cấu công trình:

- Bến cảng xăng dầu Phước Khánh là cầu cảng chuyên dùng có kết cấu dạng bến nhô xa bờ, gồm: 1 cầu dẫn, 1 sàn công nghệ, 4 trụ va, 4 trụ neo, 2 trụ tựa. Quy mô cầu cảng tại thời điểm hiện tại như sau:

+ Chiều dài cầu tàu	: 278m (tính từ 2 tim trụ neo ngoài cùng)
+ Sàn công nghệ	: LxB = 113,24x14 (m)
+ Cầu dẫn	: LxB = 121,47x5 (m)
+ Trụ va TV1	: LxBxH = 8x7x3,5 (m)
+ Trụ va TV2, TV3, TV4	: LxBxH = 7x6x3,5 (m)

- + Trụ neo TN1, TN3 : LxBxH = 6x6x3,5 (m)
- + Trụ neo TN2A, TN4A : LxBxH = 6x6x2,5 (m)
- + Trụ tựa T1, T2 : LxBxH = 5x5x2,5 (m)
- + Cao độ đáy bên mặt ngoài : -11,1 m (Hải Đồ)
- + Cao độ đáy bên thượng lưu : -4,8 m (Hải Đồ)
- + Cao độ đáy bên hạ lưu : -3,6 m (Hải Đồ)
- + Cao độ đỉnh : +5,28 m
- + Mức nước cao thiết kế : +4,19 m (Hải Đồ)
- + Mức nước thấp thiết kế : +0,53 m (Hải Đồ)

- Kết cấu công trình:

a. Sàn công nghệ:

- Dạng bộ cọc cao đài mềm hệ dầm bản BTCT M300 trên nền cọc BTCT DUL D500-320mm và D600-370mm. Kết cấu cụ thể như sau:

✦ Nền cọc:

- Nền cọc gồm 138 cọc ống BTCT DUL kích thước D = 500-320mm, chiều dài L=36m và 02 cọc ống BTCT DUL kích thước D = 600-370mm, chiều dài L=36m (đóng bổ sung năm 2008). Toàn bộ nền cọc có 140 cọc được bố trí thành 30 khung ngang và 04 khung dọc. Hai hàng cọc tính từ phía tim luồng vào bờ được đóng thẳng, hàng cọc thứ 3 được đóng xiên với độ xiên 20:1, hai hàng cọc trong cùng được đóng chụm đôi với độ xiên 10:1 và 20:1. Theo phương ngang bước cọc từ tim luồng vào là 4,15m+3,85m+3,5m+0,8m, theo phương dọc bước cọc được bố trí a=4,0m. Cọc được liên kết trực tiếp với dầm dọc, dầm ngang.

✦ Hệ thống dầm:

- Dầm ngang: Bằng BTCT M300 đổ tại chỗ, theo tiết diện và chiều dài dầm ngang có 03 loại.

+ Dầm ngang loại 1 (DN1): vị trí dầm nằm ở vị trí giao với các trụ va, có tiết diện bxxh = 60x80cm (kể cả chiều dày bản), đầu dầm phía bờ được mở rộng với tiết diện bxxh = 60x140cm, chiều dài L=6,7m. Toàn bộ có 06 dầm DN1.

+ Dầm ngang loại 2 (DN2): dầm kéo dài từ mép trong bên đến mép ngoài bên, có tiết diện bxxh = 60x80cm (kể cả chiều dày bản), đầu dầm phía bờ được mở rộng với tiết diện bxxh = 60x140cm, chiều dài L=12m. Toàn bộ có 20 dầm DN2.

+ Dầm ngang loại 3 (DN3): dầm được bố trí ở vị trí giao cắt với cần nâng hạ ống, có tiết diện bxxh = 60x80cm (kể cả chiều dày bản), chiều dài L=12m. Toàn bộ có 04 dầm DN3.

- Dầm dọc: Bằng BTCT M300 đổ tại chỗ, theo tiết diện và chiều dài dầm dọc có 08 loại.

+ Dầm dọc loại 1A (DD1A): vị trí dầm ở phía mép ngoài sông trong phân đoạn 1, có tiết diện bxxh = 60x80cm (kể cả chiều dày bản), chiều dài L=34,06m. Toàn bộ có 01 dầm DD1A.

+ Dầm dọc loại 1 (DD1): vị trí dầm ở phía mép ngoài sông trong phân đoạn 3, có tiết diện bxxh = 60x80cm (kể cả chiều dày bản), chiều dài L=27,02m. Toàn bộ có 01 dầm DD1.

+ Dầm dọc loại 2 (DD2): vị trí dầm ở giữa bên trong phân đoạn 1 và phân đoạn 3, có tiết diện bxxh = 60x80cm (kể cả chiều dày bản), chiều dài L=37,6m. Toàn bộ có 04 dầm DD2.

+ Dầm dọc loại 3 (DD3): vị trí dầm ở mép trong cùng phân đoạn 1 và phân đoạn 3, có tiết diện bxxh = 60x80cm (kể cả chiều dày bản), chiều dài L=37,6m. Toàn bộ có 02 dầm DD3.

+ Dầm dọc loại 4 (DD4): vị trí dầm ở phía mép ngoài sông trong phân đoạn 2, có tiết diện $b \times h = 60 \times 80 \text{cm}$ (kể cả chiều dày bản), chiều dài $L = 30,96 \text{m}$. Toàn bộ có 01 dầm DD4.

+ Dầm dọc loại 5 (DD5): vị trí dầm ở trong phân đoạn 2, có tiết diện $b \times h = 60 \times 80 \text{cm}$ (kể cả chiều dày bản), chiều dài $L = 38,0 \text{m}$. Toàn bộ có 01 dầm DD5.

+ Dầm dọc loại 6 (DD6): vị trí dầm ở trong phân đoạn 2, có tiết diện $b \times h = 60 \times 80 \text{cm}$ (kể cả chiều dày bản), chiều dài $L = 38,0 \text{m}$. Toàn bộ có 01 dầm DD6.

+ Dầm dọc loại 7 (DD7): vị trí dầm ở mép trong cùng phân đoạn 2, có tiết diện $b \times h = 60 \times 80 \text{cm}$ (kể cả chiều dày bản). Toàn bộ có 01 dầm DD7.

✚ **Bản mặt cầu:**

- Kết cấu BTCT dày 25cm, phía trên được phủ bằng lớp vữa xi măng M100 dày 5cm. Mặt cầu được chia ra làm 3 phân đoạn: phân đoạn 2 có chiều dài 38,0m, phân đoạn 1 và 3 có chiều dài 37,6m. Trên mặt cầu được bố trí dốc thoát nước hướng về các hố thu nước. Toàn bộ có 03 hố thu nước.

✚ **Bản tựa tàu:**

- Kết cấu BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ và được bố trí phía sau tuyến bến, bản tựa có chiều dày 25cm và chiều cao 420cm.

- Bản tựa tàu được bố trí chạy suốt chiều dài phía sau tuyến bến.

✚ **Bích neo:**

- Bích neo được đặt ở phía sau bến để phục vụ neo sà lan. Bích sử dụng loại "BIG T" 30T, được liên kết với bản mặt cầu bằng 5 bu lông D38, $L = 54 \text{cm}$. Toàn bộ có 10 bích.

✚ **Đệm va tàu:**

- Đệm tàu được treo ở phía sau tuyến bến phục vụ tựa sà lan.

- Đệm tàu chịu lực chính sử dụng loại đệm tàu hình nón cụt 600H. Toàn bộ có 6 đệm.

- Đệm tàu sử dụng loại đệm ống cao su D400-3000L. Toàn bộ có 16 đệm ống.

- Ngoài ra, sàn công nghệ còn sử dụng các đệm lớp ô tô để hỗ trợ và bảo vệ cho cầu tàu và tàu thuyền trong quá trình neo cập. Đệm được treo vào cầu tàu bằng dây cáp. Đây là các đệm mang tính chất tận dụng vật liệu cũ và hỗ trợ cho đệm ống, không phải đệm chịu lực chính của cầu tàu.

✚ **Gờ chắn xe:**

- Kết cấu BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ liên khối với bê tông bản mặt cầu, tiết diện hình thang có đỉnh rộng 20cm, đáy rộng 20cm, chiều cao 20cm. Gờ chắn xe được bố trí phía mép xung quanh SCN.

b. Cầu dẫn:

- Cầu dẫn rộng 5m và được mở rộng sang phía hạ lưu 5m để đặt đường ống công nghệ. Đầu cầu dẫn tiếp giáp với sàn công nghệ và đầu kia tiếp giáp với tuyến bờ. Chiều dài cầu dẫn $L = 121,47 \text{m}$. Cầu dẫn được chia làm 2 phân đoạn, tính từ bờ ra phân đoạn 1 có chiều dài 56,85m và phân đoạn 2 có chiều dài 64,60m. Giữa hai phân đoạn bố trí khe rộng 2cm. Kết cấu cầu dẫn có dạng bộ cọc cao đài mềm gồm hệ dầm bản BTCT trên nền cọc ống BTCT DUL:

✚ **Nền cọc:**

- Toàn bộ gồm 79 cọc ống BTCT DUL $D = 400-240 \text{mm}$, $L = 36 \text{m}$.

- Theo phương dọc cầu dẫn: các cọc được bố trí theo bước $a = 4\text{m}$. Phân đoạn 1 có 15 hàng cọc và phân đoạn 2 có 17 hàng cọc.

- Theo phương ngang cầu dẫn: đoạn cầu dẫn không mở rộng được bố trí 02 hàng cọc và được đóng thẳng. Đoạn cầu dẫn mở rộng để bố trí đường ống công nghệ bố trí 03 hàng cọc trong đó 02 hàng cọc phía ngoài được đóng xiên với độ xiên 10:1, hàng cọc ở giữa được đóng thẳng. Tại vị trí cầu dẫn tiếp giáp sàn công nghệ và hai phân đoạn cầu dẫn, cọc được đóng xiên.

⚡ Hệ thống dầm:

*** Phân đoạn 1:**

- Dầm ngang: Dầm ngang cầu dẫn làm bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ. Theo tiết diện và chiều dài dầm có 03 loại:

+ Dầm ngang cầu dẫn 1 (DNCD1): nằm ở vị trí mở rộng để đặt đường ống công nghệ. Tiết diện dầm $b \times h = 60 \times 80\text{cm}$ (kể cả chiều dày bản). Chiều dài dầm $L = 10\text{m}$. Tổng số lượng dầm trong phân đoạn 1 là 06 dầm.

+ Dầm ngang cầu dẫn 2 (DNCD2): nằm ở vị trí tiếp giáp với bờ. Tiết diện dầm $b \times h = 85 \times 80\text{cm}$ (kể cả chiều dày bản). Chiều dài dầm $L = 10\text{m}$. Tổng số lượng dầm trong phân đoạn 1 là 01 dầm.

+ Dầm ngang cầu dẫn 3 (DNCD3): nằm ở vị trí tiếp giáp với phân đoạn 2. Tiết diện dầm $b \times h = 60 \times 80\text{cm}$ (kể cả chiều dày bản). Chiều dài dầm $L = 5\text{m}$. Tổng số lượng dầm trong phân đoạn 1 là 01 dầm.

- Dầm dọc: Dầm dọc cầu dẫn làm bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ. Dầm có tiết diện $b \times h = 60 \times 80\text{cm}$ (kể cả chiều dày bản), chiều dài dầm $L = 56,85\text{m}$.

*** Phân đoạn 2:**

- Dầm ngang: Dầm ngang cầu dẫn làm bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ. Theo tiết diện và chiều dài dầm có 02 loại:

+ Dầm ngang cầu dẫn 1 (DNCD1): nằm ở vị trí mở rộng để đặt đường ống công nghệ. Tiết diện dầm $b \times h = 60 \times 80\text{cm}$ (kể cả chiều dày bản). Chiều dài dầm $L = 10\text{m}$. Tổng số lượng dầm trong phân đoạn 2 là 08 dầm.

+ Dầm ngang cầu dẫn 3 (DNCD3): nằm ở vị trí tiếp giáp với sàn công nghệ. Tiết diện dầm $b \times h = 60 \times 80\text{cm}$ (kể cả chiều dày bản). Chiều dài dầm $L = 5\text{m}$. Tổng số lượng dầm trong phân đoạn 2 là 01 dầm.

- Dầm dọc: Dầm dọc cầu dẫn làm bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ. Dầm có tiết diện $b \times h = 60 \times 80\text{cm}$ (kể cả chiều dày bản), chiều dài dầm $L = 64,6\text{m}$.

⚡ Bản mặt cầu:

- Kết cấu BTCT dày 25cm, phía trên được phủ bằng lớp vữa xi măng M100 dày 5cm. Mặt cầu được chia ra làm 2 phân đoạn theo chiều dài của phân đoạn cầu dẫn. Phân đoạn 1 có chiều dài 56,85m. Phân đoạn 2 có chiều dài 64,60m.

⚡ Gờ chắn xe:

- Gờ chắn xe bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ, liền khối với bê tông bản mặt cầu. Gờ chắn xe được bố trí phía mép ngoài của cầu dẫn (tiết diện gờ chắn xe hình thang có đỉnh rộng 15cm, đáy rộng 20cm, chiều cao 20cm).

c. Trụ và TV1, TV2, TV3, TV4:

- Dạng đài cứng, kết cấu bằng BTCT M300 đổ tại chỗ trên nền cọc BTCT DƯL D600-370mm.

✚ Nền cọc:

- Trụ và TV1 gồm có 19 cọc ống BTCT DƯL D = 600-370mm, L=36m, trong đó có 02 cọc đóng thẳng đứng, 04 cọc đóng xiên 4:1, 02 cọc đóng xiên 6:1, 02 cọc đóng xiên 8:1, 06 cọc đóng xiên 10:1, 03 cọc đóng xiên 20:1.

- Trụ và TV2, TV3: mỗi trụ gồm có 15 cọc ống BTCT DƯL D = 600-370mm, L=36m, trong đó có 04 cọc đóng xiên 4:1, 04 cọc đóng xiên 5:1, 04 cọc đóng xiên 6:1 và 03 cọc đóng xiên 20:1.

- Trụ và TV4 gồm có 15 cọc ống BTCT DƯL D = 600-370mm, L=36m, trong đó có 04 cọc đóng xiên 4:1, 02 cọc đóng xiên 6:1, 06 cọc đóng xiên 8:1 và 03 cọc đóng xiên 20:1.

✚ Đài trụ:

- Đài trụ bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ. Trụ và TV1 có kích thước bxlxh = 7x8x3,5m. Các trụ và TV2, TV3, TV4 có kích thước bxlxh = 6x7x3,5m. Hai góc trụ phía trước bên được vát góc 1x1m.

✚ Bích neo:

- Mỗi trụ và được bố trí 01 bích neo loại "BIG T" 200T, bích liên kết với trụ bằng 07 bu lông D80, L = 85cm.

- Đệm và tàu: Trên mỗi trụ bố trí 01 đệm tàu hình nón cụt 1150H.

d. Trụ neo TN1, TN3:

- Dạng đài cứng, kết cấu bằng BTCT M300 đổ tại chỗ trên nền cọc BTCT DƯL D600-370mm.

✚ Nền cọc:

- Trụ neo TN3: gồm có 14 cọc ống BTCT DƯL D = 600-370mm, L=36m, trong đó có 05 cọc đóng xiên 4:1, 05 cọc đóng xiên 6:1, 02 cọc đóng xiên 8:1 và 02 cọc đóng xiên 10:1.

- Trụ neo TN1: gồm có 14 cọc ống BTCT DƯL D = 600-370mm, L=36m, trong đó có 10 cọc đóng xiên 4:1, 04 cọc đóng xiên 6:1.

✚ Đài trụ:

- Đài trụ bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ. Các trụ neo có kích thước bxlxh = 6x6x3,5m. Bốn góc trụ được vát góc 1,5x1,5m.

✚ Bích neo:

- Mỗi trụ neo được bố trí 01 bích neo loại "BIG T" 200T, bích liên kết với trụ bằng 07 bu lông D80, L = 85cm. Trên trụ neo TN1 bố trí thêm 1 bích neo gang đúc loại 30T.

e. Trụ neo TN2A, TN4A:

- Dạng đài cứng, kết cấu bằng BTCT M300 đổ tại chỗ trên nền cọc BTCT DƯL D600-380mm, loại C, dài 39m.

✚ Nền cọc:

Theo phương ngang, phương dọc trụ gồm 4 hàng cọc, khoảng cách giữa các cọc trong 1 hàng là 1,5+1,4+1,5m. Toàn bộ nền cọc được đóng xiên theo độ xiên 5:1 và 6:1 và đóng thẳng.

- Trụ neo TN2A có tổng 17 cọc.
- Trụ neo TN4A có tổng 16 cọc.

✦ Đài trụ:

- Đài trụ bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ. Các trụ neo có kích thước bxlxh = 6x6x2,5m. Bốn góc trụ được vát góc 0,8x0,8m.

✦ Bích neo:

- Mỗi trụ neo được bố trí 01 bích neo loại 200T. Trên trụ neo TN2A bố trí thêm 1 bích neo gang đúc loại 30T

2.3.2. Loại, cấp công trình:

Loại và cấp quản lý công trình được thiết kế như sau:

- + Cấp công trình: Công trình cấp III.
- + Loại công trình: Công trình giao thông

2.3.3. Điều kiện tự nhiên của công trình:

2.3.3.1. Tài liệu địa hình:

Căn cứ vào bình đồ tỷ lệ 1/1000 khảo sát địa hình khu nước trước bến cảng xăng Dầu Phước Khánh do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình hàng hải thực hiện tháng 12/2021.

2.3.3.2. Điều kiện địa chất:

Căn cứ theo hồ sơ báo cáo khảo sát địa chất công trình do Công ty tư vấn xây dựng công trình thủy hai lập năm 1999 (tài liệu do chủ đầu tư cung cấp).

Địa tầng khu vực xây dựng công trình từ trên xuống bao gồm các lớp địa chất như sau:

- + Lớp 1: bùn sét màu xám xanh, trạng thái nhão.
- + Lớp 2: cát hạt chung màu xám sậm, chằng hay xốp.
- + Lớp 3: đất sét màu xám nâu, trạng thái dẻo cứng.
- + Lớp 4: á sét màu xám nâu, trạng thái dẻo cứng.
- + Lớp 5: cát mịn khô, màu vàng sậm, hồng trạng thái chặt vừa.
- + Lớp 6: đất sét màu vàng đỏ, dẻo cứng.
- + TK1: bùn á, cát màu xám chằng thấy nhão.
- + TK2: đất sét màu xám vàng, dẻo mềm.

Chỉ tiêu cơ lý chính của các lớp đất được tổng hợp tại bảng sau:

Loại dầu	Các chỉ tiêu cơ lý chính							
	Độ ẩm tự nhiên	Khối lượng thể tích	Tỷ trọng hạt	Hệ số giãn nở	Độ giãn nở	Các nội mưa sải	Chỉ số sệt	Lực dính đơn vị
	W (%)	γ_w (g/cm ³)	Δ (g/cm ³)	ϵ_g	n (%)	ϕ (°)	Is	C (kg/cm ²)
1	76.4	1.51	2.663	2.14	67.8	3°39'	1.64	0.091
2	22.9	1.882	2.662	0.738	42.4	28°27'	---	0.025
3	30.4	1.865	2.694	0.886	46.8	10°38'	0.32	0.377
4	23.8	1.916	2.683	0.734	42.3	6°37'	0.38	0.245
5	19.7	1.959	2.661	0.627	38.5	31°25'	---	0.012
6	25.6	1.917	2.674	0.752	42.9	9°32'	0.26	0.298
TK 1	43.1	1.741	2.677	1.200	54.6	17°38'	3.51	0.095
TK 2	29.7	1.894	2.687	0.840	45.7	4°48'	0.51	0.191

2.3.3.3. Tài liệu khí tượng thủy văn:

a. Khí tượng:

Cầu cảng xăng dầu Phước Khánh nằm phía bờ trái sông Nhà Bè, thuộc xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai có đầy đủ các yếu tố khí tượng đặc trưng của vùng được thông kê tổng hợp tại trạm quan trắc Tân Sơn Nhất, cách vị trí nghiên cứu khoảng 20 km cho thấy:

* Nhiệt độ:

- + Nhiệt độ trung bình thấp nhất không dưới 25°C.
- + Nhiệt độ trung bình cao nhất không quá 29°C.
- + Nhiệt độ trung bình năm là 27°C.

* Chế độ mưa:

Gồm hai mùa, mưa nắng rõ rệt.

- + Mùa nắng (mùa khô) kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau.
- + Mùa mưa từ tháng năm đến tháng 10. Lượng mưa trong năm lượng mưa năm trung bình 1908.3 mm/năm, số ngày mưa trung bình năm là 159 ngày.

* Chế độ gió:

Khu vực xây dựng có 3 hệ thống gió chính:

- + Gió Đông Bắc – Bắc từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau.
- + Gió Đông Nam – Nam từ tháng 2 đến tháng 5.
- + Gió tây Nam từ tháng 6 đến tháng 10.

b. Điều kiện thủy văn:

2.3.3 Điều kiện địa chất:

Qua số liệu thống kê tổng hợp nhiều năm của phân viện khoa học Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh và đài khí tượng Thủy Văn Nam Bộ, khu vực xây dựng công trình chịu ảnh hưởng của chế độ bán Nhật Triều không đều, trong một ngày có hai lần triều lên và hai lần triều xuống.

- + Biên độ triều dao động từ 0.8 đến 3.3 mét, trung bình 1.7 đến 2.3 m.
- + Mực nước cao nhất : +4.24m (Hải Đồ)
- + Mực nước lũ lịch sử : +4.32m (Ngày 13/4/1954)
- + Mực nước thấp nhất : +0.53m (Hải Đồ)

+ Mức nước Trung bình : 2.80m (Hải Đồ)

* **Dòng chảy:** sự dao động của dòng chảy mang tính chất bán nhật triều rõ rệt trong một chu kỳ ngày đêm vectơ Dòng chảy đổi chiều bốn lần. Vận tốc dòng chảy lên khi triều lên $v = 0.52$ m/s, khi triều xuống $v = 1.86$ m/s. Vào thời kỳ mưa lũ, vận tốc lớn nhất $V_{\max} = 2.22$ m/s khi triều xuống.

* **Chế độ sóng:** Công trình nằm sâu trong sông, không chịu tác động trực tiếp của sóng.

III. HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH SAU BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH:

Căn cứ Báo cáo kết quả Kiểm định định kỳ chất lượng, đánh giá an toàn công trình Bến cảng xăng dầu Phước Khánh tại xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư công trình Hàng hải Việt Nam lập tháng 07/2025 hiện trạng kết cấu cảng xăng dầu Phước Khánh như sau:

✚ Đường mép bến:

Kết quả khảo sát cho thấy, trên mặt bến cảng, cao độ giữa các cọc, cao độ giữa các điểm đo có độ chênh lệch thấp, điều này cho thấy kết cấu không bị nghiêng lệch, không bị lún cục bộ, chuyển vị. Đồng thời, các kết cấu cầu cảng, phân đoạn cầu cảng đảm bảo vị trí tương đối so với nhau; kết cấu cầu tàu không có dấu hiệu bị hư hỏng do chuyển vị gây ra. Nhìn chung đường mép bến chưa có sự bất thường.

✚ Cọc ống BTCT DƯL:

Hệ thống nền cọc BTCT DƯL cầu cảng đảm bảo một cách tương đối về mức độ toàn vẹn, trên bề mặt cọc chưa xuất hiện các hư hỏng gây ảnh hưởng đến khả năng làm việc của công trình, liên kết đầu cọc với hệ thống dầm đảm bảo.

Hiện trạng cầu cảng như sau:

+ Sàn công nghệ: Kiểm tra ghi nhận được 5 cọc hư hỏng; với đặc trưng là vết nứt dọc, ngang thân cọc và nứt ngang quanh thân cọc; vết nứt có chiều dài từ $0,4 \div 1,5$ m, chiều rộng từ $0,8 \div 2$ mm.

+ Cầu dẫn: Chưa ghi nhận hư hỏng.

+ Trụ va TV1, TV2, TV3, TV4: Chưa ghi nhận hư hỏng.

+ Trụ neo TN1: Kiểm tra ghi nhận được 6 cọc hư hỏng; với đặc trưng là vết nứt ngang thân cọc và nứt ngang quanh thân cọc; vết nứt có chiều dài từ $0,4 \div 0,7$ m, chiều rộng $0,7$ mm.

+ Trụ neo TN3: Chưa ghi nhận hư hỏng.

+ Trụ neo TN2A: Chưa ghi nhận hư hỏng.

+ Trụ neo TN4A: Chưa ghi nhận hư hỏng.

+ Trụ tựa T1: Chưa ghi nhận hư hỏng.

+ Trụ tựa T2: Chưa ghi nhận hư hỏng.

✚ Kết cấu đài trụ BTCT:

Nhìn chung đài trụ chưa xuất hiện hư hỏng lớn, tình trạng tương đối tốt.

+ Trụ va TV1: Ghi nhận được 06 hư hỏng ở 4 mặt bên.

+ Trụ va TV2: Chưa ghi nhận hư hỏng.

- + Trụ va TV3: Ghi nhận được 01 hư hỏng ở mặt bên.
- + Trụ va TV4: Ghi nhận được 01 hư hỏng ở mặt bên.
- + Trụ neo TN1: Ghi nhận được 05 hư hỏng ở 3 mặt bên.
- + Trụ neo TN3: Ghi nhận được 06 hư hỏng ở 3 mặt bên.
- + Trụ neo TN2A: Chưa ghi nhận hư hỏng.
- + Trụ neo TN4A: Chưa ghi nhận hư hỏng.
- + Trụ tựa T1: Chưa ghi nhận hư hỏng.
- + Trụ tựa T2: Chưa ghi nhận hư hỏng.

⚡ **Hệ thống dầm:**

Hiện trạng hệ thống dầm như sau:

- + Sàn công nghệ: Kiểm tra ghi nhận được 380 vết nứt vỡ xuất hiện trên 174 đoạn dầm và console; với đặc trưng là nứt mặt bên, đáy dầm; vỡ mảng bê tông, vỡ mảng bê tông lộ cốt thép. Chiều dài vết nứt từ 0,2÷3,1m, chiều rộng từ 1÷3mm; vết vỡ bê tông kích thước lớn nhất 2,8x0,4m; vết vỡ bê tông lộ cốt thép kích thước lớn nhất 0,6x0,4m.
- + Cầu dẫn: Kiểm tra ghi nhận được 180 vết nứt vỡ xuất hiện trên 83 đoạn dầm; với đặc trưng là nứt mặt bên, đáy dầm; vỡ mảng bê tông, vỡ bê tông lộ cốt thép. Chiều dài vết nứt từ 0,3÷5m, chiều rộng từ 0,8÷5mm; vết vỡ bê tông kích thước lớn nhất 1,0x0,3m; vết vỡ bê tông lộ cốt thép kích thước lớn nhất 1,5x0,4m.

⚡ **Bích neo:**

Các bích neo hiện đang ở tình trạng hoạt động bình thường; bề mặt bích neo vẫn còn lớp sơn chống rỉ; tuy nhiên một số khu vực đã bị bong tróc lớp sơn, xuất hiện han rỉ, tập trung chủ yếu ở phần thân buộc dây, đế bích neo và bu lông; liên kết bích neo với cầu tàu đảm bảo, không có dấu hiệu bị dịch chuyển, bê tông xung quanh liên kết không bị nứt vỡ.

⚡ **Đệm va:**

Hệ thống đệm va tàu nhìn chung còn tương đối tốt, trên đệm chưa xuất hiện hư hỏng lớn ảnh hưởng đến chịu lực, liên kết đệm va với cầu cảng đảm bảo. Hệ thống xích treo, ma níp của đệm hình nón cụt xuất hiện han rỉ, có 1 vị trí đệm bị mất tấm pad. Các đệm ống cao su vẫn trong trạng thái hoạt động bình thường; thân đệm bị tróc rách nhẹ, xích treo han rỉ.

⚡ **Gờ chắn xe:**

Gờ chắn xe đang hoạt động bình thường, liên kết giữa gờ chắn xe và cầu cảng đảm bảo. Một vị trí đã xuất hiện hư hỏng vỡ mảng, lộ cốt thép.

❖ **Chất lượng kết cấu công trình:**

Tổng thể toàn bộ công trình được đánh giá loại C theo TCVN 13330:2021. Riêng trụ neo TN1 được đánh giá loại B.

IV. NỘI DUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:

4.1. Phạm vi công việc:

Căn cứ Báo cáo kết quả báo cáo Kiểm định định kỳ chất lượng, đánh giá an toàn công trình Bến cảng xăng dầu Phước Khánh tại xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai của Công ty cổ phần

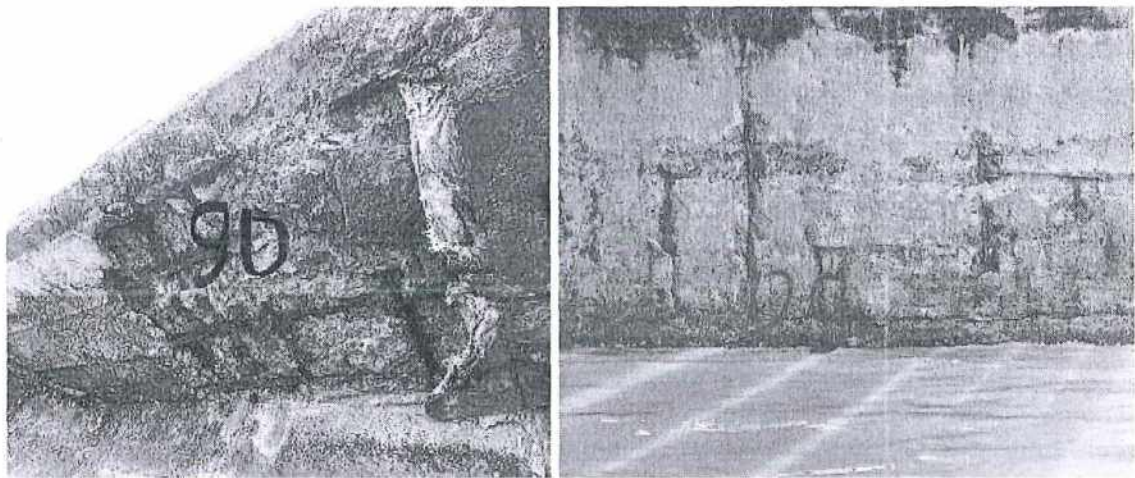
tư vấn đầu tư công trình Hàng hải Việt Nam lập tháng 07/2025 kiến nghị: các vị trí cần sửa chữa khắc phục sớm là các điểm bị hư hỏng nặng: nứt vỡ mảng bê tông, lộ cốt thép của kết cấu cọc, dầm bản, đài cầu cảng. Và toàn bộ các vị trí hư hỏng của đài và cọc trên trụ neo TNI.

Công tác kiểm tra hồ sơ báo cáo kiểm định và kết quả khảo sát thực tế hiện trường, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây Dựng Thủy Bộ Miền Nam tổng hợp và phân loại các điểm hư hỏng cần sửa chữa khắc phục thành 2 loại như sau:

+ Hư hỏng nứt vỡ mảng bê tông, lộ cốt thép của kết cấu dầm, bản sàn công nghệ - cầu dẫn, đài trụ va, đài trụ neo (Hư hỏng loại 1).

✚ Mô tả hiện trạng:

Các vị trí Hư hỏng dầm, bản sàn công nghệ - cầu dẫn, đài trụ va, đài trụ neo xuất hiện trong quá trình khai thác có nguyên nhân chủ yếu do xâm thực từ môi trường, Trong điều kiện hiện tại, các kết cấu dầm, bản, đài của cầu cảng đang bị hư hỏng nặng do ảnh hưởng của môi trường biển, quá trình khai thác kéo dài thiếu bảo trì định kỳ, dẫn đến nhiều dấu hiệu xuống cấp nghiêm trọng như: nứt, vỡ, bong tróc lớp bê tông bảo vệ, ăn mòn cốt thép, hoặc biến dạng kết cấu. Nếu không được xử lý kịp thời, các hư hỏng này sẽ tiếp tục mở rộng, làm giảm khả năng chịu lực của kết cấu, gây mất an toàn cho người và phương tiện, ảnh hưởng đến hoạt động làm hàng, vận hành của đơn vị quản lý khai thác cảng.



Hình ảnh điển hình các hư hỏng loại 1 cần khắc phục sửa chữa

✚ Bảng tổng hợp các vị trí sửa chữa hư hỏng loại 1:

BẢNG TỔNG HỢP CÁC VỊ TRÍ CẦN SỬA CHỮA CỦA HƯ HỎNG LOẠI 1			
STT	Ký hiệu (bản vẽ)	Vị trí	Ghi chú
		SÀN CÔNG NGHỆ	
		PHÂN ĐOẠN 1	
1	V90	Bản mặt cầu D28-29	Hư hỏng bản mặt cầu
2	V98	Bản mặt cầu D30	Hư hỏng bản mặt cầu

3	<u>V148</u>	Bản mặt cầu D25-26 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
4	<u>V253</u>	Bản mặt cầu D21 B-C	Hư hỏng bản mặt cầu
5	<u>V151</u>	Dầm console 21 A	Hư hỏng dầm console
6	<u>V101</u>	Dầm dọc C 29-30	Hư hỏng dầm dọc
		PHÂN ĐOẠN 2	
7	<u>V58</u>	Bản mặt cầu D16-17	Hư hỏng bản mặt cầu
8	<u>V66</u>	Bản mặt cầu D18-19	Hư hỏng bản mặt cầu
9	<u>V181</u>	Bản mặt cầu 11 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
10	<u>V257</u>	Bản mặt cầu 18-19 C-D	Hư hỏng bản mặt cầu
11	<u>V258</u>	Bản mặt cầu 17-18 C-D	Hư hỏng bản mặt cầu
12	<u>V42</u>	Dầm mở rộng 13 D	Hư hỏng dầm mở rộng
13	<u>V45</u>	Dầm mở rộng 14 D	Hư hỏng dầm mở rộng
14	<u>V51</u>	Dầm mở rộng 15 D	Hư hỏng dầm mở rộng
15	<u>V56</u>	Dầm mở rộng 16 D	Hư hỏng dầm mở rộng
16	<u>V59</u>	Dầm mở rộng 17 D	Hư hỏng dầm mở rộng
17	<u>V155</u>	Bản mặt cầu 18-19 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
18	<u>V52</u>	Dầm dọc D 15-16	Hư hỏng dầm dọc
19	<u>V170</u>	Dầm dọc A 14-15	Hư hỏng dầm dọc
20	<u>V244</u>	Bản mặt cầu 16-17 B-C	Hư hỏng bản mặt cầu
21	<u>V57</u>	Dầm dọc D16-17	Hư hỏng dầm dọc
		PHÂN ĐOẠN 3	
22	<u>V201</u>	Bản mặt cầu 1-2 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
23	<u>V205</u>	Bản mặt cầu 1-2 B-C	Hư hỏng bản mặt cầu
24	<u>V230</u>	Bản mặt cầu 5-6 C-D	Hư hỏng bản mặt cầu

25	<u>V12</u>	Dầm mở rộng 5 D	Hư hỏng dầm mở rộng
26	<u>V13</u>	Dầm mở rộng 5 D	Hư hỏng dầm mở rộng
27	<u>V206</u>	Dầm mở rộng C-D 1-2	Hư hỏng dầm mở rộng
28	<u>V4</u>	Dầm console 4 D	Hư hỏng dầm console
29	<u>V11</u>	Dầm console 5 D	Hư hỏng dầm console
		CẦU DẪN	
		PHÂN ĐOẠN 1	
30	<u>D74</u>	Bản mặt cầu 19 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
31	<u>D79</u>	Bản mặt cầu 20-21 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
32	<u>D81</u>	Bản mặt cầu 21-22 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
33	<u>D83</u>	Bản mặt cầu 22-23 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
34	<u>D90</u>	Bản mặt cầu 25 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
35	<u>D92</u>	Bản mặt cầu 25-26 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
36	<u>D95</u>	Bản mặt cầu 26-27 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
37	<u>D96</u>	Bản mặt cầu 26-27 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
38	<u>D97</u>	Bản mặt cầu 27-28 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
39	<u>D98</u>	Bản mặt cầu 27 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
40	<u>D105</u>	Bản mặt cầu 29 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
41	<u>D110</u>	Bản mặt cầu 30-31 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
42	<u>D112</u>	Bản mặt cầu 31-32 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
43	<u>D104</u>	Bản mặt cầu 28-29 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
44	<u>D80</u>	dầm dọc A 21-22	Hư hỏng dầm dọc
		PHÂN ĐOẠN 2	
45	<u>D54</u>	Bản mặt cầu 9-10 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
46	<u>D69</u>	Bản mặt cầu 15-16 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
47	<u>D70</u>	Bản mặt cầu 16 A-B	Hư hỏng bản mặt cầu
48	<u>D8</u>	Dầm ngang 9 B-C	Hư hỏng dầm ngang

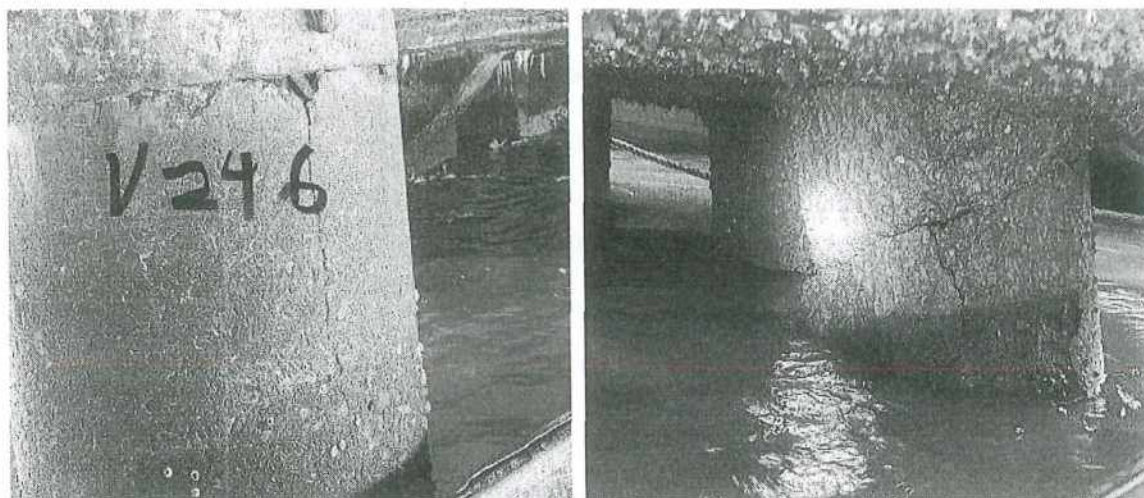
49	<u>D9</u>	Dầm ngang 11 B-C	Hư hỏng dầm ngang
50	<u>D11</u>	Dầm ngang 13 B-C	Hư hỏng dầm ngang
51	<u>D14</u>	Dầm ngang 17 B-C	Hư hỏng dầm ngang
TRỤ NEO TN1			
52	<u>T13</u>	Đài trụ mặt chéo phía sông	Hư hỏng đài trụ neo TN1
53	<u>T14</u>	Đài trụ mặt phía sông	Hư hỏng đài trụ neo TN1
50	<u>T15</u>	Đài trụ mặt chéo phía sông	Hư hỏng đài trụ neo TN1
54	<u>T16</u>	Đài trụ mặt bên hạ lưu	Hư hỏng đài trụ neo TN1
55	<u>T19</u>	Đài trụ mặt bên thượng lưu	Hư hỏng đài trụ neo TN1
TRỤ VA TV1			
56	<u>T7</u>	Đài trụ mặt chéo phía bờ	Hư hỏng đài trụ va
TRỤ VA TV4			
57	<u>T1</u>	Đài trụ mặt chéo phía sông	Hư hỏng đài trụ va

+ Hư hỏng cọc trụ neo TN1: Vết nứt ngang thân cọc, Vết nứt ngang quanh thân cọc, tách đôi cọc (hư hỏng loại 2).

± Mô tả hiện trạng:

Qua kết quả kiểm định và quá trình kiểm tra hiện trường, 6 cọc trụ neo TN1 cầu cảng đang gặp sự cố nứt nặng và có dấu hiệu phá hoại nghiêm trọng. Đặc biệt cọc A2: Vết nứt ngang quanh thân cọc, tách đôi cọc, hỏng lớn. 5 cọc còn lại Vị trí vết nứt nằm cách đáy đài cọc khoảng 20 cm, thuộc khu vực thường xuyên chịu tác động tải trọng truyền xuống từ kết cấu phía trên.

Nếu không được xử lý kịp thời, các vết nứt có thể phát triển dẫn đến phá hoại toàn bộ



cọc, gây ảnh hưởng đến ổn định kết cấu đài và hệ neo cầu cảng, Đặc biệt nguy hiểm khi cọc neo làm việc trong môi trường động lực (sóng, thủy triều, va tàu).

Hình ảnh các cọc bị hư hỏng trên trụ neo TN1

✚ Bảng tổng hợp các vị trí sửa chữa hư hỏng loại 2:

BẢNG TỔNG HỢP CÁC VỊ TRÍ CẦN SỬA CHỮA CỦA HƯ HỎNG LOẠI 2			
STT	Ký hiệu (bản vẽ)	Vị trí	Ghi chú
TRỤ NEO TN1			
1	<u>C1</u>	Cọc A 2	Hư hỏng cọc trụ neo TN1
2	<u>C2</u>	Cọc A 4	Hư hỏng cọc trụ neo TN1
3	<u>C3</u>	Cọc B 1	Hư hỏng cọc trụ neo TN1
4	<u>C4</u>	Cọc A 6	Hư hỏng cọc trụ neo TN1
5	<u>C5</u>	Cọc B 7	Hư hỏng cọc trụ neo TN1
6	<u>C6</u>	Cọc D 4	Hư hỏng cọc trụ neo TN1

Các vị trí cần sửa chữa khắc phục được tổng hợp trong bảng khối lượng dưới đây:

BẢNG KHỐI LƯỢNG CÁC VỊ TRÍ SỬA CHỮA CẦU CẢNG TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH				
STT	Ký hiệu (bản vẽ)	Vị trí	Mô tả hư hỏng	Ghi chú
SÀN CÔNG NGHỆ				
PHÂN ĐOẠN 1				
1	<u>V90</u>	Bản mặt cầu D28-29	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,1x0,7m	Hư hỏng loại 1
2	<u>V98</u>	Bản mặt cầu D30	Vết vỡ mảng mép đáy lộ cốt thép kích thước 0,4x0,2m	Hư hỏng loại 1
3	<u>V148</u>	Bản mặt cầu D25-26 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,6x0,5m	Hư hỏng loại 1
4	<u>V253</u>	Bản mặt cầu D21 B-C	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,6x0,4m	Hư hỏng loại 1
5	<u>V151</u>	Dầm console 21 A	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,6x0,4m	Hư hỏng loại 1

6	<u>V101</u>	Dầm dọc C 29-30	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,3x0,2m	Hư hỏng loại 1
PHÂN ĐOẠN 2				
7	<u>V58</u>	Bản mặt cầu D16-17	Vết vỡ mảng mép đáy lộ cốt thép kích thước 1,7x0,2m	Hư hỏng loại 1
8	<u>V66</u>	Bản mặt cầu D18-19	Vết vỡ mảng mép đáy phía sông lộ cốt thép kích thước 3,4x0,2m	Hư hỏng loại 1
9	<u>V181</u>	Bản mặt cầu 11 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,2x0,3m	Hư hỏng loại 1
10	<u>V257</u>	Bản mặt cầu 18-19 C-D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,5x3,4m	Hư hỏng loại 1
11	<u>V258</u>	Bản mặt cầu 17-18 C-D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,4x1,0m	Hư hỏng loại 1
12	<u>V42</u>	Dầm mở rộng 13 D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,55x0,1m	Hư hỏng loại 1
13	<u>V45</u>	Dầm mở rộng 14 D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,55x0,1m	Hư hỏng loại 1
14	<u>V51</u>	Dầm mở rộng 15 D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,55x0,1m	Hư hỏng loại 1
15	<u>V56</u>	Dầm mở rộng 16 D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,55x0,2m	Hư hỏng loại 1
16	<u>V59</u>	Dầm mở rộng 17 D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,55x0,2m	Hư hỏng loại 1
17	<u>V155</u>	Bản mặt cầu 18-19 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 2,0x0,5m	Hư hỏng loại 1
18	<u>V52</u>	Dầm dọc D 15-16	Vết vỡ mảng mặt phía bên sông lộ cốt thép kích thước 0,2x0,2m	Hư hỏng loại 1
19	<u>V170</u>	Dầm dọc A 14-15	Vết vỡ mảng mặt phía bên sông lộ cốt thép kích thước 0,6x0,4m	Hư hỏng loại 1
20	<u>V244</u>	Bản mặt cầu 16-17 B-C	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1.3x1.1m và 1.2x1m	Hư hỏng loại 1

21	<u>V57</u>	Dầm dọc D 16-17	Vết nứt mặt bên phía sông dài 3m, rộng 1mm, cách bản 20cm; Vết vỡ mảng mặt bên phía sông lộ cốt thép kích thước 0.6x0.2m	Hư hỏng loại 1
PHÂN ĐOẠN 3				
22	<u>V201</u>	Bản mặt cầu 1-2 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,6x0,5m	Hư hỏng loại 1
23	<u>V205</u>	Bản mặt cầu 1-2 B-C	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,4x3,2m	Hư hỏng loại 1
24	<u>V230</u>	Bản mặt cầu 5-6 C-D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,4x1,6m	Hư hỏng loại 1
25	<u>V12</u>	Dầm mở rộng 5 D	Vết vỡ mảng mặt bên lộ cốt thép kích thước 0,4x0,2m	Hư hỏng loại 1
26	<u>V13</u>	Dầm mở rộng 5 D	Vết vỡ mảng mặt bên lộ cốt thép kích thước 0,5x0,1m	Hư hỏng loại 1
27	<u>V206</u>	Dầm mở rộng C-D 1-2	Vết vỡ mảng mặt bên lộ cốt thép kích thước 0,5x0,2m	Hư hỏng loại 1
28	<u>V4</u>	Dầm console 4 D	Vết vỡ mảng mặt bên thượng lưu lộ cốt thép kích thước 0,2x0,2m, Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,3x0,2m	Hư hỏng loại 1
29	<u>V11</u>	Dầm console 5 D	Vết vỡ mảng đáy và mặt bên thượng lưu lộ cốt thép kích thước 0,5x0,3m	Hư hỏng loại 1
CẦU DẪN				
PHÂN ĐOẠN 1				
30	<u>D74</u>	Bản mặt cầu 19 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,7x1,0m	Hư hỏng loại 1
31	<u>D79</u>	Bản mặt cầu 20-21 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 2,5x1,1m	Hư hỏng loại 1

32	<u>D81</u>	Bản mặt cầu 21-22 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 2,2x0,8m	Hư hỏng loại 1
33	<u>D83</u>	Bản mặt cầu 22-23 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,8x1,0m	Hư hỏng loại 1
34	<u>D90</u>	Bản mặt cầu 25 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 2,2x1,0m	Hư hỏng loại 1
35	<u>D92</u>	Bản mặt cầu 25-26 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,8x0,7m	Hư hỏng loại 1
36	<u>D95</u>	Bản mặt cầu 26-27 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 2,0x1,2m	Hư hỏng loại 1
37	<u>D96</u>	Bản mặt cầu 26-27 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,2x1,0m	Hư hỏng loại 1
38	<u>D97</u>	Bản mặt cầu 27-28 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 4,5x1,0m	Hư hỏng loại 1
39	<u>D98</u>	Bản mặt cầu 27 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,7x0,4m và 0,5x0,3m	Hư hỏng loại 1
40	<u>D105</u>	Bản mặt cầu 29 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,0x0,6m và vỡ mảng kích thước 1,2x1,5m	Hư hỏng loại 1
41	<u>D110</u>	Bản mặt cầu 30-31 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,0x1,0m	Hư hỏng loại 1
42	<u>D112</u>	Bản mặt cầu 31-32 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,7x1,6m	Hư hỏng loại 1
43	<u>D104</u>	Bản mặt cầu 28-29	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,8x1,4m	Hư hỏng loại 1
44	<u>D80</u>	dầm dọc A 21-22	Vết vỡ mảng mép đáy mặt bên hạ lưu lộ cốt thép kích thước 0,8x0,2m	Hư hỏng loại 1
PHÂN ĐOẠN 2				
45	<u>D54</u>	Bản mặt cầu 9-10 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,2x1,2m và vỡ mảng	Hư hỏng loại 1

			đáy kích thước 2,0x0,4m	
46	<u>D69</u>	Bản mặt cầu 15-16 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,7x1,0m và 1,5x1,0m	Hư hỏng loại 1
47	<u>D70</u>	Bản mặt cầu 16 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,4x1,1m	Hư hỏng loại 1
48	<u>D8</u>	Dầm ngang 9 B-C	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,3x0,2m	Hư hỏng loại 1
49	<u>D11</u>	Dầm ngang 13 B-C	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,8x0,6m	Hư hỏng loại 1
50	<u>D14</u>	Dầm ngang 17 B-C	Vết vỡ mảng mặt bên hạ lưu lộ cốt thép kích thước 0,6x0,3m	Hư hỏng loại 1
TRỤ NEO TN1				
51	<u>C1</u>	Cọc A 2	Vết nứt ngang quanh thân cọc, tách đôi cọc, hỏng lớn	Hư hỏng loại 2
52	<u>C2</u>	Cọc A 4	Vết nứt ngang thân cọc dài 0,4m, rộng 0,7mm, cách đáy dài 20cm	Hư hỏng loại 2
53	<u>C3</u>	Cọc B 1	Vết nứt ngang thân cọc dài 0,4m, rộng 0,7mm, cách đáy dài 20cm	Hư hỏng loại 2
54	<u>C4</u>	Cọc A 6	Vết nứt ngang thân cọc dài 0,6m, rộng 0,7mm, cách đáy dài 20cm đến 60cm	Hư hỏng loại 2
55	<u>C5</u>	Cọc B 7	Vết nứt ngang thân cọc dài 0,7m, rộng 0,7mm, cách đáy dài 25cm	Hư hỏng loại 2
56	<u>C6</u>	Cọc D 4	Vết nứt ngang thân cọc dài 0,5m, rộng 0,7mm, cách đáy dài 25cm	Hư hỏng loại 2
57	<u>T13</u>	Đài trụ mặt chéo phía sông	Vết nứt mặt bên phía sông dài 2,1m, rộng 2mm, cách mặt trên 30cm	Hư hỏng loại 1
58	<u>T14</u>	Đài trụ mặt phía sông	Vết nứt mặt bên phía sông dài 3m, rộng 2mm, cách mặt trên 30cm	Hư hỏng loại 1

59	<u>T15</u>	Đài trụ mặt chéo phía sông	Vết nứt mặt bên phía sông dài 1,1m, rộng 1mm, cách mặt trên 40cm	Hư hỏng loại 1
60	<u>T16</u>	Đài trụ mặt bên hạ lưu	Vết nứt mặt bên hạ lưu dài 0,6m, rộng 1mm, cách mặt trên 20cm và 40cm	Hư hỏng loại 1
61	<u>T19</u>	Đài trụ mặt bên thượng lưu	Vết nứt mặt bên thượng lưu dài 2,0m, rộng 1mm, cách mặt trên 50cm	Hư hỏng loại 1
TRỤ VA TV1				
62	<u>T7</u>	Đài trụ mặt chéo phía bờ	Vết vỡ mảng mặt bên phía bờ lộ cốt thép kích thước 0,7x0,5m	Hư hỏng loại 1
TRỤ VA TV4				
63	<u>T1</u>	Đài trụ mặt chéo phía sông	Vết vỡ mảng mặt bên phía bờ lộ cốt thép kích thước 0,6x0,3m	Hư hỏng loại 1

4.2. Giải pháp thiết kế sửa chữa:

Phương án thiết kế sửa chữa được đề xuất dựa trên các căn cứ sau:

- + Mức độ hư hỏng, loại hư hỏng;
- + Yêu cầu kỹ thuật thiết kế, đảm bảo xử lý triệt để vết nứt vỡ xuất hiện trên bề mặt và các vết nứt nhỏ khác, đảm bảo loại bỏ hoàn toàn cốt thép bị han gỉ hoặc các sản phẩm han gỉ của cốt thép, đảm bảo các hư hỏng sau sửa chữa ít có khả năng bị hỏng trở lại (nếu áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp);
- + Điều kiện thi công sửa chữa;
- + Tiến độ thi công sửa chữa;
- + Ảnh hưởng của quá trình thi công đến khai thác cảng, đây là một trong các yếu tố quan trọng có thể làm phát sinh thêm các chi phí (như chi phí dừng thi công chờ khai thác hoặc chi phí dừng khai thác để thi công,...), ảnh hưởng đến chất lượng sửa chữa.
- + Ảnh hưởng của mực nước đến quá trình thi công.

Quá trình thi công sửa chữa được thực hiện theo phương pháp cuốn chiếu, thi công dứt điểm từng cấu kiện đến khi đảm bảo chịu lực mới tiến hành sửa chữa cấu kiện tiếp theo. Thường xuyên kiểm tra theo dõi các cấu kiện lân cận cấu kiện đang được sửa chữa để kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường ảnh hưởng đến chịu lực, ổn định cầu tàu, từ đó tìm ra nguyên nhân và có biện pháp khắc phục trước khi triển khai tiếp.

Trên cơ sở đó, đơn vị thiết kế đề xuất phương án sửa chữa cho các cấu kiện như sau:

4.2.1. Sửa chữa các hư hỏng loại 1 của sàn công nghệ, cầu dẫn, trụ neo, trụ va:

- Xác định vị trí các hư hỏng loại 1;

- Đục bỏ lớp bê tông bảo vệ cốt thép đã bị hư hỏng;
- Thu gom phần bê tông đã đục bỏ, đóng bao đưa lên bờ tập kết đúng nơi quy định;
- Vệ sinh sạch sẽ bề mặt bê tông, xử lý lớp cốt thép han gỉ;
- Gia công lắp đặt lưới cốt thép phi 14 gia cường: chiều dài thanh cốt thép gia cường bổ sung bằng chiều dài phạm vi đục mở rộng sửa chữa, đảm bảo chiều dài chi tiết nối theo điều kiện hiện trạng thực tế;
- Quét 1 lớp keo liên kết lên bê tông cũ: sử dụng Sika monotop 610 để tạo liên kết cho lớp bê tông cũ và lớp vữa mới sửa chữa;
- Trám lại bằng vữa phục hồi sika monotop 615 HB;
- Bảo dưỡng lớp vữa trám sửa chữa;
- Hoàn thiện bề mặt và nghiệm thu.

❖ Do bên cảng xăng dầu Phước Khánh đặc thù là vừa thi công sửa chữa vừa phải đảm bảo khai thác hoạt động, do đó chọn phương án sửa chữa các hư hỏng bằng trám sika monotop 615 HB là phù hợp (quá trình thi công không phát sinh tia lửa điện cũng như không có các công tác dễ gây cháy nổ), qua đó vừa hiệu quả sửa chữa vừa đảm bảo an toàn theo các quy định của cảng.

4.2.2. Sửa chữa cọc hư hỏng trụ neo TN1 (hư hỏng loại 2):

- Xác định vị trí các hư hỏng loại 2;
- Vệ sinh bề mặt cọc ống BTCT phạm vi sửa chữa;
- Gia công lồng thép FRP trên mặt cầu cảng hoặc bãi gia công cấu kiện, lồng thép được chia làm hai nửa để thuận tiện cho quá trình thi công lắp dựng;
- Khoan lỗ cấy thanh thép chờ trên đài và móc neo cáp định vị ván khuôn khi đổ vữa;
- Cấy các thanh thép chờ và móc neo cáp định vị ván khuôn bằng keo Hilti RE 100 hoặc loại tương đương. Quét sika bảo vệ phần đầu chờ các thanh thép đã neo cấy, sử dụng sika monotop 610 hoặc loại tương đương;
- Lắp đặt đai kẹp cọc giữ ván khuôn thép;
- Lắp đặt lồng thép FRP vào vị trí, liên kết các thanh FRP và thanh thép chờ bằng các kẹp thép chữ U đã được mạ kẽm;
- Bơm/rót vữa EstogROUT UW hoặc loại tương đương vào khoảng hở giữa cọc hiện hữu và ván khuôn thép theo hướng từ dưới lên. Bơm/rót với tốc độ chậm để không tạo bọt khí, theo dõi và dùng bơm khi vữa đầy và tràn ra phía trên đỉnh ván khuôn;
- Hoàn thiện bề mặt sửa chữa và nghiệm thu.

V. QUY ĐỊNH CHÍNH VỀ VẬT LIỆU:

Tất cả các chủng loại vật liệu trước khi đưa vào thi công phải có chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất và kết quả thí nghiệm kiểm tra chất lượng của đơn vị kiểm tra có tư cách pháp nhân. Vật liệu phải đạt chất lượng theo các quy định của các tiêu chuẩn hiện hành và các quy định cụ thể sau:

5.1. Cốt thép sử dụng cho công trình:

- Cốt thép sử dụng cho công trình phải đạt các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 1651-2018: Thép cốt bê tông (phần 1: Thanh thép tròn trơn và phần 2: Thanh thép vằn).

- Thép thanh trong công trình phải thỏa mãn các chỉ tiêu cơ tính nêu trong bảng sau.

Các chỉ tiêu cơ tính của cốt thép trong bê tông

Loại thép	Giá trị đặc trưng của giới hạn chảy trên ReH (Mpa)	Giá trị đặc trưng của giới hạn bền kéo Rm (Mpa)	Giá trị đặc trưng quy định của độ giãn dài %	
			Độ giãn dài tương đối sau kéo đứt A5 (thép tròn trơn), A (thép vằn)	Độ giãn dài tổng ứng với lực lớn nhất Agt (%)
	Nhỏ nhất	Nhỏ nhất	Nhỏ nhất	Nhỏ nhất
CB 240-T	240	380	20	2
CB 300-V	300	450	16	8
CB 400-V	400	570	14	8

Ghi chú: 1 Mpa = 10,2 kg/cm² ≈ 10 kg/cm²

Liên kết hàn: que hàn đảm bảo các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 3223 – 2000: Que hàn điện dùng cho thép cacbon thấp và thép hợp kim thấp - Ký hiệu, kích thước và yêu cầu kỹ thuật chung.

Que hàn dùng trong các liên kết hàn đảm bảo: độ bền kéo ≥ 430 N/mm².

Bulong đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 1916: 1995. Bulong, vít, vít cấy và đai ốc. Yêu cầu kỹ thuật. Cấp bền sử dụng là 4.6.

Liên kết hàn cần tuân thủ tiêu chuẩn TCVN 1961-1975. Mỗi hàn hồ quang điện bằng tay.

5.2. Thép gia cường:

Thép gia cường sử dụng cốt composite thủy tinh GFRP (Glass Fiber Reinforced Polymer) có các chỉ tiêu và đặc trưng cơ bản như sau:

- Giới hạn bền khi kéo : $\sigma_u \geq 800$ MPa
- Modul đàn hồi khi kéo : $E_f \geq 45$ GPa
- Giới hạn bền khi nén : $\sigma_c \geq 300$ MPa
- Giới hạn bền khi cắt : $\tau_{sh} \geq 150$ MPa
- Cường độ bám dính với bê tông : $\tau_r \geq 12$ Mpa
- Biến dạng tỷ đối cực hạn : $1 \div 3\%$

Giới hạn bền khi kéo và modul đàn hồi khi kéo của FRP không được nhỏ hơn giá trị ghi trong các tài liệu của nhà sản xuất. Nếu trong các tài liệu của nhà sản xuất ghi các giá trị lớn hơn của giới hạn bền và modul đàn hồi thì cần tuân thủ theo các yêu cầu trong tài liệu của nhà sản xuất.

Các yêu cầu về hình dạng bên ngoài:

- Các dấu hiệu nhận biết FRP đặc trưng cho nhãn hiệu, các chỉ tiêu hình học và các thông số của gờ phải được ghi trong tài liệu của nhà sản xuất.

- Theo các chỉ tiêu hình dạng bên ngoài (khuyết tật), FRP không có các dấu hiệu vỡ, sút mẻ, phân lớp, rỗ, các vết lõm do tác động cơ học với hư hỏng sợi.

- Các yêu cầu đối với nguyên vật liệu, vật liệu:

- Các vật liệu sử dụng để chế tạo FRP phải phù hợp với các yêu cầu của các tài liệu tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật, phải có tài liệu đi kèm chứng minh sự phù hợp với các yêu cầu của các tài liệu tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật đã nêu, bao gồm các báo cáo thử nghiệm.

Các phương pháp thử:

- Hình dạng bên ngoài và chất lượng bề mặt FRP được kiểm tra về sự phù hợp với các yêu cầu quy định hoặc với mẫu bằng trực quan, không sử dụng dụng cụ phóng đại.

- Đường kính ngoài, chiều cao gờ, bước gờ của FRP được kiểm tra bằng thước cặp, thước micro mét.

- Chiều dài của FRP được kiểm tra bằng thước thẳng, thước cuộn với độ chia danh định là 10m, 20m, cấp chính xác 3.

- Đường kính danh định và các chỉ tiêu, đặc trưng cơ bản được xác định theo các phụ lục của TCVN 11109:2015 - Cốt composite Polyme.

5.3. Vữa EstogROUT UW:

Sử dụng vữa không tan, đổ được trong nước EstogROUT UW hoặc vật liệu có tính năng tương đương. Đặc tính kỹ thuật của vật liệu như sau:

- Cường độ nén (BS 6319 : Part 2):

- + 01 ngày : 25 N/mm²

- + 07 ngày : 35 N/mm²

- + 28 ngày : 55 N/mm²

- Thời gian ninh kết:

- + Bắt đầu : 2,0 - 2,5 giờ.

- + Cuối cùng : 4,0 - 4,5 giờ

- Mật độ tiêu thụ : 1 bao 25kg cho 13 lít vữa.

Các điểm lưu ý trong quá trình thi công vữa:

- Chuẩn bị:

- + Bề mặt cọc hiện hữu phải được vệ sinh sạch, không có dầu, mỡ hoặc bất kỳ chất lỏng nào của vật liệu dính kết;

+ Ván khuôn phải được lắp đặt kín để tránh rò rỉ vữa, sử dụng các dải cao su xốp (foam rubber) hoặc mastic để bịt kín bên trong và giữa các mối nối của ván khuôn. Sơn phủ ván khuôn bằng vật liệu thích hợp (ví dụ Estoform) để cho phép dễ dàng tháo dỡ ván khuôn.

- Trộn và thi công bơm (rót) vữa:

+ Trộn bằng cần điện có tốc độ thấp (tối đa 500 vòng/phút) có gắn đĩa khuấy. Sau khi trộn phải liên tục khuấy nhẹ để duy trì tính lưu động của vữa;

+ Đong 4,5 đến 5,0 lít nước cho mỗi bao 25 kg vào máy trộn. Thêm từ từ bột vữa vào trong khi trộn liên tục. Khi tất cả bột được thêm vào trộn liên tục trong 2 phút để đảm bảo thu được vữa nhất quán, mịn;

+ Thi công vữa trong vòng 20 phút sau khi trộn để đạt được chất lượng tốt nhất. Vữa cần thiết phải được bơm (đổ) một cách liên tục từ phía dưới lên. Cần cẩn thận ở bước bắt đầu thao tác bơm vữa để hạn chế dòng chảy của vữa để nước không bị cuốn thêm. Ống bơm có thể được nâng dần lên khi cần thiết để giảm áp lực bơm nhưng không được nâng lên trên bề mặt của vữa.

5.4. Keo Hilti:

Sử dụng keo Hilti RE 100 hoặc loại tương đương. Hilti RE 100 là loại hóa chất cấy thép được hãng Hilti của Germany sản xuất theo tiêu chuẩn Châu Âu. Dạng Epoxy không mùi, gồm 2 thành phần riêng biệt đóng trong bao gói nhựa dẻo. Đặc tính kỹ thuật của vật liệu như sau:

Thời gian đông cứng trong vôi trộn khi ngừng bơm: 20÷30 phút ;

Thời gian đông cứng mặt ngoài: sau 2 giờ ;

Thời gian khô hoàn toàn: 4÷5 giờ.

5.4. Vữa Sika monotop 610:

Sử dụng vữa Sika monotop 610 hoặc loại tương đương. Sika monotop 610 là một loại vữa gốc xi măng polyme cải tiến, một thành phần có chứa silica fume và chất ức chế ăn mòn. Các thông số kỹ thuật như sau:

- Khối lượng thể tích:

+ ~ 1.15 kg/lít (khối lượng đồ đồng của bột);

+ ~ 2.15 kg/lít (khối lượng thể tích của vữa tươi).

- Tỷ lệ trộn:

+ Nước: Bột Sika Monotop 610 = 1 : 4.55 – 5.00 (theo khối lượng);

+ Nước: Bột Sika Monotop 610 = 1 : 3.95 – 4.35 (theo thể tích);

+ Khoảng 5.0 – 5.5 lít nước sạch cho một bao 25 kg.

- Mật độ tiêu thụ :

+ 1.5 – 2.0 kg/m² (tùy thuộc vào kết cấu bề mặt của nền);

+ Khoảng 2.0 kg/m²/lớp với độ dày 1mm (cần thi công 2 lớp).

- Thời gian cho phép thi công: ~ 30 phút(ở 27°C và độ ẩm môi trường 65%).

5.4. Vữa Sika monotop 615 HB:

Sử dụng vữa Sika monotop 610 hoặc loại tương đương. Sika MonoTop-615 HB là loại vữa xi măng polymer cải tiến, một thành phần, có tính xúc biến, bám dính tốt, cho phép thi công lớp dày, có chứa silica fume.

- Khối lượng thể tích: ~ 1.75 kg/lít.
- Tỷ lệ trộn:
- + Khoảng 3,8 đến 3,9 lít nước sạch cho một bao 25 kg.
- + Cần khoảng 60 bao cho một m³ vữa.

5.5. Liên kết kết cấu thép:

- Liên kết hàn: Que hàn đảm bảo các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 3223 – 2000: Que hàn điện dùng cho thép cacbon thấp và thép hợp kim thấp - Ký hiệu, kích thước và yêu cầu kỹ thuật chung. TCVN 3909 – 2000: Que hàn điện dùng cho thép cacbon thấp và thép hợp kim thấp – Phương pháp thử.

- Kiểm tra mối hàn theo các tiêu chuẩn:
- + TCVN 5401 - 2010: Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn.
- + TCVN 8310 - 2010: Thử phá hủy mối hàn trên VL kim loại - Thử kéo ngang.
- + TCVN 8311 - 2010: Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy.
- Que hàn dùng trong các liên kết hàn đảm bảo:
- + Độ bền kéo đứt tiêu chuẩn : 410 N/mm².
- + Cường độ tính toán : 180 N/mm².
- Bulong đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 1916: 1995. Bulong, vít, vít cấy và đai ốc. Yêu cầu kỹ thuật.

5.6. Các vật liệu khác:

Ngoài các vật liệu được qui định như trên, trong công trình có sử dụng các loại vật liệu khác... Bất kỳ loại vật liệu nào mà Nhà thầu thi công đưa vào sử dụng do thiết kế chưa quy định hoặc vật liệu không tuân thủ theo quy định đã nêu phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư và Tư vấn thiết kế.

VI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG CHÁY, NỔ

6.1. Đánh giá tác động môi trường:

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường thì công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh không nằm trong danh mục các dự án phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Dự án là một hạng mục công trình trong tổng thể của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp đã được xây dựng và khai thác, trong quá trình khai thác Chủ đầu tư đã đầu tư hoàn thiện các thiết bị phòng chống ô nhiễm môi trường. Việc sửa chữa vẫn giữ nguyên chức năng khai thác của các công trình hiện hữu. Do vậy ảnh hưởng về môi trường trong quá trình khai thác không thay đổi so với ban đầu. Tuy nhiên trong quá trình thi công và khai thác sẽ gây ra một số ảnh hưởng đến môi trường khu vực xung quanh; cụ thể như sau:

6.1.1. Các tác động chính do hoạt động của dự án đến môi trường:

Một dự án xây dựng khi thực hiện đều có những tác động đến môi trường xung quanh, do đó trong các bước chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và sau khi bàn giao đưa công trình vào khai thác đều cần có những nghiên cứu, đánh giá một cách tổng quan các tác động môi trường và đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.

Theo các kết quả khảo sát sơ bộ về hiện trạng môi trường tại khu vực xây dựng công trình cho thấy: tại khu vực xây dựng công trình và khu vực xung quanh hiện nay chủ yếu là cầu cảng, đường bãi hiện hữu của cảng nên môi trường tự nhiên tại khu vực dự án còn khá tốt và chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

6.1.1.1. Ảnh hưởng của dự án đến môi trường trong giai đoạn xây dựng:

Hoạt động kỹ thuật trong giai đoạn xây dựng là: thi công sửa chữa cầu cảng. Nguồn gốc phát sinh ô nhiễm môi trường trong giai đoạn này bao gồm:

- Ô nhiễm do tiếng ồn: tiếng ồn sinh ra do các phương tiện vận tải chuyên chở vật liệu xây dựng đến công trường.
- Ô nhiễm do khí thải: khói hàn có chứa bụi, khí CO₂, SO₂, NO₂.... khói thải phát sinh do các phương tiện vận tải, phương tiện thi công cơ giới.
- Ô nhiễm khu nước và vùng đất bởi các rác thải rắn và nước thải sinh hoạt, nước lẫn dầu của các máy thi công xây dựng tại công trường, nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng tại công trường.
- Một số tai nạn rủi ro cần được phòng tránh như: tai nạn do tập trung các thiết bị thi công và các rủi ro khác trong quá trình thi công.
- Các nguồn phát sinh nêu trên sẽ ảnh hưởng đến môi trường như sau:
 - + Ô nhiễm do bụi: có thể tác động đến sức khỏe con người, gây bệnh hô hấp, phổi, Tuy nhiên thời gian xây dựng ngắn, lượng bụi phát sinh ít, dễ lắng, không thường xuyên, khu vực

xây dựng công trình rộng, ít dân cư sinh sống, nên bụi sinh ra trong giai đoạn này tác động không đáng kể đến môi trường và sức khỏe con người.

+ Tiếng ồn có thể gây lãng tai, mất tập trung đối với công nhân xây dựng tại công trường, tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ các thiết bị thi công, vận chuyển vật tư, vật liệu, thời gian thi công ngắn nên tác hại của tiếng ồn phát sinh rất ít, không tác động lớn đến sức khỏe của công nhân làm việc tại công trường.

+ Độ rung, chấn động làm giảm độ bền công trình, Tại khu vực xây dựng cảng không có dân cư, công trình kiến trúc và các công trình xây dựng khác nên ảnh hưởng của chấn động và rung trong xây dựng không gây ảnh hưởng đến các công trình lân cận.

+ Các loại khí độc như: CO₂, SO₂, NO₂... cũng có sinh ra trong giai đoạn xây dựng nhưng với lượng thấp, môi trường xung quanh rộng rãi, dễ phát tán tự nhiên nên các khí độc tác động đến sức khỏe của công nhân không lớn.

Nhìn chung, các tác động đến môi trường của giai đoạn xây dựng là không đáng kể, chỉ mang tính tạm thời, các tác động này sẽ kết thúc cùng với công tác kết thúc xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

6.1.1.2. Ảnh hưởng của dự án đến môi trường trong giai đoạn khai thác:

Nguồn gốc phát sinh ô nhiễm môi trường trong giai đoạn này bao gồm:

- Tăng mật độ tàu và các phương tiện đi đến cảng để xuất nhập hàng hóa.
- Hoạt động của các thiết bị bốc xếp vận chuyển hàng hóa trong nội bộ cảng.
- Một số tác động ảnh hưởng đến môi trường khu vực trong giai đoạn này cần được quan tâm là:

+ Ô nhiễm không khí và bụi: ô nhiễm không khí ở đây chủ yếu là khí độc chứa CO₂, NO₃; SO₃ thải ra từ các động cơ chạy diesel của các phương tiện vận tải và các phương tiện, thiết bị bốc xếp hàng hóa tại cảng. Ô nhiễm bụi do quá trình bốc xếp hàng ở cảng, nhất là các loại hàng rời.

+ Ô nhiễm tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thiết bị bốc xếp và vận chuyển hàng hóa.

+ Ô nhiễm do nước thải: bao gồm nước thải từ tàu, xưởng sản xuất có lẫn dầu, nước tưới rửa đường bãi, nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại căn cứ cảng.

+ Ô nhiễm do chất thải rắn: các chất thải rắn phát sinh chủ yếu là rác thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại cảng, rác thải bao gồm các bao bì, đồ hộp.

6.1.2. Các biện pháp kiểm soát môi trường:

6.1.2.1. Trong quá trình xây dựng:

- Trong những ngày nắng, để hạn chế mức độ ô nhiễm do bụi tại khu vực công trường xây dựng. Chủ đầu tư phải yêu cầu các nhà thầu xây dựng thường xuyên tưới nước khu vực thi công nhằm giảm bụi trong mùa khô, nắng nóng, che chắn các bãi tập kết vật liệu, các bãi chứa vật liệu được bố trí ở cuối hướng gió và có biện pháp cách ly để không ảnh hưởng đến toàn khu vực.

- Không sử dụng các phương tiện vận tải quá cũ, tất cả các xe vận chuyển và thiết bị thi công phải qua kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số về khí thải, độ ồn, rung đạt quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Khi chuyên chở vật liệu xây dựng, đất, cát, đá ... các xe vận tải phải được che phủ bằng vải bạt để tránh rơi vãi.

- Khi bốc dỡ nguyên vật liệu phải trang bị bảo hộ lao động để hạn chế bụi ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân.

- Tiếng ồn từ máy móc xây dựng: được hạn chế bằng cách thường xuyên bảo trì máy móc, lắp đặt bộ phận giảm thanh khi cần thiết, không vận hành thiết bị trong giờ nghỉ ngơi của mọi người.

- Tiếng ồn từ xe vận chuyển: được hạn chế bằng cách lắp đặt bộ phận giảm thanh đúng tiêu chuẩn.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng được xử lý trong các hầm tự hoại. Cặn phân hủy được thuê hút mang đi khi giai đoạn xây dựng kết thúc.

- Giáo dục ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với các công nhân thi công công trình, không vứt rác sinh hoạt bừa bãi xuống sông. Tất cả rác sinh hoạt từ khu vực nhà ở của công nhân được thu gom và tập trung vào các thùng chứa. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu sẽ thuê đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt đến thu gom với tần suất 1÷2 ngày/lần. Toàn bộ rác sau khi thu gom xong sẽ được chuyển đến bãi rác để chôn lấp.

- Các loại chất thải có thể tái sinh, tái chế như bao bì giấy, plastic, sắt, thép... sẽ được bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Yêu cầu chủ thi công bảo trì, thay nhớt xe ngoài trạm xăng, không đem vào công trình.

- Thu gom 100% dầu mỡ chảy ra đất, giặt lau dầu mỡ cho vào các thùng chứa riêng trong khu vực đem đi đốt.

- Trang bị 1÷2 thùng chứa dầu mỡ đặt tại khu vực công trường.

6.1.2.2. Trong quá trình khai thác:

⚡ Biện pháp không chế ô nhiễm không khí:

- Đối với các thiết bị làm hàng tại cảng chạy bằng động cơ diesel phải thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng, luôn đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, tiêu chuẩn khí thải và tiếng ồn.

- Đối với khu vực đường bãi, thường xuyên phun nước tạo sương nhằm khống chế bụi bẩn theo qui định, Tại các khu vực xung quanh các hàng rào của cảng sẽ được trồng cây xanh có tán lá rộng.

- Đối với các phương tiện chủ hàng (kể cả phương tiện vận tải thủy, vận tải bộ): Không tiếp nhận và cho phép lưu hành các trang thiết bị, phương tiện không đủ các yêu cầu về an toàn, tiếng ồn, khí thải và không đảm bảo các quy định đăng kiểm của các ngành quản lý đường thủy cũng như đường bộ.

- Tăng cường sử dụng các thiết bị chạy bằng năng lượng điện, gas và sử dụng các máy móc luôn đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật.

✦ Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn:

- Giảm bấm còi khi ra vào cảng.
- Để giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn từ các kho nói riêng và của cảng nói chung đến khu vực xung quanh: quy hoạch sắp xếp các kho, xưởng trong cảng tùy theo các loại hình, sử dụng không gian xanh giữa căn cứ cảng với khu vực xung quanh cũng là một biện pháp hiệu quả để giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn.

- Đối với phương tiện lưu thông ra vào cảng: để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận hành cũng như bốc dỡ hàng hóa, chủ đầu tư sẽ bố trí lịch ra vào cảng cho các xe lưu thông một cách hợp lý.

✦ Biện pháp xử lý nước thải:

- Trong khu vực cảng nước mưa được thu gom qua hệ thống cống ngầm và hệ thống hồ ga xen kẽ.

- Xử lý nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt thường được xử lý theo phương pháp sinh học bằng cách xây dựng bể tự hoại làm lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ và chứa cặn.

- Nghiêm cấm tất cả các tàu đến cảng không được xả các loại nước thải sinh hoạt, rác sinh hoạt và nước vệ sinh trực tiếp xuống sông.

✦ Biện pháp khống chế ô nhiễm xử lý chất thải rắn:

- Đặt các thùng rác loại có nắp đậy ở các khu vực nhà ăn, nhà bếp, văn phòng ... Toàn bộ lượng chất thải rắn này sẽ được chứa vào các thùng này và sẽ thu gom định kỳ 1÷2 ngày/lần.

- Các sản phẩm hết hạn sử dụng sẽ phân chia thành 2 loại: chất thải rắn không nguy hại và chất thải rắn nguy hại. Đối với chất thải không nguy hại sẽ được thu gom chung với chất thải rắn sinh hoạt. Đối với chất thải rắn nguy hại, chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

✦ Biện pháp phòng ngừa sự cố tràn dầu:

- Xây dựng kế hoạch, các phương án ứng cứu sự cố tràn dầu trong phạm vi hoạt động đối với những nơi có khả năng xảy ra sự cố nhất, nhằm chủ động đối phó với tình huống xảy ra.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

- Có kế hoạch cụ thể về nguồn lực, tổ chức nhân sự để có thể tổ chức thực hiện tốt kế hoạch, tránh thảm họa môi trường xảy ra từ sự cố tràn dầu.

- Tổ chức giám sát, khảo sát và đánh giá; thu gom, bảo quản và xử lý tiêu hủy; đảm bảo thông tin; chủ động huy động nhân lực, nguồn lực, tự tổ chức, chỉ huy ứng phó kịp thời, hiệu quả khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu xảy ra trong phạm vi quản lý của cảng.

- Tổ chức các khóa huấn luyện đào tạo cho đội ngũ cán bộ bảo vệ ứng phó sự cố tràn dầu.

- Tổ chức tập huấn, diễn tập kỹ thuật nhằm kiểm tra, điều chỉnh và nâng cao khả năng ứng phó với sự cố, phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

- Thường xuyên kiểm tra quy trình vận hành, giúp nâng cao tính an toàn trong các hoạt động có khả năng gây sự cố tràn dầu.

- Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với các đơn vị trong khu vực để có kế hoạch ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Khi có sự cố tràn dầu đội ứng phó sự cố tràn dầu phải báo động cho những người bên trong phạm vi sự cố tràn dầu biết và hướng dẫn họ thoát ra khỏi vùng nguy hiểm, thiết lập kịp thời các cảnh báo, biển báo xung quanh khu vực xảy ra sự cố tràn dầu, sử dụng loa phóng thanh để báo động cho mọi người biết để ngưng ngay các hoạt động có phát sinh nguồn nhiệt gần vị trí sự cố, báo động cho mọi người gần đó biết để tránh xa vùng nguy hiểm.

6.2. Giải pháp phòng cháy chữa cháy (PCCC):

Do dự án là sửa chữa bảo trì hệ thống cọc cầu cảng số 7 nên không ảnh hưởng đến hệ thống PCCC hiện hữu. Trong giai đoạn thi công sửa chữa Nhà thầu cần có phương án PCCC trình Chủ đầu tư phê duyệt trước khi triển khai cụ thể. Công tác phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công cần lưu ý một số vấn đề như sau:

- Huấn luyện về PCCC cho đội ngũ công nhân làm việc tại công trường.

- Hệ thống cấp điện khi vận hành thiết bị thi công, chiếu sáng vào buổi tối sẽ được thiết kế độc lập, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.

- Các nguyên liệu sẽ được bảo quản, cách xa nguồn có thể gây cháy nổ như nhà bếp, trạm biến áp.

- Các máy móc, thiết bị sẽ được đo đặc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Đội bảo vệ thường xuyên kiểm tra việc gắn các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.

- Các phương tiện thi công và người vào thi công không được mang lửa hoặc đốt lửa tại công trường.

- Tránh các trường hợp va đập mạnh dễ bật tia lửa hoặc chập mạch điện.

- Trong khu vực thi công phải có các thiết bị phòng cháy như thùng cát, bao tải thấm nước, bình khí CO₂ và hóa chất để chữa cháy.

- Ngoài ra cần phối hợp với các đơn vị PCCC trong khu vực để được kiểm tra, trang bị và đề ra kế hoạch hành động chung khi có sự cố xảy ra.

6.3. Giải pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Đặt các biển báo về an toàn lao động ở những nơi có khả năng xảy ra tai nạn lao động, các biển báo này không bị che khuất.

- Những máy móc vận hành tại công trình phải có biện pháp che chắn xung quanh, hạn chế người qua lại ở những khu vực này.

Công trình: Tổng kho xăng dầu Phước Khánh

- Tất cả các công nhân trước khi vào làm việc tại công trường phải học nội quy về an toàn lao động và qua một lớp hướng dẫn sử dụng các thiết bị an toàn. Tập huấn định kỳ cho công nhân.

- Công nhân sẽ mặc đồ bảo hộ lao động, áo phao trong quá trình làm việc.
- Không được uống rượu, bia trước và trong ca làm việc tại công trường.
- Công nhân không đùa giỡn khi thi công, không chạy nhảy qua lại trên các hệ xà kẹp, cây chống. Không tung ném dụng cụ, vật liệu hay bất kỳ vật gì từ trên cao xuống.
- Cán bộ, công nhân lao động không được tự động điều khiển máy, thiết bị mà không được giao trách nhiệm.

- Chỉ sử dụng dụng cụ đồ nghề, máy, thiết bị có chất lượng tốt, không bị hư hỏng, Khi sử dụng xong phải làm vệ sinh, cất giữ bảo quản cẩn thận vào nơi qui định.

- Ban chỉ huy công trường sẽ chuẩn bị các phương tiện cấp cứu với đầy đủ dụng cụ y tế sơ cứu cũng như các xe cứu thương luôn trong tình trạng sẵn sàng. Các dụng cụ y tế sẽ đặt tại nơi dễ nhận thấy và có thể sử dụng ngay vào bất cứ lúc nào.

- Có nhân viên chuyên phụ trách an toàn công trình hướng dẫn khi đi lại trong công trường.

Lưu ý: do công trình vừa được thi công vừa triển khai khai thác nên để đảm bảo an toàn, Chủ đầu tư và Nhà thầu cần phong toả phạm vi đang thi công, nghiêm cấm khai thác, vận tải hàng hoá trong phạm vi sửa chữa. Quá trình thi công không triển khai hàng loạt mà tiến hành từng cấu kiện, đến khi đảm bảo khả năng chịu lực mới tiến hành sửa chữa cấu kiện tiếp theo.

VII. TỔNG DỰ TOÁN

7.1. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư xây dựng bao gồm: Chi phí xây dựng, Chi phí quản lý dự án; Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; Chi phí khác và Chi phí dự phòng.

Cơ sở lập tổng dự toán:

- Tổng mức đầu tư xây dựng được tính toán dựa trên cơ sở sau đây:
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/09/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Công trình: Tổng kho xăng dầu Phước Khánh

- Nghị định số 180/2024/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành Định mức xây dựng;

- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Cấp công trình áp dụng theo Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán áp dụng Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

- Qui mô, khối lượng theo thiết kế các hạng mục công trình của dự án;

- Quyết định số 329/QĐ-SXD 30/12/2024 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm, đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Thông báo số 3054/SoXD-QLHĐ&VLXD ngày 30/6/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá VLXD tháng 06 năm 2025;

- Các báo giá vật tư, thiết bị của nhà cung cấp;

- Một số khoản chi phí tính toán theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Tổng mức đầu tư của công trình

Trên cơ sở quy mô đầu tư của dự án, các căn cứ tính toán nêu trên, tổng mức đầu tư của dự án được tổng hợp như sau:

Tổng mức đầu tư của dự án : 2.457.327.000 đồng

Trong đó:

I Chi phí xây dựng : 2.052.170.289 đồng

2	Chi phí thiết bị	:	0 đồng
3	Chi phí quản lý dự án	:	49.646.104 đồng
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	177.126.922 đồng
5	Chi phí khác	:	63.131.057 đồng
6	Chi phí dự phòng	:	115.252.192 đồng

7.2. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

Nguồn vốn để đầu tư xây dựng: Vốn sản xuất, kinh doanh của công ty.

7.3. Các hiệu quả của dự án:

Công trình sau khi sửa chữa xong sẽ đạt được các hiệu quả khác như sau:

Phù hợp với mặt bằng quy hoạch cảng Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được duyệt;

Đảm bảo khả năng chịu lực của kết cấu cầu cảng với tải trọng khai thác, đáp ứng nhiệm vụ trong thời gian tới;

Nâng cao hiệu quả khai thác hàng tại cảng của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

7.4. Tiến độ thực hiện dự án:

Triển khai thi công xây dựng công trình: Dự kiến thực hiện 90 ngày.

VIII. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

8.1. Mục tiêu đầu tư của dự án:

Dựa trên kết quả báo cáo Kiểm định định kỳ chất lượng, đánh giá an toàn công trình Bến cảng xăng dầu Phước Khánh, một số vị trí của kết cấu dầm, bản, đài trụ, cọc đang bị hư hỏng nặng cần phải khắc phục sửa chữa sớm nhằm mục đích khôi phục và đảm bảo toàn vẹn cho kết cấu cầu cảng, Khắc phục các hư hỏng nặng hiện hữu của kết cấu bê tông: dầm, bản, đài, cọc sẽ đảm bảo sự ổn định và an toàn cho cầu cảng trong quá trình khai thác.

Thông qua việc sửa chữa các vị trí bê tông bị vỡ nứt, hư hỏng lộ cốt thép sẽ góp phần bảo vệ kết cấu tổng thể của cầu cảng khỏi các tác động của môi trường và quá trình sử dụng, từ đó kéo dài tuổi thọ và thời gian phục vụ của công trình.

Nâng cao hiệu quả khai thác: đảm bảo các cầu cảng hoạt động liên tục, ổn định, đáp ứng yêu cầu về năng suất và an toàn trong hoạt động bốc xếp hàng hóa và neo đậu.

8.2. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư của dự án : **2.457.327.000 đồng**

Trong đó:

1 Chi phí xây dựng : 2.052.170.289 đồng

Công trình: Tổng kho xăng dầu Phước Khánh

2	Chi phí thiết bị	:	0 đồng
3	Chi phí quản lý dự án	:	49.646.104 đồng
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	177.126.922 đồng
5	Chi phí khác	:	63.131.057 đồng
6	Chi phí dự phòng	:	115.252.192 đồng

Nguồn vốn để đầu tư xây dựng: Vốn sản xuất, kinh doanh của công ty.

Thời gian thực hiện: Trong quý IV năm 2025.

Hình thức quản lý: Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp trực tiếp quản lý.

8.3. Kiến nghị:

Kính đề nghị các cơ quan chuyên môn thẩm định trình phê duyệt “*Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Tổng kho xăng dầu Phước Khánh của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp*” để triển khai thực hiện các công việc tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM



HỒ SƠ:

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

GÓI THẦU:

**TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA
HẠNG MỤC SỬA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM
ĐỊNH ĐỊNH KỲ SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)**

CÔNG TRÌNH:

TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH

TẬP 3:

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG



Chủ đầu tư:
Đơn vị TV lập BC KTKT :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM
Địa chỉ : 207/48, Trần Bình Trọng, phường Chợ Quán, Tp HCM
ĐT : 0908115525; Email: thuybomiennam@gmail.com

HỒ SƠ:

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

GÓI THẦU:

TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA
HẠNG MỤC SỬA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM
ĐỊNH ĐỊNH KỲ SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)

CÔNG TRÌNH:

TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH

TẬP 3:

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

Chủ nhiệm thiết kế : Phạm Thế Trường

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP



Đinh Thiện Hiền

ĐƠN VỊ TV LẬP BÁO CÁO KTKT:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐÌNH KIỂM

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG	
THẨM TRA	
Theo Văn bản số	108 / BCTT/ 20.25
ngày	16 tháng 10 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:	

TP. Hồ Chí Minh – 2025

Nguyễn Hồng Chuẩn

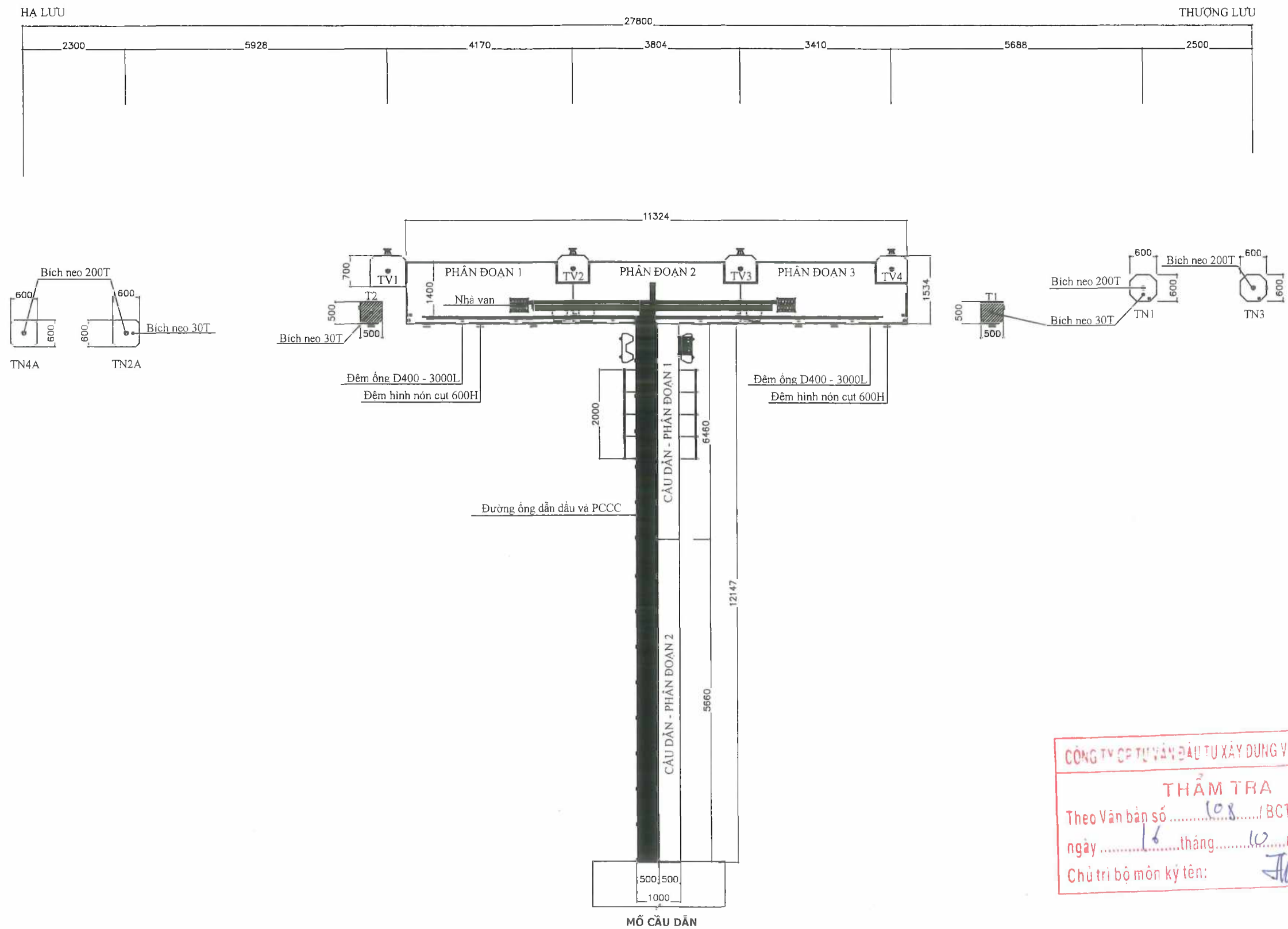
MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG	
THẨM TRA	
Theo Văn bản số	108 / BCTT/ 2025
ngày	16 tháng 10 năm 2025
Chủ trì bộ môn kỹ lên:	JH

	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT		ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM		- Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm Dimensions are in Cm - Cao độ ghi là m / elevation are in m - Hệ cao độ giả định/presumptive elevation system TỶ LỆ: THEO BV KÝ HIỆU: BVTK-BSBHMN-2025 BV SỐ: 01	
	GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC		THIẾT KẾ	LÊ NGỌC MINH		GIÁM ĐỐC
	SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ		KIỂM TRA	NGUYỄN TUẤN ANH		
	SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)		CNTK	PHẠM THẾ TRƯỞNG		NGUYỄN ĐÌNH KIỂM
TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG						

Đinh Thiện Hiền

MẶT BẰNG CẦU CẢNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG

THẨM TRA

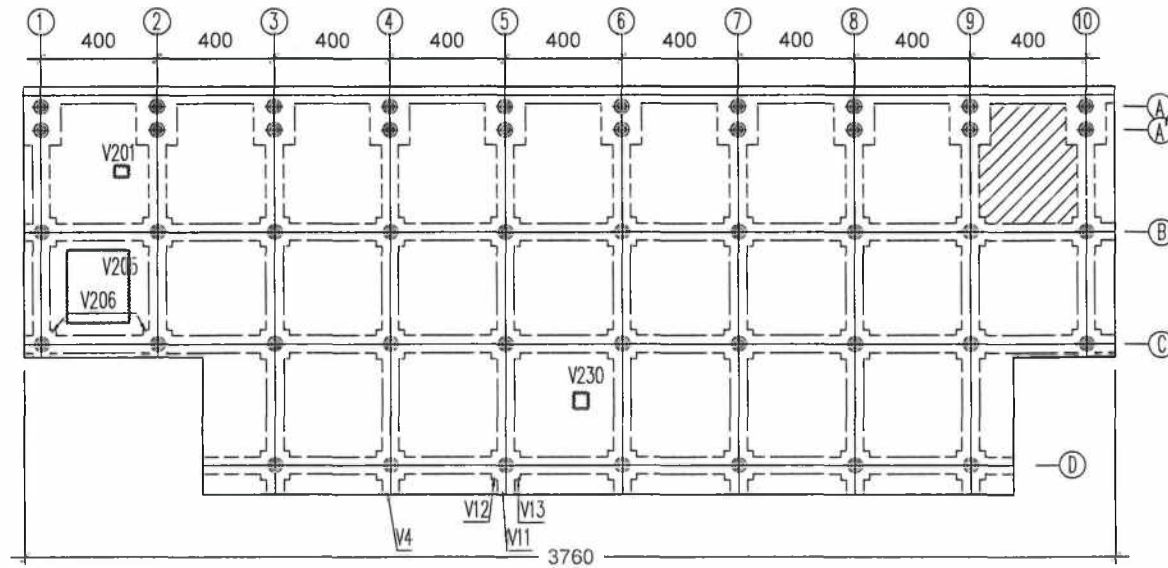
Theo Văn bản số 108 / BCTT/ 2025

ngày 16 tháng 10 năm 2025

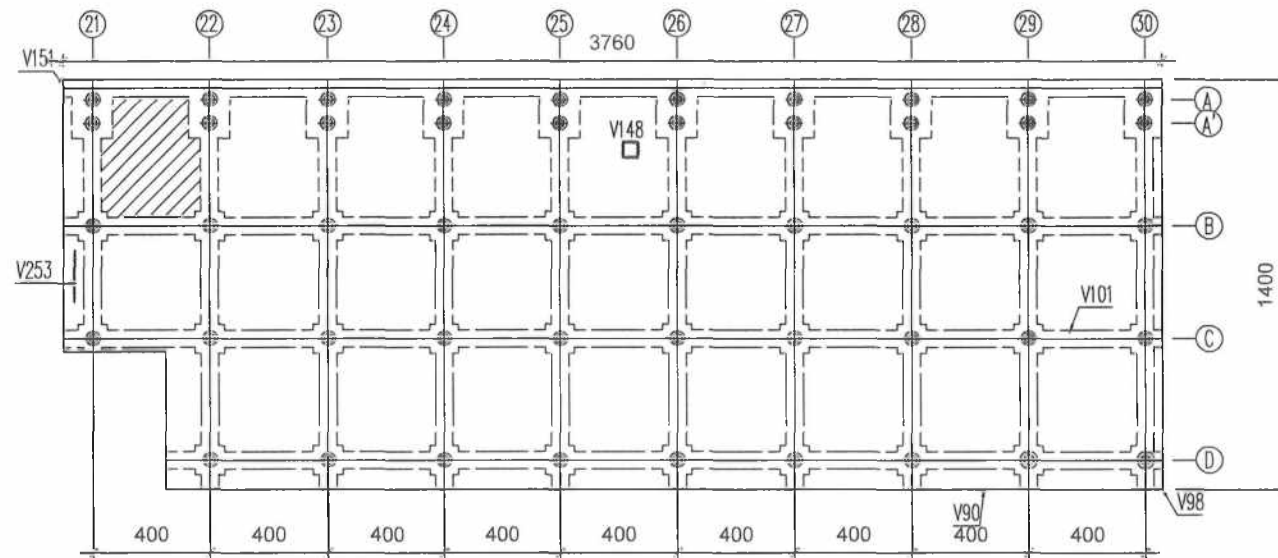
Chủ trì bộ môn ký tên: 

N: 14001 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP TỈNH ĐỒNG THÁP Định Thiện Hiền	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025) TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM	- Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm Dimensions are in ,Cm - Cao độ ghi là m / elevation are in m - Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system
		THIẾT KẾ	LÊ NGỌC MINH	GIAI ĐỐC	
		KIỂM TRA	NGUYỄN TUÂN ANH	TỶ LỆ: THEO BV	
		CNTK	PHẠM THẾ TRƯỞNG	NGUYỄN ĐÌNH KIỂM	KÝ HIỆU: BVTk-BSBHMN-2025

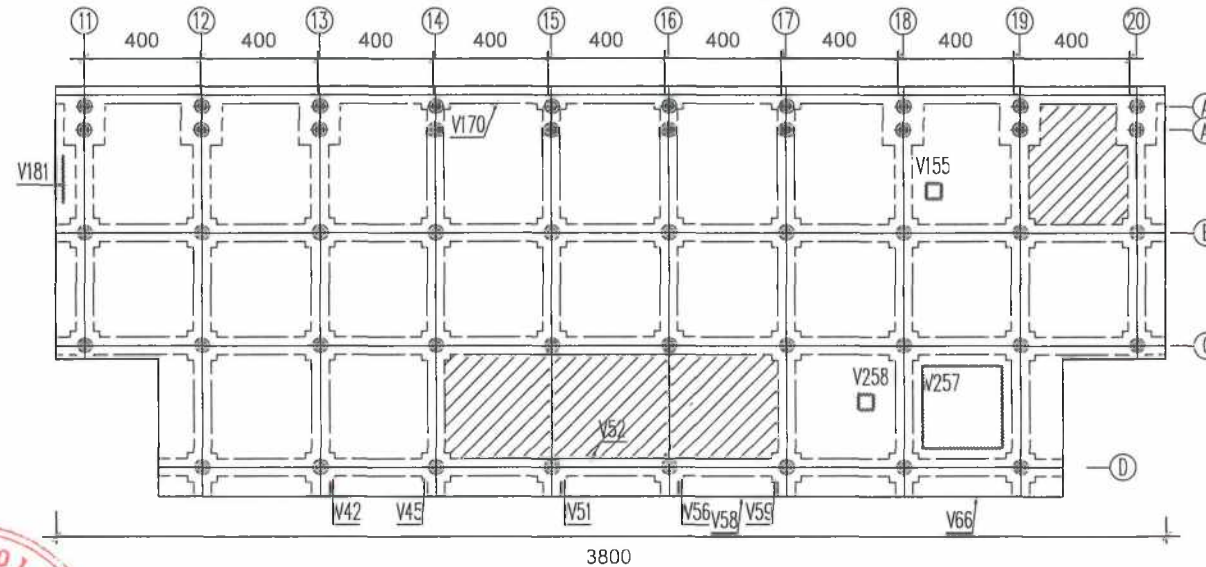
VỊ TRÍ HƯ HỒNG PHÂN ĐOẠN 3



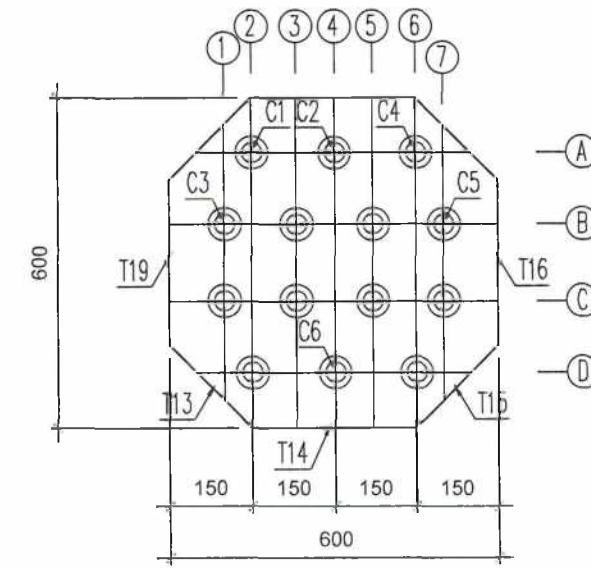
VỊ TRÍ HƯ HỒNG PHÂN ĐOẠN 1



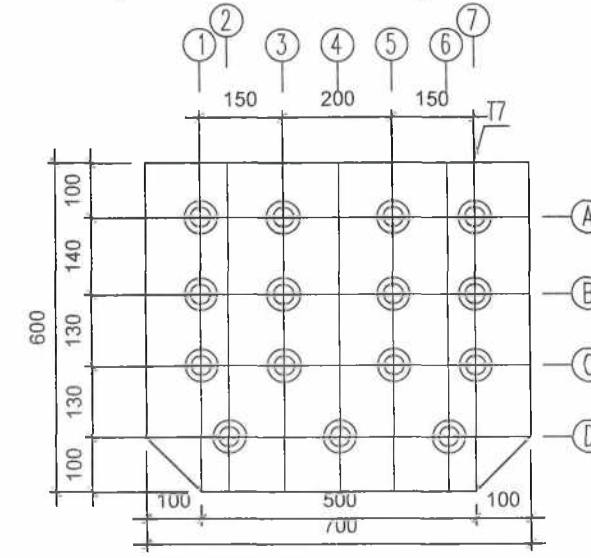
VỊ TRÍ HƯ HỒNG PHÂN ĐOẠN 2



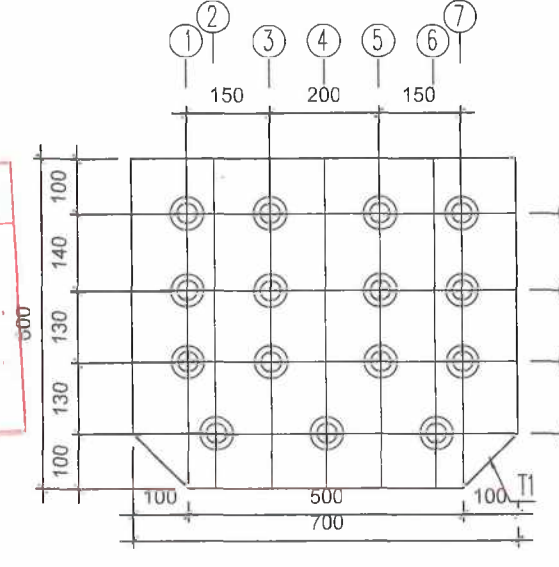
VỊ TRÍ HƯ HỒNG TRỤ NEO TN1



VỊ TRÍ HƯ HỒNG TRỤ VA TV1



VỊ TRÍ HƯ HỒNG TRỤ VA TV4



CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG
THẨM TRA
Theo Văn bản số 108 / BCTT/2025
ngày 16 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên: [Signature]

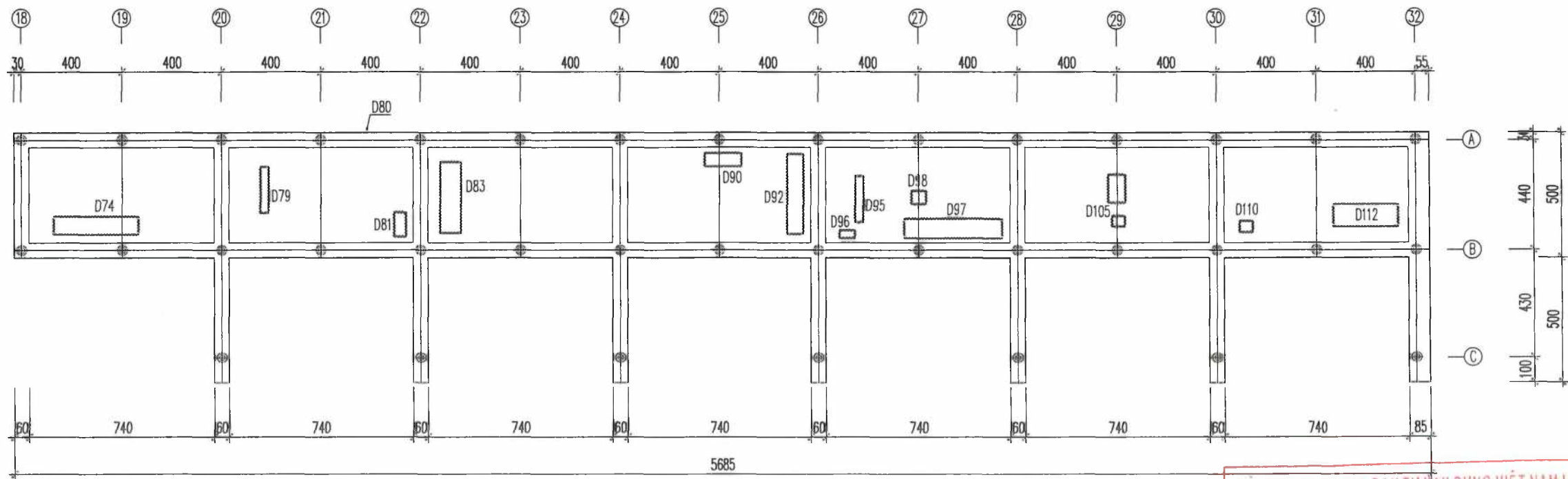
MS.DN: 140014
CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP
Đinh Thiện Hiền

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC
SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ
SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)
TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
THIẾT KẾ LÊ NGỌC MINH
KIỂM TRA NGUYỄN TUẤN ANH
CNTK PHẠM THẾ TRƯỞNG
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐÌNH KIỂM

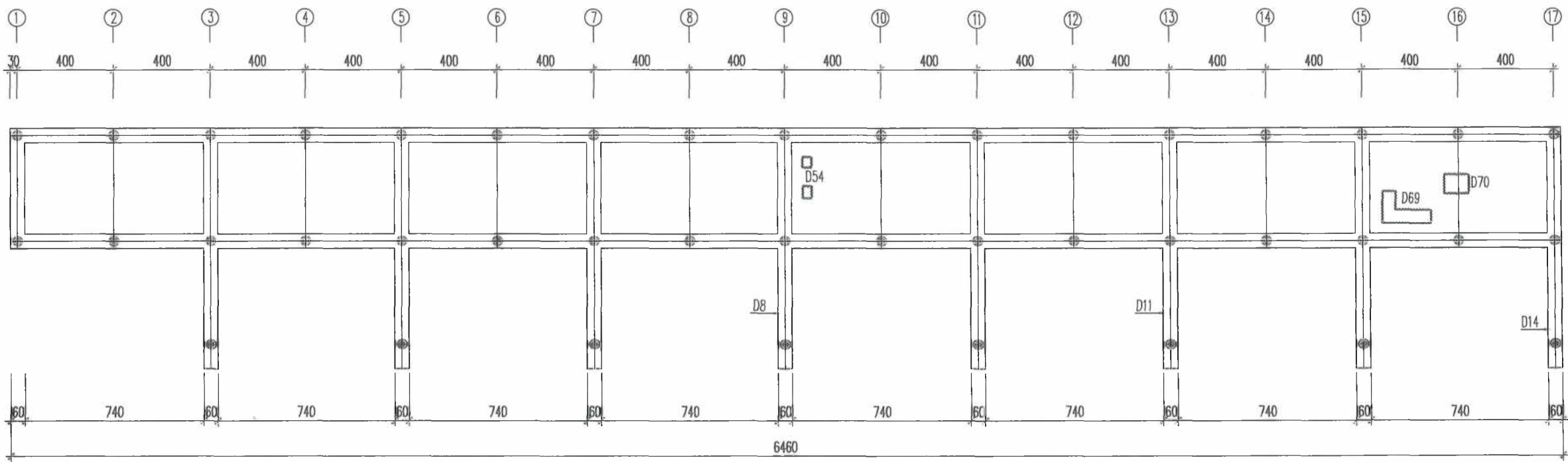
Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm
Dimensions are in .Cm
Cao độ ghi là m / elevation are in m
Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system
TỶ LỆ: THEO BV
KÝ HIỆU: BVTK-BSBHMN-2025
BV SỐ: 03

VỊ TRÍ HƯ HỒNG PHÂN ĐOẠN 1 - CẦU DẪN



CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG
THẨM TRA
Theo Văn bản số 108 / BCTT/ 20.25
ngày 16 tháng 10 năm 20.25
Chủ trì bộ môn kỹ tên: JH

VỊ TRÍ HƯ HỒNG PHÂN ĐOẠN 2 - CẦU DẪN



	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT		ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM		- Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm Dimensions are in Cm - Cao độ ghi là m / elevation are in m - Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system TỶ LỆ: THEO BV KÝ HIỆU: BVTK-BSBHMN-2025 BV SỐ : 04
	GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC		THIẾT KẾ: LÊ NGỌC MINH	GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH KIỂM	
	SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ		KIỂM TRA: NGUYỄN TUẤN ANH	THỦY BỘ MIỀN NAM	
	SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)		CNTK: PHẠM THẾ TRƯỞNG		
TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG					

BẢNG KHỐI LƯỢNG SỬA CHỮA CẦU CẢNG TỔNG KHO XĂNG DẦU PHƯỚC KHÁNH

STT	Ký hiệu (bản vẽ)	Vị trí	Mô tả hư hỏng	Ghi chú	Kích thước hư hỏng	Kích thước sửa chữa	Diện tích đục bê tông 3cm	Diện tích mở rộng đục bê tông sửa chữa 8cm	khối lượng đục bê tông	Thép bổ sung	Khối lượng Sika Monotop 610 (m2)	Khối lượng Sika Monotop 615 (m3)
SÀN CÔNG NGHỆ												
PHÂN ĐOẠN 1												
1	V90	Bàn mặt cầu D28-29	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,1x0,7m	Hư hỏng bàn mặt cầu	1,1x0,7	1,5x0,7	0.77	0.28	0.0455	D14 @200	1.05	0.084
2	V98	Bàn mặt cầu D30	Vết vỡ mảng mép đáy lộ cốt thép kích thước 0,4x0,2m	Hư hỏng bàn mặt cầu	0,4x0,2	0,7x0,5	0.08	0.27	0.024	D14 @200	0.35	0.028
3	V148	Bàn mặt cầu D25-26 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,6x0,5m	Hư hỏng bàn mặt cầu	0,6x0,5	1x0,9	0.30	0.60	0.057	D14 @200	0.9	0.072
4	V253	Bàn mặt cầu D21 B-C	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,6x0,4m	Hư hỏng bàn mặt cầu	0,6x0,4	1x0,8	0.24	0.56	0.052	D14 @200	0.8	0.064
5	V151	Dầm console 21 A	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,6x0,4m	Hư hỏng dầm console	0,6x0,4	0,8x0,6	0.24	0.24	0.0264	D14 @200	0.48	0.0384
6	V101	Dầm dọc C 29-30	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,3x0,2m	Hư hỏng dầm dọc	0,3x0,2	0,7x0,6	0.06	0.36	0.0306	D14 @200	0.42	0.0336
PHÂN ĐOẠN 2												
7	V58	Bàn mặt cầu D16-17	Vết vỡ mảng mép đáy lộ cốt thép kích thước 1,7x0,2m	Hư hỏng bàn mặt cầu	1,7x0,2	2,1x0,2	0.34	0.08	0.0166	D14 @200	0.42	0.0336
8	V66	Bàn mặt cầu D18-19	Vết vỡ mảng mép đáy phía sông lộ cốt thép kích thước 3,4x0,2m	Hư hỏng bàn mặt cầu	3,4x0,2	3,8x0,5	0.68	1.22	0.118	D14 @200	1.9	0.152
9	V181	Bàn mặt cầu 11 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,2x0,3m	Hư hỏng bàn mặt cầu	1,2x0,3	1,6x0,7	0.36	0.76	0.0716	D14 @200	1.12	0.0896
10	V257	Bàn mặt cầu 18-19 C-D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,5x3,4m	Hư hỏng bàn mặt cầu	3,5x3,4	3,5x3,4	11.9	0	0.357	D14 @200	11.9	0.952
11	V258	Bàn mặt cầu 17-18 C-D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,4x1,0m	Hư hỏng bàn mặt cầu	3,4x1,0	3,8x1,4	3.4	1.92	0.2556	D14 @200	5.32	0.4256
12	V42	Dầm mở rộng 13 D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,55x0,1m	Hư hỏng dầm mở rộng	0,55x0,1	0,55x0,1	0.055	0	0.00165	D14 @200	0.055	0.0044
13	V45	Dầm mở rộng 14 D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,55x0,1m	Hư hỏng dầm mở rộng	0,55x0,1	0,55x0,1	0.055	0	0.00165	D14 @200	0.055	0.0044
14	V51	Dầm mở rộng 15 D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,55x0,1m	Hư hỏng dầm mở rộng	0,55x0,1	0,55x0,1	0.055	0	0.00165	D14 @200	0.055	0.0044
15	V56	Dầm mở rộng 16 D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,55x0,2m	Hư hỏng dầm mở rộng	0,55x0,2	0,55x0,2	0.11	0	0.0033	D14 @200	0.11	0.0088
16	V59	Dầm mở rộng 17 D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,55x0,2m	Hư hỏng dầm mở rộng	0,55*0,2	0,55x0,2	0.11	0	0.0033	D14 @200	0.11	0.0088
17	V155	Bàn mặt cầu 18-19 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 2,0x0,5m	Hư hỏng bàn mặt cầu	2,0x0,5	2,4x0,9	1.25	0.91	0.1103	D14 @200	2.16	0.1728
18	V52	Dầm dọc D 15-16	Vết vỡ mảng mặt phía bên sông lộ cốt thép kích thước 0,2x0,2m	Hư hỏng dầm dọc	0,2*0,2	0,6x0,2	0.04	0.08	0.0076	D14 @200	0.12	0.0096
19	V170	Dầm dọc A 14-15	Vết vỡ mảng mặt phía bên sông lộ cốt thép kích thước 0,6x0,4m	Hư hỏng dầm dọc	0,6x0,4	1x0,8	0.24	0.56	0.052	D14 @200	0.8	0.064
20	V244	Bàn mặt cầu 16-17 B-C	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1.3x1.1m và 1.2x1m	Hư hỏng bàn mặt cầu	1,3x1,1+1,2x1,0	1,7x1,5+1,6+1,4	2.63	2.92	0.3125	D14 @200	5.55	0.444
21	V57	Dầm dọc D16-17	Vết nứt mặt bên phía sông dài 3m, rộng 1mm, cách bản 20cm; Vết vỡ mảng mặt bên phía sông lộ cốt thép kích thước 0.6x0.2m	Hư hỏng dầm dọc	0,6x0,2	1,0x0,4	0.12	0.28	0.026	D14 @200	0.4	0.032
PHÂN ĐOẠN 3												
20	V201	Bàn mặt cầu 1-2 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,6x0,5m	Hư hỏng bàn mặt cầu	0,6x0,5	1x0,9	0.30	0.60	0.057	D14 @200	0.9	0.072
21	V205	Bàn mặt cầu 1-2 B-C	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,4x3,2m	Hư hỏng bàn mặt cầu	3,4x3,2	3,8x3,6	10.88	2.80	0.5504	D14 @200	13.68	1.0944
22	V230	Bàn mặt cầu 5-6 C-D	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,4x1,6m	Hư hỏng bàn mặt cầu	3,4x1,6	3,8x2	5.44	2.16	0.336	D14 @200	7.6	0.608
23	V12	Dầm mở rộng 5 D	Vết vỡ mảng mặt bên lộ cốt thép kích thước 0,4x0,2m	Hư hỏng dầm mở rộng	0,4x0,2	0,4x0,2	0.08	0.00	0.0024	D14 @200	0.08	0.0064
24	V13	Dầm mở rộng 5 D	Vết vỡ mảng mặt bên lộ cốt thép kích thước 0,5x0,1m	Hư hỏng dầm mở rộng	0,5x0,1	0,5x0,1	0.05	0.00	0.0015	D14 @200	0.05	0.004
25	V206	Dầm mở rộng C-D 1-2	Vết vỡ mảng mặt bên lộ cốt thép kích thước 0,5x0,2m	Hư hỏng dầm mở rộng	0,5*0,2	0,5x0,2	0.1	0	0.003	D14 @200	0.1	0.008
26	V4	Dầm console 4 D	Vết vỡ mảng mặt bên thượng lưu lộ cốt thép kích thước 0,2x0,2m, Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,3x0,2m	Hư hỏng dầm console	0,2x0,2+0,3x0,2	0,6x0,2+0,7x0,6	0.1	0.44	0.0382	D14 @200	0.54	0.0432
27	V11	Dầm console 5 D	Vết vỡ mảng đáy và mặt bên thượng lưu lộ cốt thép kích thước 0,5x0,3m	Hư hỏng dầm console	0,5x0,3	0,9*0,3	0.15	0.12	0.0141	D14 @200	0.27	0.0216
CẦU DẪN												
PHÂN ĐOẠN 1												
28	D74	Bàn mặt cầu 19 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,7x1,0m	Hư hỏng bàn mặt cầu	3,7x1	4,1x1,4	3.7	2.04	0.2742	D14 @200	5.74	0.4592
29	D79	Bàn mặt cầu 20-21 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 2,5x1,1m	Hư hỏng bàn mặt cầu	2,5x1,1	2,9x1,5	2.75	1.6	0.2105	D14 @200	4.35	0.348
30	D81	Bàn mặt cầu 21-22 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 2,2x0,8m	Hư hỏng bàn mặt cầu	2,2x0,8	2,6x1,2	1.76	1.36	0.1616	D14 @200	3.12	0.2496

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC
SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ

SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)

TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

THIẾT KẾ LÊ NGỌC MINH

KIỂM TRA NGUYỄN TUẤN ANH

CNTK PHẠM THẾ TRƯỞNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐÌNH KIỂM

THAM THẢO
108 /BCTT/20.15
10.2025
Ký hiệu: BVTB-BSBHMN-2025
BV SỐ: 05

31	D83	Bản mặt cầu 22-23 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,8x1,0m	Hư hỏng bản mặt cầu	3,8x1,0	4,2x1,4	3.8	2.08	0.2804	D14 @200	5.88	0.4704
32	D90	Bản mặt cầu 25 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 2,2x1,0m	Hư hỏng bản mặt cầu	2,2x1,0	2,6x1,4	2.2	1.44	0.1812	D14 @200	3.64	0.2912
33	D92	Bản mặt cầu 25-26 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,8x0,7m	Hư hỏng bản mặt cầu	3,8x0,7	4,2x1,1	2.66	1.96	0.2366	D14 @200	4.62	0.3696
34	D95	Bản mặt cầu 26-27 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 2,0x1,2m	Hư hỏng bản mặt cầu	2,0x1,2	2,4x1,6	2.4	1.44	0.1872	D14 @200	3.84	0.3072
35	D96	Bản mặt cầu 26-27 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,2x1,0m	Hư hỏng bản mặt cầu	1,2x1,0	1,6x1,4	1.2	1.04	0.1192	D14 @200	2.24	0.1792
36	D97	Bản mặt cầu 27-28 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 4,5x1,0m	Hư hỏng bản mặt cầu	4,5x1,0	4,9x1,4	4.5	2.36	0.3238	D14 @200	6.86	0.5488
37	D98	Bản mặt cầu 27 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,7x0,4m và 0,5x0,3m	Hư hỏng bản mặt cầu	1,2x0,7	1,7x1,1	0.84	1.03	0.1076	D14 @200	1.87	0.1496
38	D105	Bản mặt cầu 29 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,0x0,6m và vỡ mảng kích thước 1,2x1,5m	Hư hỏng bản mặt cầu	2,2x2,1	2,6x2,5	4.62	1.88	0.289	D14 @200	6.5	0.52
39	D110	Bản mặt cầu 30-31 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,0x1,0m	Hư hỏng bản mặt cầu	1,0x1,0	1,4x1,4	1	0.96	0.1068	D14 @200	1.96	0.1568
40	D112	Bản mặt cầu 31-32 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,7x1,6m	Hư hỏng bản mặt cầu	3,7x1,6	4,1x2	5.92	2.28	0.36	D14 @200	8.2	0.656
41	D104	Bản mặt cầu 28-29 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3.8x1.4m	Hư hỏng bản mặt cầu	3,8x1,4	4,2*1,6	5.32	1.40	0.2716	D14 @200	6.72	0.5376
42	D80	Dầm dọc A 21-22	Vết vỡ mảng mép đáy mặt bên hạ lưu lộ cốt thép kích thước 0,8x0,2m	Hư hỏng dầm dọc	0,8x0,2	1,2x0,6	0.16	0.56	0.0496	D14 @200	0.72	0.0576
		PHẦN ĐOẠN 2										
42	D54	Bản mặt cầu 9-10 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,2x1,2m và vỡ mảng đáy kích thước 2,0x0,4m	Hư hỏng bản mặt cầu	3,2x1,6	1,6x1,6+2,4x0,8	5.12	2.08	0.32	D14 @200	7.2	0.576
43	D69	Bản mặt cầu 15-16 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 3,7x1,0m và 1,5x1,0m	Hư hỏng bản mặt cầu	5,2x2	4,1x1,4+1,9x1,4	10.4	3.04	0.5552	D14 @200	13.44	1.0752
44	D70	Bản mặt cầu 16 A-B	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 1,4x1,1m	Hư hỏng bản mặt cầu	1,4x1,1	1,8x1,5	1.54	1.16	0.139	D14 @200	2.7	0.216
45	D8	Dầm ngang 9 B-C	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,3x0,2m	Hư hỏng dầm ngang	0,3x0,2	0,7x0,6	0.06	0.36	0.0306	D14 @200	0.42	0.0336
46	D9	Dầm ngang 11 B-C	Vết rộp mảng mặt bên phía sông lộ cốt thép kích thước 1.5x0.4m	Hư hỏng dầm ngang	1,5x0,4	1,9x0,8	0.6	0.92	0.0916	D14 @200	1.52	0.1216
47	D11	Dầm ngang 13 B-C	Vết vỡ mảng đáy lộ cốt thép kích thước 0,8x0,6m	Hư hỏng dầm ngang	0,8x0,6	1,2x1	0.48	0.72	0.072	D14 @200	1.2	0.096
48	D14	Dầm ngang 17 B-C	Vết vỡ mảng mặt bên hạ lưu lộ cốt thép kích thước 0,6x0,3m	Hư hỏng dầm ngang	0,6x0,3	1x0,7	0.18	0.52	0.047	D14 @200	0.7	0.056
		TRỤ VÀ TV1										
59	T7	Đài trụ mặt chéo phía bờ	Vết vỡ mảng mặt bên phía bờ lộ cốt thép kích thước 0,7x0,5m	Hư hỏng đài trụ va	0,7x0,5	1,1x0,9	0.35	0.64	0.0617	D14 @200	0.99	0.0792
		TRỤ VÀ TV4										
60	T1	Đài trụ mặt chéo phía sông	Vết vỡ mảng mặt bên phía bờ lộ cốt thép kích thước 0,6x0,3m	Hư hỏng đài trụ va	0,6x0,3	1x0,7	0.18	0.52	0.047	D14 @200	0.7	0.056
TỔNG											152.43	12.19
	Khối lượng Sika Bản mặt cầu										142.53	11.40
	Khối lượng Sika Dầm										8.21	0.66
	Khối lượng Sika Đài trụ va										1.65	0.14

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG
THẨM TRA
Theo Văn bản số/BCTT/20.....
ngàytháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn kỹ tên: JW



HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC
SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ
SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)
TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN		CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM	
THIẾT KẾ	LÊ NGỌC MINH	GIÁM ĐỐC	
KIỂM TRA	NGUYỄN TUẤN ANH		
CNTK	PHẠM THẾ TRƯỞNG	NGUYỄN ĐÌNH KIỂM	

- Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm
Dimensions are in ,Cm
- Cao độ ghi là m / elevation are in m
- Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system
TỶ LỆ: THEO BV
KÝ HIỆU: BVTK-BSBHMN-2025
BV SỐ: 06

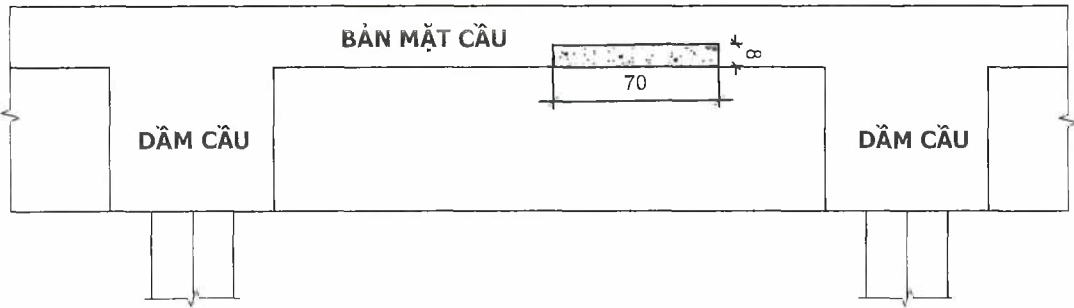
THIẾT KẾ SỬA CHỮA

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG	
THẨM TRA	
Theo Văn bản số	108 / BCTT/ 20.25
ngày	16 tháng 10 năm 2025
Chủ trì bộ môn kỹ tên:	JH

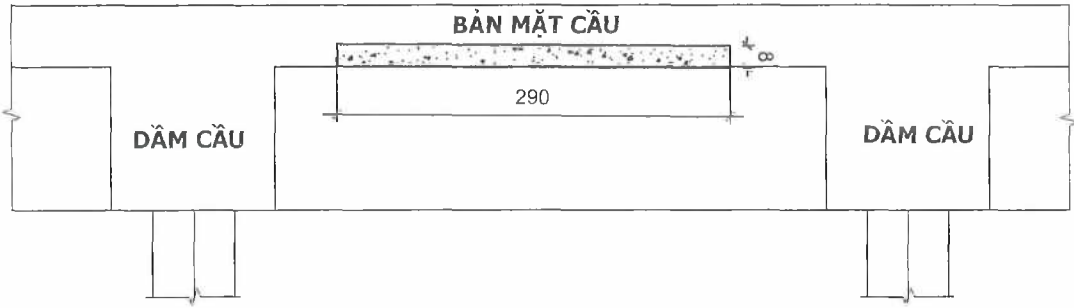
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP M.Đ. N: 140019 ĐỒNG THÁP ĐINH THIÊN HIỀN	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025) TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: THIẾT KẾ LÊ NGỌC MINH KIỂM TRA NGUYỄN VĂN ANH CNTK PHẠM THẾ TRƯỞNG	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM GIÁM ĐỐC NGUYỄN ĐÌNH KIỂM	- Kinh thước ghi trên bản vẽ là Cm - Dimensions are in ,Cm - Cao độ ghi là m / elevation are in m - Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system	
				TỶ LỆ: THEO BV	
				KÝ HIỆU: BVTK-BSBHMN-2025	BV SỐ : 07

SỬA CHỮA HƯ HỎNG LOẠI 1 DẦM BẢN CẦU CẢNG

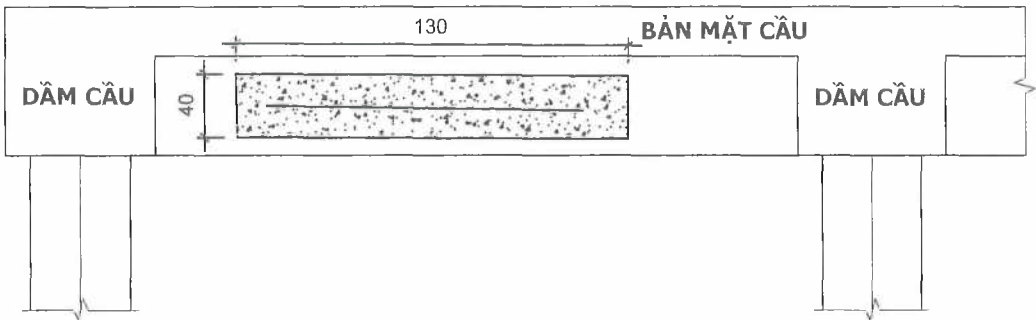
MẶT CẮT SỬA CHỮA BẢN MẶT CẦU



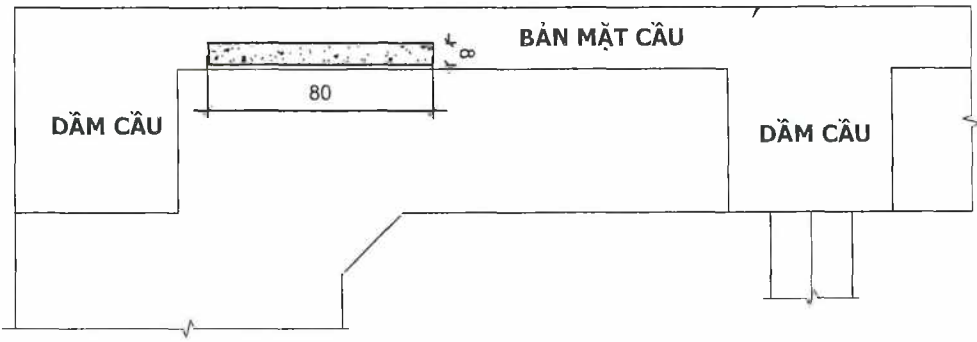
MẶT CẮT SỬA CHỮA BẢN MẶT CẦU



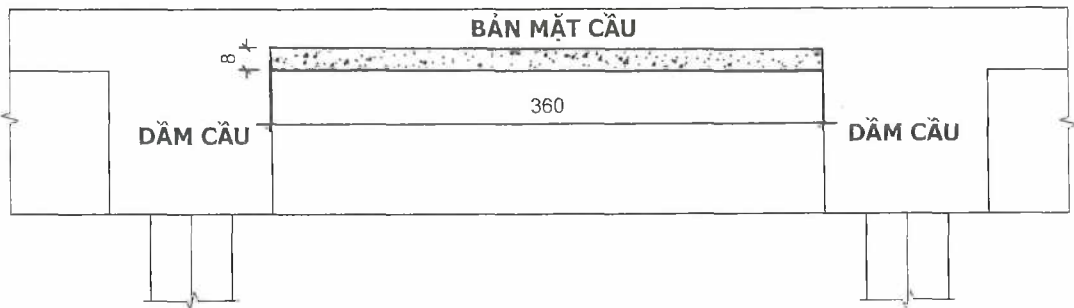
MẶT CẮT SỬA CHỮA DẦM



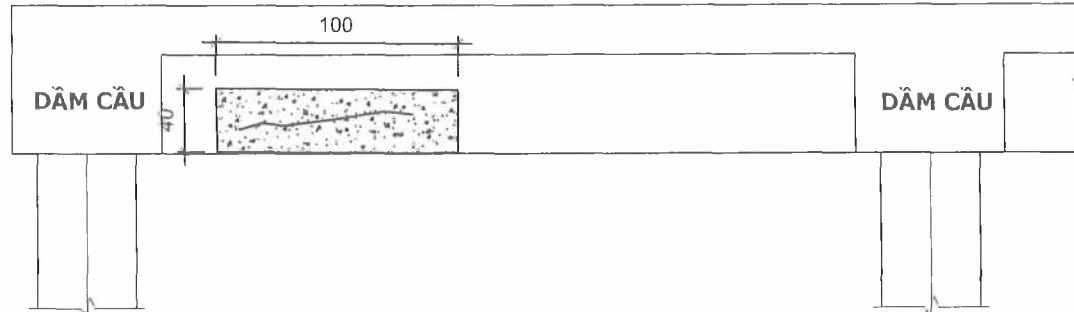
MẶT CẮT SỬA CHỮA BẢN MẶT CẦU



MẶT CẮT SỬA CHỮA BẢN MẶT CẦU



MẶT CẮT SỬA CHỮA DẦM



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT VỮA SIKA MONOTOP 615 HB

- + Cường độ nén 1 ngày: $\geq 6 \text{ N/mm}^2$
- + Cường độ nén 28 ngày: $\geq 30 \text{ N/mm}^2$
- + Cường độ kéo khi uốn : $\geq 6 \text{ N/mm}^2$ (28 ngày)
- + Cường độ bám dính: $\geq 1.5 \text{ N/mm}^2$ (28 ngày)

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG
THẨM TRA
Theo Văn bản số108...../BCTT/2025
ngày16.....tháng10.....năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

TRÌNH TỰ PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA NHƯ SAU:

- + Cắt vênh phạm vi khu vực cần sửa chữa.
- + Đục tẩy phần bê tông hư hỏng và bê tông mở rộng của phạm vi sửa chữa.
- + Làm sạch bề mặt cốt thép và bê tông cũ.
- + Quét lớp chất kết dính lên bề mặt bê tông cũ và cốt thép.
- + Gia cường cốt thép bổ sung tại khu vực sửa chữa, đảm bảo chiều dài chi tiết mỗi nối theo điều kiện hiện trạng thực tế.
- + Trát vữa bù vào phạm vi sửa chữa.
- + Hoàn thiện bề mặt sau khi trát, đảm bảo mỹ quan và độ phẳng.

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ KHÍ ĐỒNG THÁP ĐỒNG THÁP Đinh Thiện Hiền	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025) TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN		CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM		Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm Dimensions are in .Cm Cao độ ghi là m / elevation are in m Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system TỶ LỆ: THEO BV KÝ HIỆU: BVTK-BSBHMN-2025 BV SỐ : 08
		THIẾT KẾ	LÊ NGỌC MINH	GIÁM ĐỐC	<i>[Signature]</i>	
		KIỂM TRA	NGUYỄN TUẤN ANH	THỦY BỘ MIỀN NAM	<i>[Signature]</i>	
		CNTK	PHẠM THẾ TRƯỞNG	NGUYỄN ĐÌNH KIỂM	<i>[Signature]</i>	

SỬA CHỮA HƯ HỎNG LOẠI 2 (CỌC TRỤ NEO TN1)

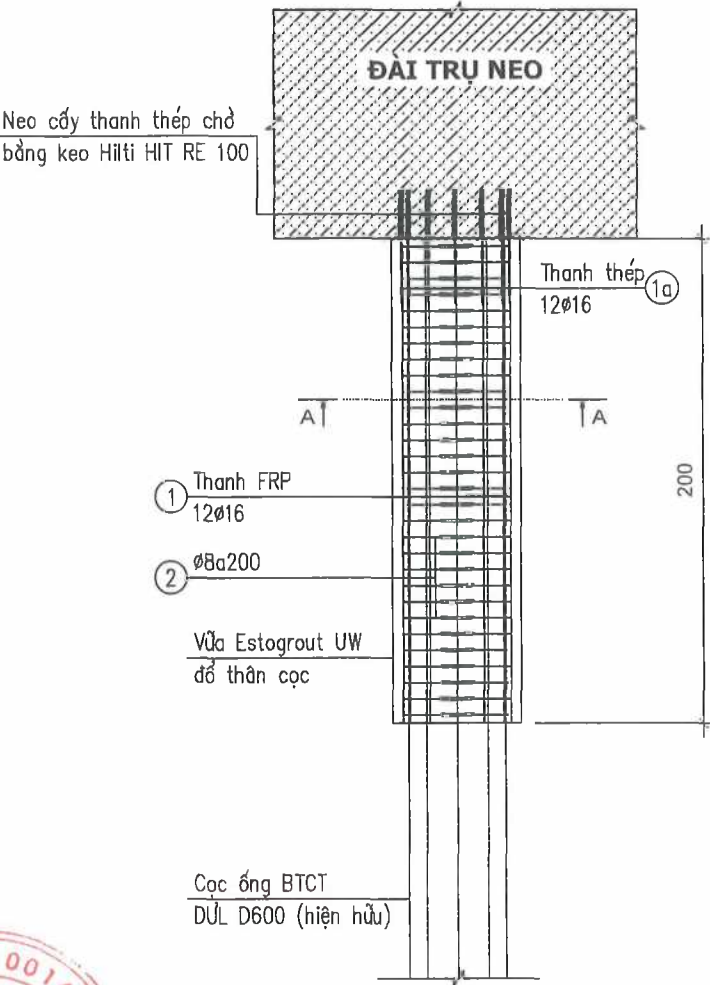
TRÌNH TỰ PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA NHƯ SAU:

- + Vệ sinh phạm vi hư hỏng cần sửa chữa.
- + Khoan cấy thép neo chờ và móc neo cáp cố định ván khuôn.
- + Lắp đặt đai giữ ván khuôn thép.
- + Lắp đặt thép FRP vào vị trí trong phạm vi sửa chữa cọc.
- + Bơm/rót vữa EstogROUT UW vào khoảng hở giữa các cọc hiện hữu, Bơm/rót với tốc độ chậm để không tạo bọt khí, theo dõi và dừng bơm khi vữa đầy và tràn ra phía trên đỉnh ván khuôn.
- + Hoàn thiện bề mặt sửa chữa.

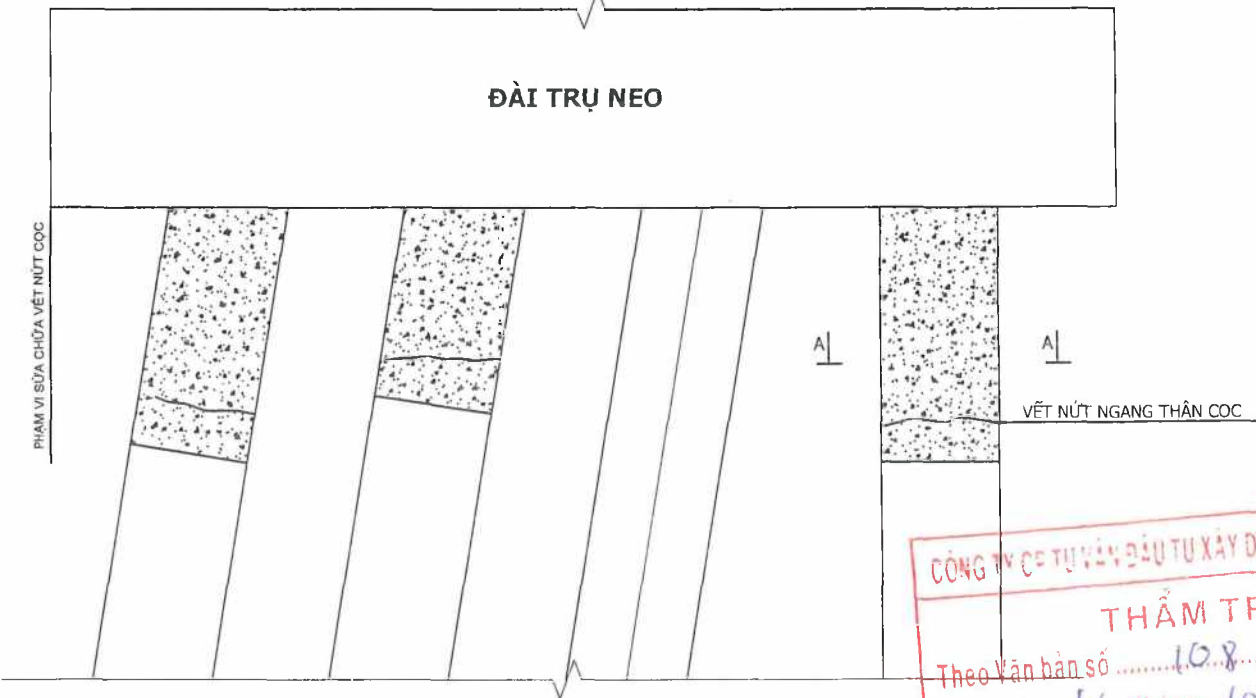
ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT VỮA ESTOGRROUT UW

- + Cường độ nén 1 ngày: $\geq 25 \text{ N/mm}^2$
- + Cường độ nén 28 ngày: $\geq 55 \text{ N/mm}^2$

PHẠM VI SỬA CHỮA CỌC TRỤ NEO

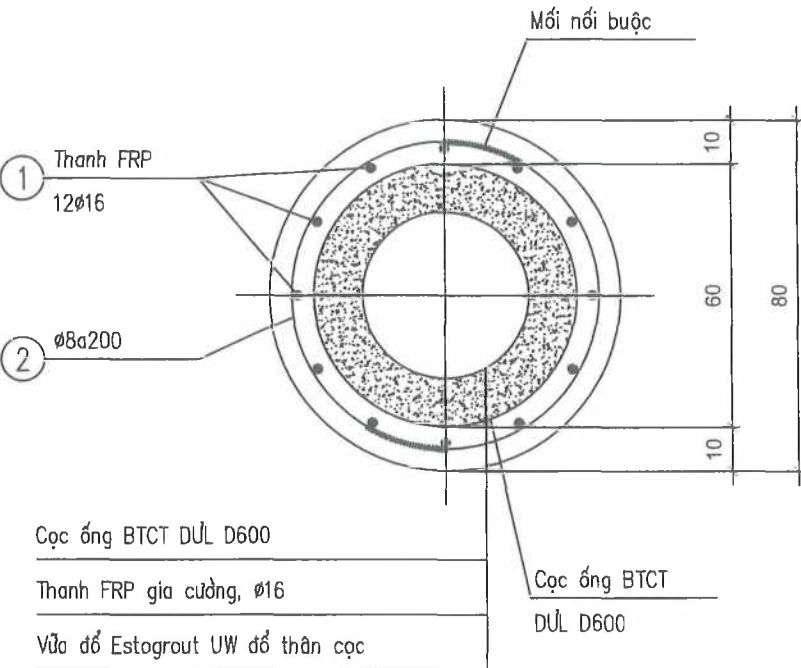


PHẠM VI SỬA CHỮA CỌC TRỤ NEO

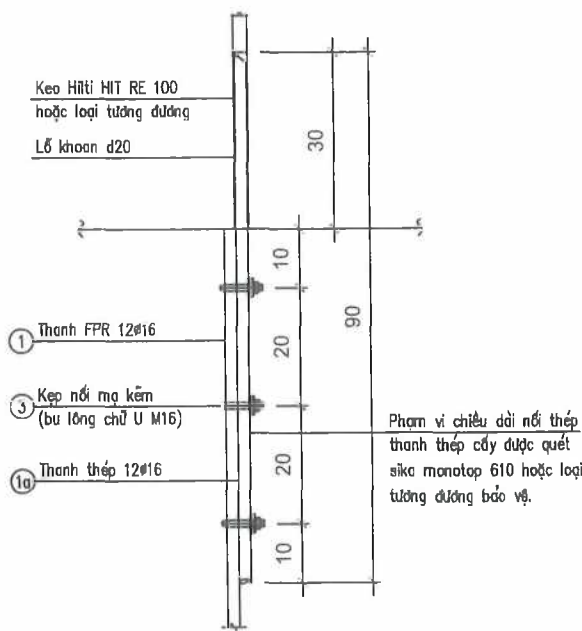


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG
THẨM TRA
Theo Văn bản số 108/BCTT/20.25
ngày 16 tháng 10 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên: [Signature]

MẶT CẮT A-A



CHI TIẾT KHOAN CÂY THÉP



Phạm vi chiều dài nối thép thanh thép cấy được quét sika monotop 610 hoặc loại tương đương bảo vệ.

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
ĐỒNG THÁP
ĐINH THIÊN HIỀN

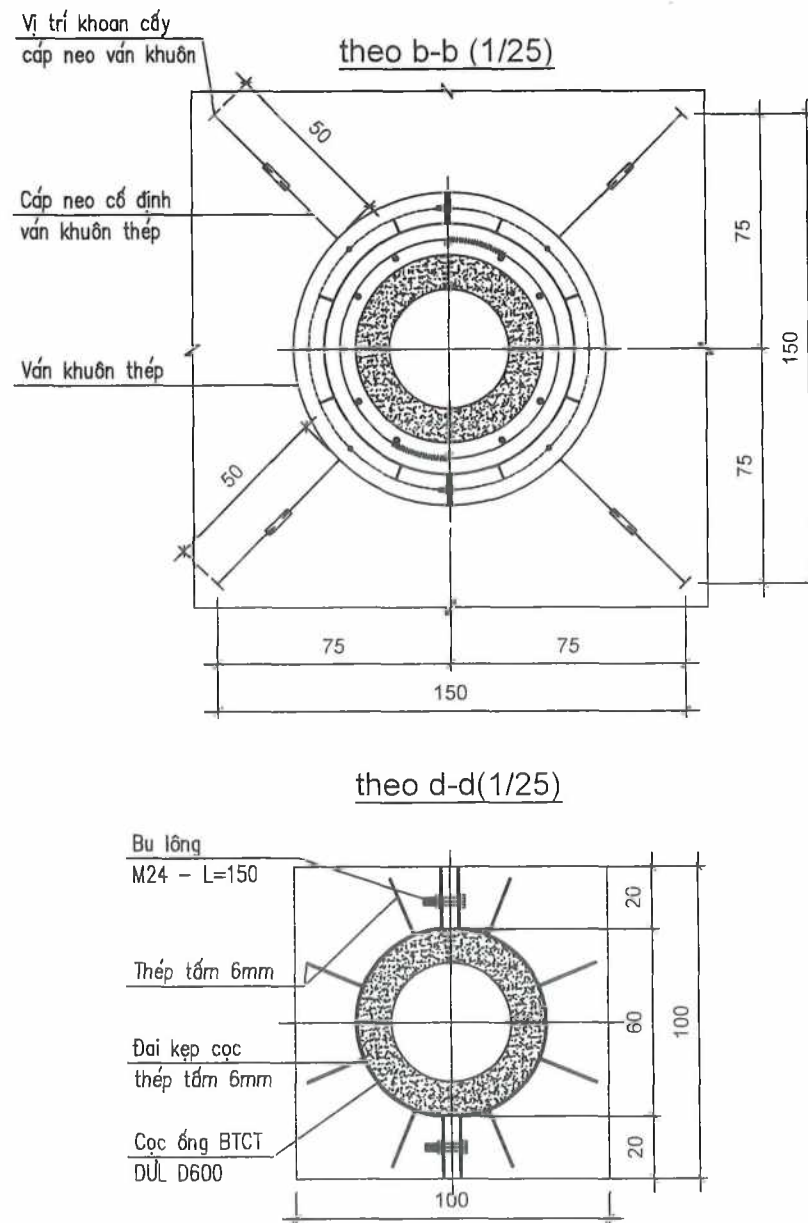
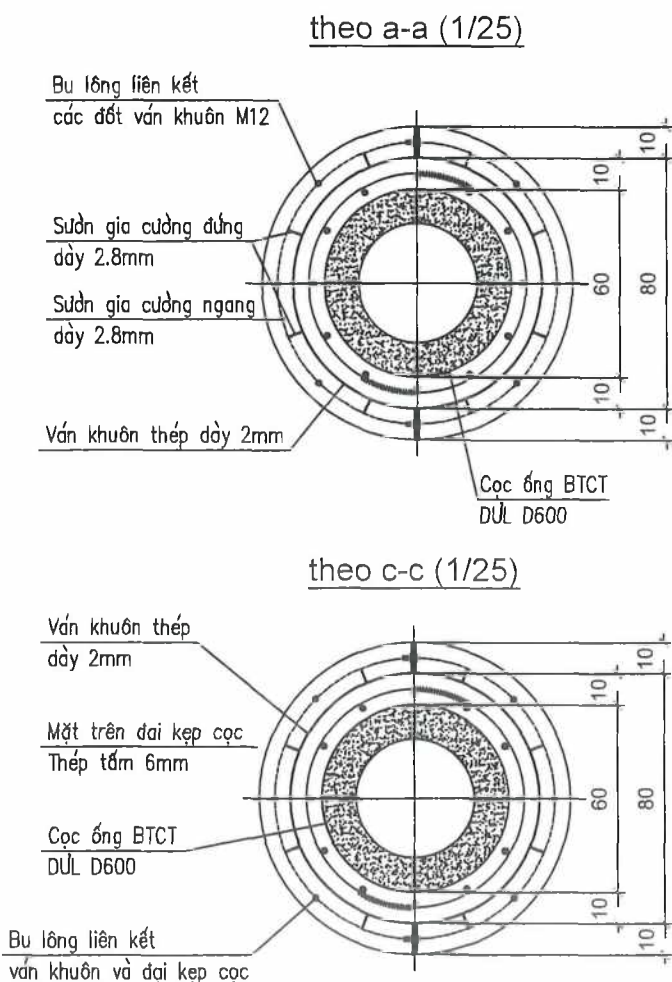
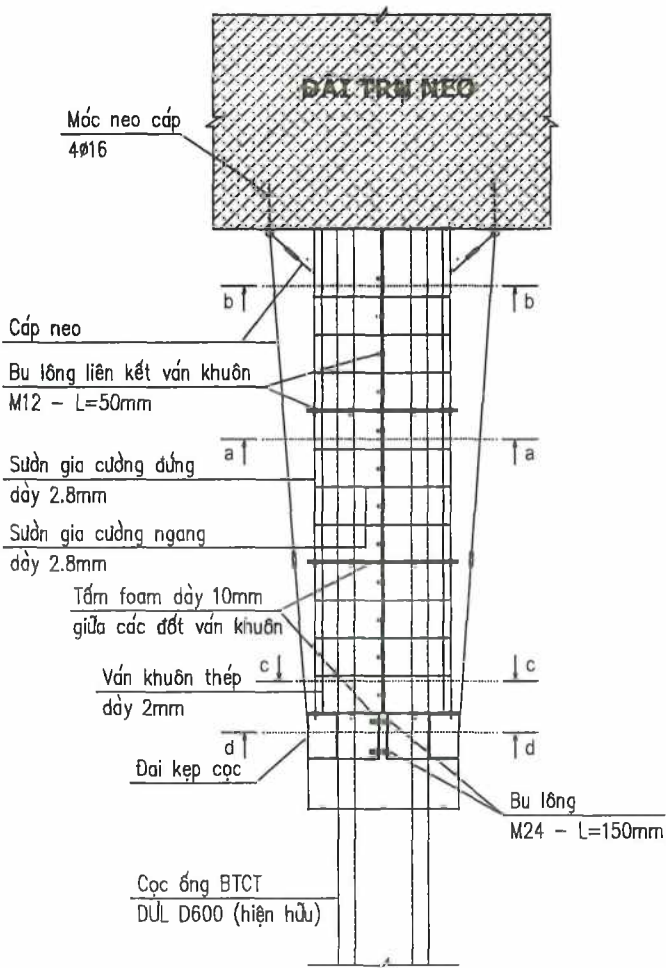
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC
SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ
SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)
TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM
THIẾT KẾ: LÊ NGỌC MINH
KIỂM TRA: NGUYỄN TUẤN ANH
CNTK: PHẠM THẾ TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH KIỂM

Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm
Dimensions are in Cm
Cao độ ghi là m / elevation are in m
Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system
TỶ LỆ: THEO BV
KÝ HIỆU: BVTK-BSBHMN-2025
BV SỐ: 09

SỬA CHỮA HƯ HỎNG LOẠI 2 (CỌC TRỤ NEO TN1)

PHẠM VI SỬA CHỮA CỌC TRỤ NEO



TRÌNH TỰ PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA NHƯ SAU:

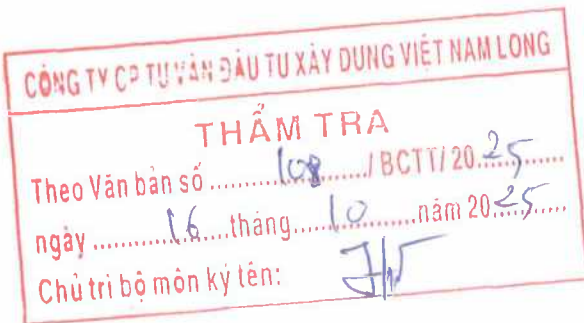
- + Vệ sinh phạm vi hư hỏng cần sửa chữa.
- + Khoan cấy thép neo chờ và móc néo cáp cố định ván khuôn.
- + Lắp đặt đai giữ ván khuôn thép.
- + Lắp đặt thép FRP vào vị trí trong phạm vi sửa chữa cọc.
- + Bơm/rót vữa EstogROUT UW vào khoảng hở giữa các cọc hiện hữu, Bơm/rót với tốc độ chậm để không tạo bọt khí, theo dõi và dừng bơm khi vữa đầy và tràn ra phía trên đỉnh ván khuôn.
- + Hoàn thiện bề mặt sửa chữa.

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT VỮA ESTOGRROUT UW

- + Cường độ nén 1 ngày: $\geq 25 \text{ N/mm}^2$
- + Cường độ nén 28 ngày: $\geq 55 \text{ N/mm}^2$

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU

Cấu kiện	Số hiệu	Hình dạng kích thước	đáy (mm)	Qui cách	Số lượng	Diện tích		Trọng lượng		
						Đơn vị (mm²)	Tổng số (m²)	Đơn vị (kg/m²)	Tổng số (kg)	
Đai kẹp cọc	1		6mm	Thép tấm	2	165077	0.17	47.100	15.56	
	2		6mm	Thép tấm	2	384845	0.38	47.100	36.28	
	3		6mm	Thép tấm	12	60000	0.36	47.100	33.92	
	4			M24	4					
Móc neo	5		20	CB-300V	4	450	1.80	2.405	4.44	
Cáp neo	6		10	Cáp	4	600	2.40			
	6a		10	Cáp	4	4500	18.00			
	7			Tăng đỡ	8	bỏ				
Tổng hợp vật liệu cho 1 cọc đai kẹp cọc:										
- Thép tấm dày 6mm:			65.74	kg						
- Đường hàn 3mm:			13.6	m						
- Bu lông M24 - L=150mm:			4.00	bộ						
Tổng hợp móc neo, cáp neo cho 01 cọc:										
- Thép 120 CB-300V:									4.44	kg
- Lỗ khoan D24-L=300mm:									4.00	lỗ
- Neo HBI HIT RE 100:									0.00017	m³
- Cáp 110:									20.40	m
- Tăng đỡ:									8.00	bộ



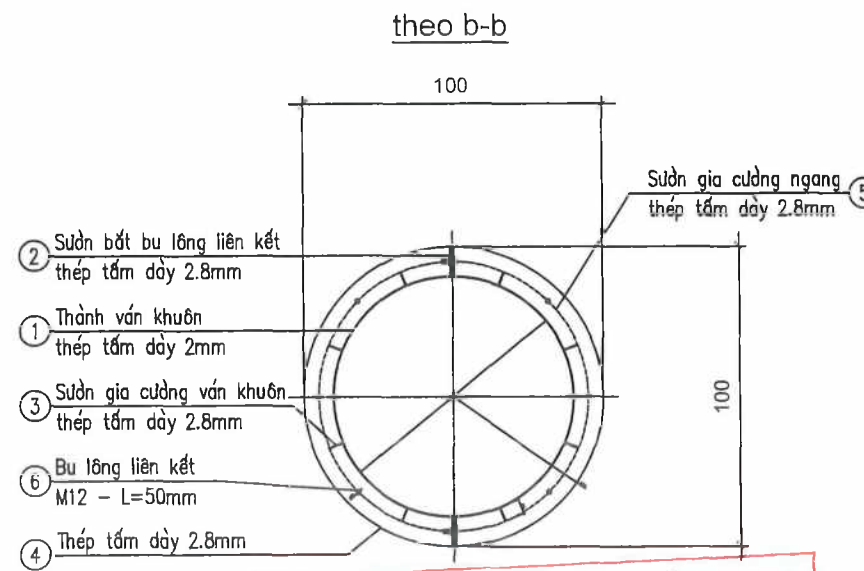
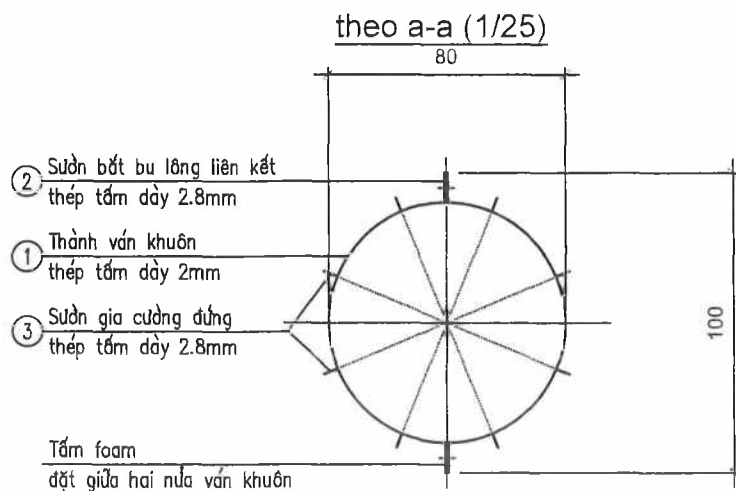
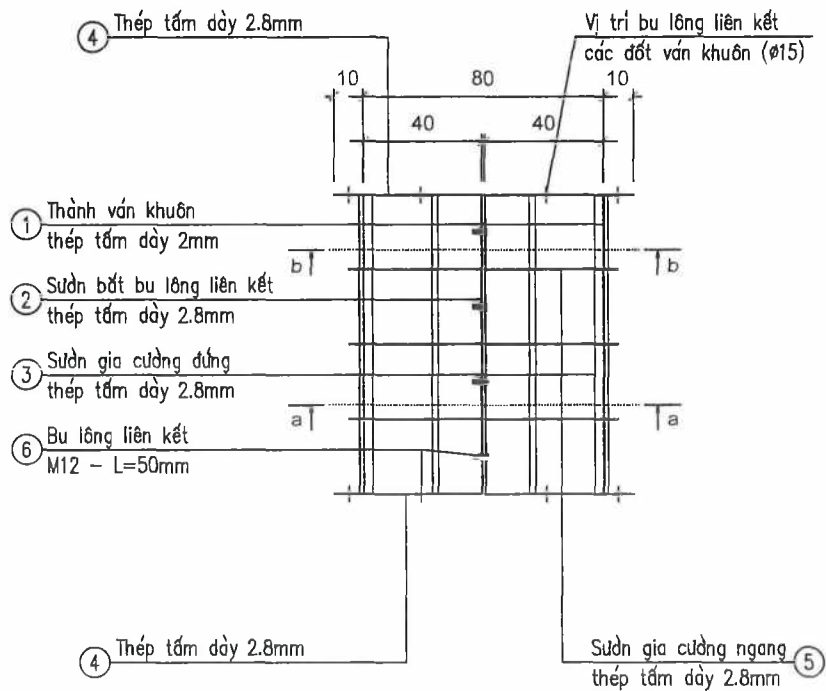
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC
SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ
SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)
TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
THIẾT KẾ: LÊ NGỌC MINH
KIỂM TRA: NGUYỄN TUẤN ANH
CNTK: PHẠM THẾ TRƯỞNG
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH KIỂM

Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm
Dimensions are in Cm
Cao độ ghi là m / elevation are in m
Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system
TỶ LỆ: THEO BV
KÝ HIỆU: BVTK-BSBHM-2025
BV SỐ: 10

CHI TIẾT VÁN KHUÔN



CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG

THẨM TRA

Theo Văn bản số108...../BCTT/20.25.....

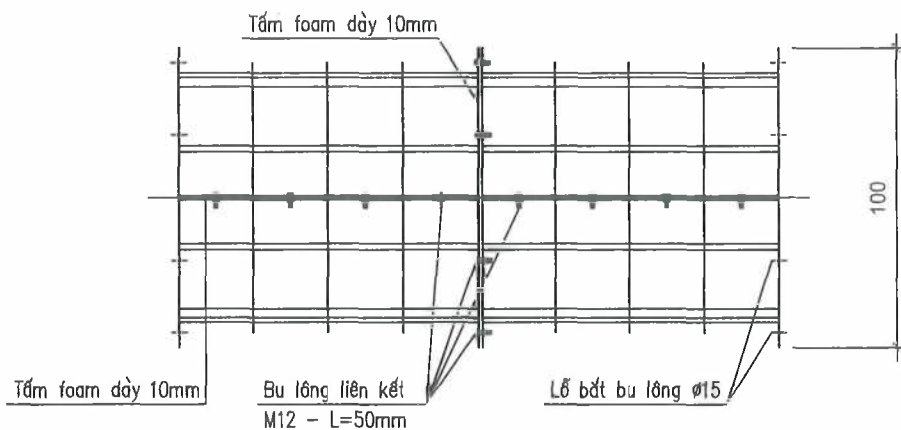
ngày16.....tháng.....10.....năm 20.25.....

Chủ trì bộ môn ký tên: JH

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU

Cấu kiện	Số hiệu	Hình dạng kích thước	dày (mm)	Qui cách	Số lượng	Diện tích		Trọng lượng	
						Đơn vị (mm ²)	Tổng số (m ²)	Đơn vị (kg/m ²)	Tổng số (kg)
Ván khuôn thép	①		2mm	Thép tấm	4	1256637	5.04	15.700	78.92
	②		2.8mm	Thép tấm	8	100000	0.80	21.980	17.6
	③		2.8mm	Thép tấm	16	50000	0.80	21.980	17.6
	④		2.8mm	Thép tấm	8	141372	1.12	21.980	24.84
	⑤		2.8mm	Thép tấm	12	66759	0.8	21.980	17.6
	⑥			M12	28				
Tổng hợp vật liệu đốt ván khuôn:									
- Thép tấm dày 2mm:			78.92	kg	- Bu lông M12 - L=50mm:			28.00	bộ
- Thép tấm dày 2.8mm:			77.64	kg	- Tấm foam:			0.76	m ²
- Đường hàn 1mm			51.60	m					

CHI TIẾT NỐI VÁN KHUÔN



HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)

SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)

TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

THIẾT KẾ LÊ NGỌC MINH

KIỂM TRA NGUYỄN TUẤN ANH

CNTK PHẠM THẾ TRƯỞNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐÌNH KIỂM

- Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm
Dimensions are in ,Cm

- Cao độ ghi là m / elevation are in m

- Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system

TỶ LỆ: THEO BV

KÝ HIỆU: BVTK-BSBHMN-2025

BV SỐ : 11

BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP

Tên cấu kiện		Số hiệu	Hình dạng-Kích thước	Đường kính (mm)	Số thanh /1 cấu kiện	Số cầu kiện	Tổng số thanh	Chiều dài một thanh (mm)	Tổng chiều dài (m)	Trọng lượng đơn vị (kg/m)	Tổng trọng lượng (kg)
BÀN CẦU DẪN D74	Số lượng: 1	1	1400	14	21	1	21	1400	29.400	1.208	35.527
		2	4100	14	8	1	8	4100	32.800	1.208	39.636
BÀN CẦU DẪN D79	Số lượng: 1	1	1500	14	15	1	15	1500	22.500	1.208	27.189
		2	2900	14	8	1	8	2900	23.200	1.208	28.035
BÀN CẦU DẪN D81	Số lượng: 1	1	1200	14	14	1	14	1200	16.800	1.208	20.301
		2	2600	14	7	1	7	2600	18.200	1.208	21.993
BÀN CẦU DẪN D83	Số lượng: 1	1	1400	14	22	1	22	1400	30.800	1.208	37.219
		2	4200	14	8	1	8	4200	33.600	1.208	40.603
BÀN CẦU DẪN D90	Số lượng: 1	1	1400	14	14	1	14	1400	19.600	1.208	23.685
		2	2600	14	8	1	8	2600	20.800	1.208	25.135
BÀN CẦU DẪN D92	Số lượng: 1	1	1100	14	22	1	22	1100	24.200	1.208	29.244
		2	4200	14	6	1	6	4200	25.200	1.208	30.452
BÀN CẦU DẪN D95	Số lượng: 1	1	1600	14	13	1	13	1600	20.800	1.208	25.135
		2	2400	14	9	1	9	2400	21.600	1.208	26.102
BÀN CẦU DẪN D96	Số lượng: 1	1	1400	14	9	1	9	1400	12.600	1.208	15.226
		2	1600	14	8	1	8	1600	12.800	1.208	15.468
BÀN CẦU DẪN D97	Số lượng: 1	1	1400	14	25	1	25	1400	35.000	1.208	42.294
		2	4900	14	8	1	8	4900	39.200	1.208	47.370
BÀN CẦU DẪN D98	Số lượng: 1	1	1100	14	9	1	9	1100	9.900	1.208	11.963
		2	1700	14	6	1	6	1700	10.200	1.208	12.326
BÀN CẦU DẪN D105	Số lượng: 1	1	2500	14	14	1	14	2500	35.000	1.208	42.294
		2	2600	14	13	1	13	2600	33.800	1.208	40.844
BÀN CẦU DẪN D110	Số lượng: 1	1	1400	14	8	1	8	1400	11.200	1.208	13.534
		2	1400	14	8	1	8	1400	11.200	1.208	13.534
BÀN CẦU DẪN D112	Số lượng: 1	1	2000	14	21	1	21	2000	42.000	1.208	50.753
		2	4100	14	11	1	11	4100	45.100	1.208	54.499
BÀN CẦU DẪN D104	Số lượng: 1	1	1600	14	22	1	22	1600	35.200	1.208	42.536
		2	4200	14	9	1	9	4200	37.800	1.208	45.678
BÀN CẦU DẪN D80	Số lượng: 1	1	600	14	7	1	7	600	4.200	1.208	5.075
		2	1200	14	4	1	4	1200	4.800	1.208	5.800
BÀN CẦU DẪN D54	Số lượng: 1	1	1600	14	9	1	9	1600	14.400	1.208	17.401
		2	1600	14	9	1	9	1600	14.400	1.208	17.401
		3	800	14	13	1	13	800	10.400	1.208	12.568
		4	2400	14	5	1	5	2400	12.000	1.208	14.501
BÀN CẦU DẪN D69	Số lượng: 1	1	1400	14	22	1	22	1400	30.800	1.208	37.219
		2	4100	14	8	1	8	4100	32.800	1.208	39.636
		3	1400	14	10	1	10	1400	14.000	1.208	16.918
		4	1900	14	8	1	8	1900	15.200	1.208	18.368
BÀN CẦU DẪN D70	Số lượng: 1	1	1500	14	10	1	10	1500	15.000	1.208	18.126
		2	1800	14	8	1	8	1800	14.400	1.208	17.401
BÀN CẦU DẪN D8	Số lượng: 1	1	600	14	4	1	4	600	2.400	1.208	2.900
		2	700	14	4	1	4	700	2.800	1.208	3.384
BÀN CẦU DẪN D9	Số lượng: 1	1	800	14	10	1	10	800	8.000	1.208	9.667
		2	1500	14	5	1	5	1500	9.500	1.208	11.480
BÀN CẦU DẪN D11	Số lượng: 1	1	1000	14	7	1	7	1000	7.000	1.208	8.459
		2	1200	14	6	1	6	1200	7.200	1.208	8.701
BÀN CẦU DẪN D14	Số lượng: 1	1	700	14	6	1	6	700	4.200	1.208	5.075
		2	1000	14	4	1	4	1000	4.000	1.208	4.834
TRƯ VÀ TV1-T7	Số lượng: 1	1	900	14	6	1	6	900	5.400	1.208	6.525
		2	1100	14	5	1	5	1100	5.500	1.208	6.646
TRƯ VÀ TV4-T1	Số lượng: 1	1	700	14	6	1	6	700	4.200	1.208	5.075
		2	1000	14	4	1	4	1000	4.000	1.208	4.834

- Trọng lượng thép có đường kính Φ14 = 1156.59 kg; Chiều dài = 957.1 mét

BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP

Tên cấu kiện		Số hiệu	Hình dạng-Kích thước	Đường kính (mm)	Số thanh /1 cấu kiện	Số cầu kiện	Tổng số thanh	Chiều dài một thanh (mm)	Tổng chiều dài (m)	Trọng lượng đơn vị (kg/m)	Tổng trọng lượng (kg)
BÀN MẶT CẦU V90	Số lượng: 1	1	700	14	8	1	8	700	5.600	1.208	6.767
		2	1500	14	4	1	4	1500	6.000	1.208	7.250
BÀN MẶT CẦU V98	Số lượng: 1	1	500	14	4	1	4	500	2.000	1.208	2.417
		2	700	14	3	1	3	700	2.100	1.208	2.538
BÀN MẶT CẦU V148	Số lượng: 1	1	900	14	5	1	5	900	4.500	1.208	5.438
		2	1000	14	5	1	5	1000	5.000	1.208	6.042
BÀN MẶT CẦU V253	Số lượng: 1	1	800	14	4	1	4	800	3.200	1.208	3.867
		2	1000	14	4	1	4	1000	4.000	1.208	4.834
DẦM CONSOLE V151	Số lượng: 1	1	600	14	4	1	4	600	2.400	1.208	2.900
		2	800	14	3	1	3	800	2.400	1.208	2.900
DẦM CONSOLE V101	Số lượng: 1	1	500	14	4	1	4	600	2.400	1.208	2.900
		2	700	14	3	1	3	700	2.100	1.208	2.538
BÀN MẶT CẦU V58	Số lượng: 1	1	200	14	11	1	11	200	2.200	1.208	2.659
		2	2100	14	1	1	1	2100	2.100	1.208	2.538
BÀN MẶT CẦU V66	Số lượng: 1	1	500	14	19	1	19	500	9.500	1.208	11.480
		2	3800	14	3	1	3	3800	11.400	1.208	13.776
BÀN MẶT CẦU V181	Số lượng: 1	1	700	14	8	1	8	700	5.600	1.208	6.767
		2	1600	14	4	1	4	1600	6.400	1.208	7.734
BÀN MẶT CẦU V257	Số lượng: 1	1	3400	14	18	1	18	3400	61.200	1.208	73.955
		2	3500	14	17	1	17	3500	59.500	1.208	71.901
BÀN MẶT CẦU V258	Số lượng: 1	1	1400	14	19	1	19	1400	26.600	1.208	32.144
		2	3800	14	7	1	7	3800	26.600	1.208	32.144
DẦM MỞ RỘNG V42	Số lượng: 1	1	550	14	2	1	2	550	1.100	1.208	1.329
DẦM MỞ RỘNG V45	Số lượng: 1	1	550	14	2	1	2	550	1.100	1.208	1.329
DẦM MỞ RỘNG V51	Số lượng: 1	1	550	14	2	1	2	550	1.100	1.208	1.329
DẦM MỞ RỘNG V56	Số lượng: 1	1	550	14	2	1	2	550	1.100	1.208	1.329
DẦM MỞ RỘNG V59	Số lượng: 1	1	550	14	2	1	2	550	1.100	1.208	1.329
BÀN MẶT CẦU V155	Số lượng: 1	1	900	14	12	1	12	900	10.800	1.208	13.051
		2	2400	14	5	1	5	2400	12.000	1.208	14.501
DẦM MỞ RỘNG V52	Số lượng: 1	1	600	14	2	1	2	600	1.200	1.208	1.450
DẦM ĐOC V170	Số lượng: 1	1	800	14	5	1	5	800	4.000	1.208	4.834
		2	1000	14	4	1	4	1000	4.000	1.208	4.834
BÀN MẶT CẦU V244	Số lượng: 1	1	1500	14	9	1	9	1500	13.500	1.208	16.314
		2	1700	14	8	1	8	1700	13.600	1.208	16.434
		3	1400	14	8	1	8	1400	11.200	1.208	13.534
		4	1600	14	7	1	7	1600	11.200	1.208	13.534
DẦM ĐOC V57	Số lượng: 1	1	400	14	5	1	5	400	2.000	1.208	2.417
		2	1600	14	2	1	2	1000	2.000	1.208	2.417
BÀN MẶT CẦU V201	Số lượng: 1	1	900	14	5	1	5	900	4.500	1.208	5.438
		2	1000	14	5	1	5	1000	5.000	1.208	6.042
BÀN MẶT CẦU V205	Số lượng: 1	1	3600	14	19	1	19	3600	68.400	1.208	82.655
		2	3800	14	18	1	18	3800	68.400	1.208	82.655
BÀN MẶT CẦU V230	Số lượng: 1	1	2000	14	10	1	10	2000	20.000	1.208	24.168
		2	2000	14	19	1	19	2000	38.000	1.208	45.920
DẦM MỞ RỘNG V12	Số lượng: 1	1	400	14	2	1	2	400	0.800	1.208	0.967
DẦM MỞ RỘNG V13	Số lượng: 1	1	500	14	2	1	2	500	1.000	1.208	1.208
DẦM MỞ RỘNG V206	Số lượng: 1	1	500	14	2	1	2	500	1.000	1.208	1.208
DẦM CONSOLE V4	Số lượng: 1	1	600	14	1	1	1	600	0.600	1.208	0.725
		2	200	14	4	1	4	200	0.800	1.208	0.967
		3	700	14	4	1	4	700	2.800	1.208	3.384
		4	600	14	4	1	4	600	2.400	1.208	2.900
DẦM CONSOLE V11	Số lượng: 1	1	300	14	5	1	5	300	1.500	1.208	1.813
		2	900	14	2	1	2	900	1.800	1.208	2.175

- Trọng lượng thép có đường kính Φ14 = 677.69

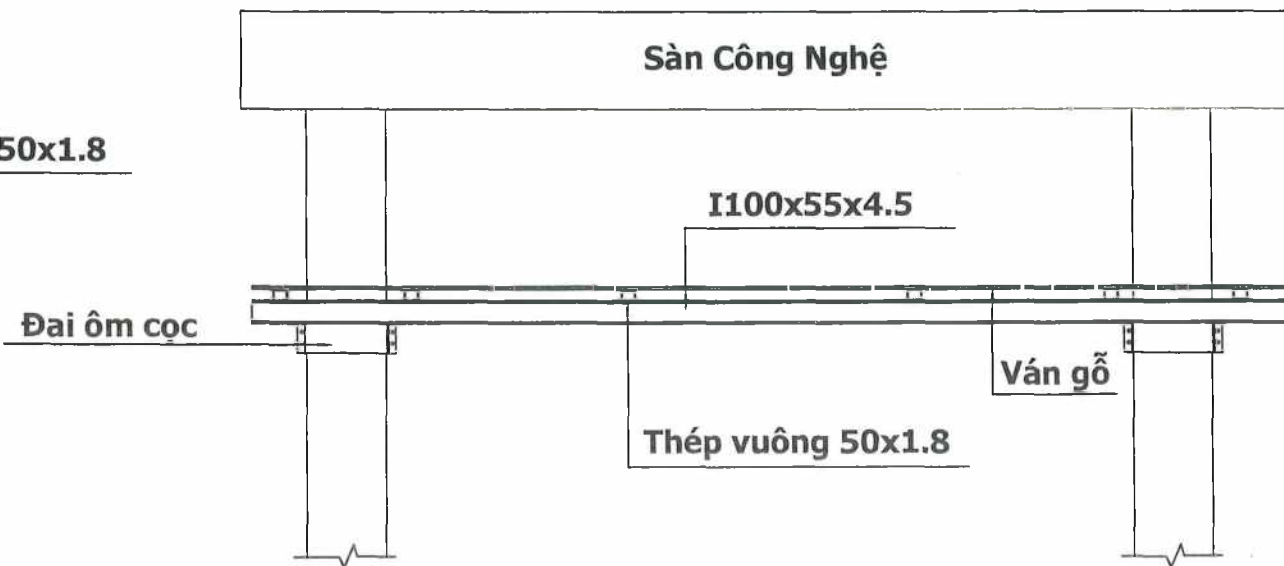
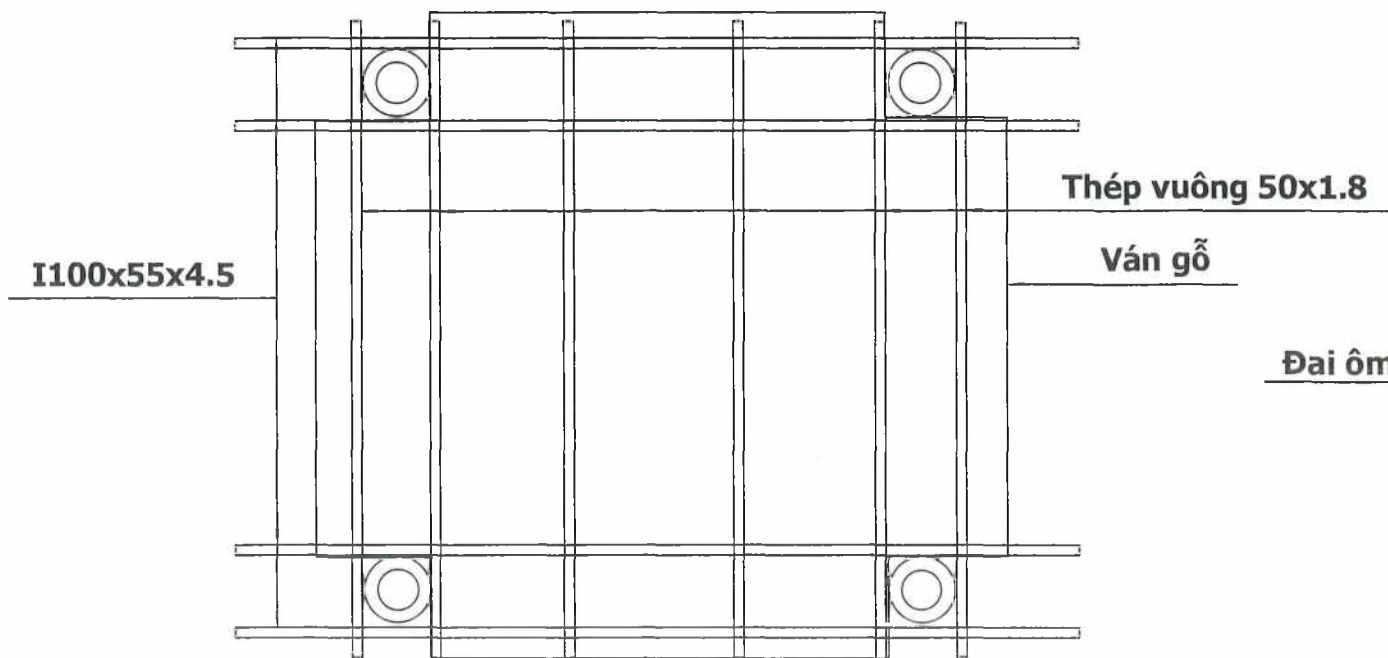
BIỆN PHÁP THI CÔNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG
THẨM TRA
Theo Văn bản số / BCTT/20.....
ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

 CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025) TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN		 CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM	GIÁM ĐỐC NGUYỄN ĐÌNH KIỂM	- Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm Dimensions are in Cm - Cao độ ghi là m / elevation are in m - Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system TỶ LỆ: THEO BV KÝ HIỆU: BVTK-BSBHMN-2025 BV SỐ : 13
		THIẾT KẾ	LÊ NGỌC MINH			
		KIỂM TRA	NGUYỄN TUẤN ANH			
		CNTK	PHẠM THẾ TRƯỞNG			

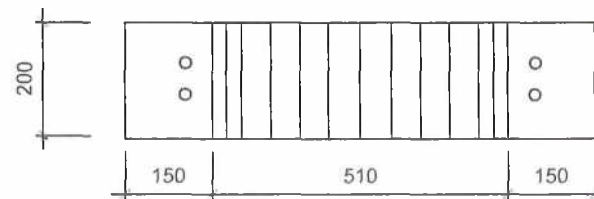
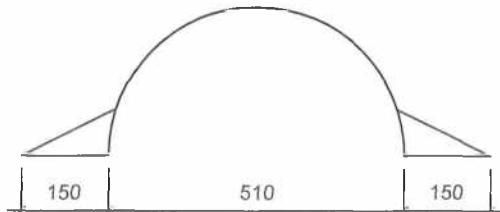
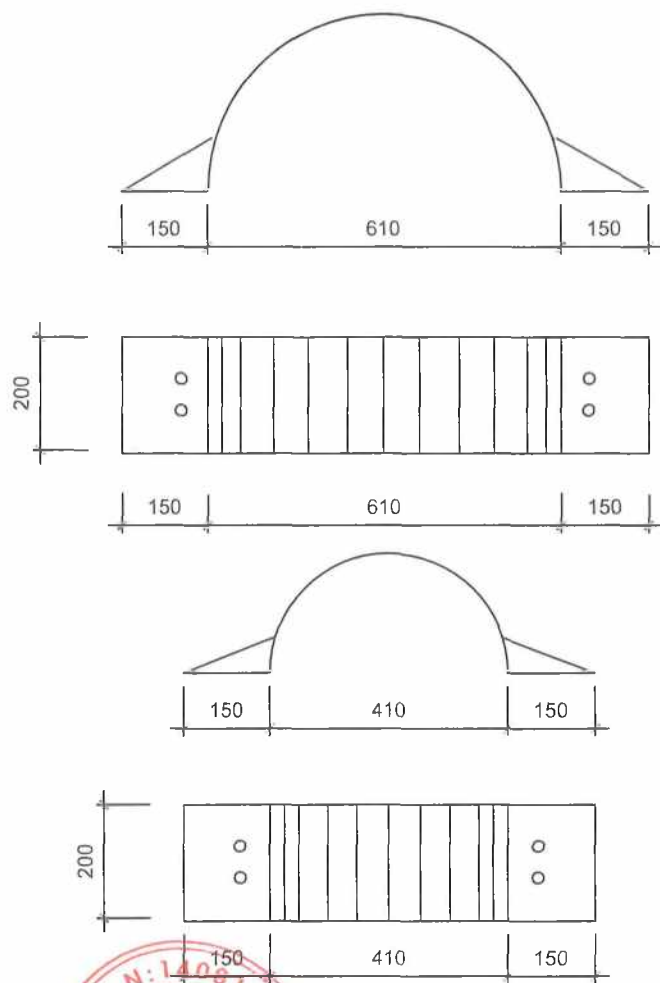
Đinh Thiện Hiền

BIỆN PHÁP THI CÔNG



Đai ôm cọc D600 và D400

Đai ôm cọc D500



CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG
THẨM TRA
Theo Văn bản số 102 / BCTT/ 20.25
ngày 16 tháng 10 năm 2025
Chủ trì bộ môn kỹ thuật: JH

BẢNG THỐNG KÊ 1 KHUNG SÀN ĐẠO

STT	Tên	Chiều dài (m)	Số Lượng	Khối Lượng 1m (KG/M)	Tổng Khối Lượng 1 Khung (kg)
1	Thép hình I100x55x4.5	6	4	9.46	227.04
2	Thép hộp vuông 50x1.8	6	4	2.7	64.8
3	Đai ôm cọc		8	10.6	84.8
4	Bulong M20		16		
5	Ván gỗ (m2)	4	4		16

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐÔNG THÁP ĐÔNG THÁP Định Thiện Hiền	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025) TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN:	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM
		THIẾT KẾ: LÊ NGỌC MINH	GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH KIỂM
KIỂM TRA: NGUYỄN TUẤN ANH	THỦY BỘ	CNTK: PHẠM THẾ TRƯỜNG	NGUYỄN ĐÌNH KIỂM
		TỶ LỆ: THEO BV	
		KÝ HIỆU: BVTK-BSBHM-2025	
		BV SỐ: 14	

BIỆN PHÁP THI CÔNG

BƯỚC 1:

BƯỚC 1:

- + Chuẩn bị mặt bằng thi công, tập kết vật tư và thiết bị thi công.
- + Xác định vị trí hư hỏng theo chỉ dẫn thiết kế.
- + Lắp đặt sàn thao tác cố định phục vụ công tác thi công.
- + Sử dụng máy cắt vanh phạm vi bê tông cần sửa chữa, đục tẩy toàn bộ phạm vi hư hỏng.
- + Thu gom phần bê tông đã đục bỏ vào bao và tập kết đúng nơi qui định.

BƯỚC 2:

BƯỚC 2:

- + vệ sinh cốt thép hiện hữu.
- + Chuẩn bị công tác buộc thép gia cường vào thép hiện hữu.

BƯỚC 3:

BƯỚC 3:

- + Lắp đặt cốt thép gia cường vào phạm vi sửa chữa.
- + Tiến hành quét Sika monotop 610 để tạo liên kết với bê tông.

BƯỚC 4:

BƯỚC 4:

- + Lắp dựng ván khuôn, thi công trát vữa vào phạm vi sửa chữa.
- + Vệ sinh hoàn thiện công tác.

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM LONG
THẨM TRA
Theo Văn bản số103...../BCTT/20...25
ngày16.....tháng10.....năm 20...25
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
ĐỒNG THÁP
Định Thiện Hiền

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
GÓI THẦU: TƯ VẤN KHẢO SÁT, THIẾT KẾ (BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN) CỦA HẠNG MỤC
SỬA CHỮA CẦU CẢNG PHƯỚC KHÁNH (THEO BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ
SỐ 45/2025/BCĐGAT LẬP THÁNG 07/2025)
TẬP 3: BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY BỘ MIỀN NAM
THIẾT KẾ: LÊ NGỌC MINH
KIỂM TRA: NGUYỄN TUẤN ANH
CNTK: PHẠM THẾ TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC: *[Signature]*
NGUYỄN ĐÌNH KIỂM

Kích thước ghi trên bản vẽ là Cm
Dimensions are in ,Cm
Cao độ ghi là m / elevation are in m
Hệ cao độ giả định/Presumptive elevation system
TỶ LỆ: THEO BV
KÝ HIỆU: BVTK-BSBHMN-2025
BV SỐ : 15